

## HOA NGHIÊM KINH THẨM HUYỀN KÝ

### QUYỂN 11

Trong phần bốn là so sánh thù thắng. Bồ-tát trú trong này hơn hẳn Nhị thừa, trước đây bắt đầu trú và an trú đã nói hơn hẳn Tiểu thừa, vì sao đến đây mới nói về thù thắng? Giải thích rằng: Các hạnh của Bồ-tát là sự việc đều hơn hẳn, trước đây là bắt đầu trú và chính thức trú hơn hẳn, nay Địa đầy đủ thù thắng cho nên cũng phân rõ về hơn hẳn. Như ở phần vị Kiến đạo thì Tiểu thừa không có đức thù thắng này, nay ở đây không giống nhau cho nên hiển bày về thù thắng. Nhưng tướng thù thắng này sơ lược nói đến ba loại: Nguyện là nêu ra chí hướng xa rộng, Hạnh là dựa vào thệ nguyện thành tựu về tu, Quả là hạnh thành tựu ngay nơi phần vị ấy.

**Thứ nhất trong Nguyện tóm lược đưa ra bảy môn:** Một, Hiển bày tên gọi; Hai, Thể tánh; Ba, Dựa theo Tu phân biệt; Bốn, Dựa theo Hạnh phân biệt; Năm, Dựa theo Hành-Vị đã mong cầu phân biệt; Sáu, Nhân quả phân biệt; Bảy, Giải thích văn.

Một, Hiển bày tên gọi: Nguyện là nghĩa về mong cầu. Địa Luận nói: “Phát các Đại nguyện là nghĩa về tùy tâm mong cầu.” Tiếp là hiển bày về tên gọi riêng biệt, trong luận này chỉ giải thích văn chữ không hiển bày về tên gọi. Xưa nay các vị chỉ dựa vào nghĩa đưa ra tên gọi, hoặc là có thuận, hoặc là không thuận. Nay dựa vào Lương Nhiếp luận nêu ra đầy đủ mười tên gọi, luận ấy nói: “1) Nguyện cúng dường, là nguyện cúng dường Pháp chủ, bậc thầy có phước điền với duyên thù thắng. 2) Nguyện thọ trì, là nguyện thọ trì Chánh pháp vi diệu thù thắng. 1) Nguyện chuyển pháp luân, là nguyện ở trong Đại Tập, chuyển pháp luân chưa từng có. 4) Nguyện tu hành, là nguyện như thuyết tu hành tất cả Chánh hạnh của Bồ-tát. 5) Nguyện thành tựu, là nguyện thành tựu thiện căn Tam thừa của chúng sinh trong khí thế giới này. 6) Nguyện thừa sự, là nguyện hướng về quốc độ của chư Phật, thường được thấy chư Phật, luôn luôn được cung kính hầu hạ, nghe và tiếp nhận Chánh pháp. 7) Nguyện tịnh độ, là nguyện an lập Chánh pháp trong quốc độ

thanh tịnh và chúng sinh có thể tu hành. 8) Nguyện không lìa xa, là nguyện đối với tất cả nơi sinh ra, luôn luôn không lìa xa chư Phật và Bồ-tát, đạt được giống như ý thực hành. 9) Nguyện lợi ích, là nguyện đối với tất cả thời gian, luôn luôn làm điều lợi ích cho chúng sinh, không có lúc nào trôi qua trống rỗng. 10) Nguyện chánh giác, là nguyện cùng với tất cả chúng sinh cùng đạt được Vô thượng Bồ-đề, luôn luôn làm Phật sự.” Giải thích rằng: Trong mười nguyện này, đầu tiên là nguyện cúng dường, trong kinh này chỉ dựa theo cúng dường Phật, Nhiếp Luận bao gồm bậc thầy có phước điền với duyên thù thắng. Nguyện thứ hai giống nhau. Nguyện thứ ba, trong kinh này là thỉnh chuyển pháp luân làm vị Thượng thủ nhiếp pháp, không phải là chính mình làm sự việc chuyển pháp luân. Nguyện thứ tư, có người nói đây là nguyện nhận biết tâm của chúng sinh, tên gọi này không hợp; trong văn tự mình giải thích là tu hạnh Bồ-tát, cho nên giống như Nhiếp Luận. Nguyện thứ năm thành tựu, là giống như nghĩa về giáo hóa. Nguyện thứ sáu, trong kinh này gọi là nguyện nhận biết thế giới, hiện tiền nhận biết rõ ràng về thế giới sai biệt, cùng với Nhiếp Luận không giống nhau; kết hợp hai cách nói này, nghĩa là luận ấy nguyện thừa sự nhất định hướng về thế giới, ở đây nhận biết về thế giới nhất định hầu hạ Phật. Lại không cần kết hợp, chỉ kinh này là xác định, mười nguyện của luận ấy từ kinh này đưa ra, lại bởi vì những nơi khác không có văn. Còn lại ý nghĩa bốn nguyện sau, đều giống nhau có thể biết.

Hai, Thể tánh có sáu môn:

1) Dựa theo Khắc tánh môn, luận Duy Thức quyển thứ chín lấy Dục-Thắng giải và Tín làm tánh, Nguyện lấy ba loại này làm tự tánh.

2) Dựa theo Tương ứng môn, Lương Nhiếp luận quyển thứ 10 lấy thanh tịnh-ý dục làm Thể của Nguyện, dựa vào Bát-nhã cho nên đạt được thanh tịnh, dựa vào Đại Bi cho nên có ý dục.

**Giải thích rằng:** Môn này có năm pháp: a) Thanh tịnh là Tín; b) Ý là ý thích; c) Dục; d) Trí; e) Bi. Hai pháp sau là chỗ dựa. Vì sao dựa vào hai pháp này, là bởi vì Nguyện có hai. Duy Thức nói: “Nguyện có hai loại, đó là nguyện cầu Bồ-đề, nguyện làm lợi ích vui sướng cho người.”

3) Dựa theo Sở y, bởi vì dựa vào trí Hậu đắc mà khởi lên nguyện này, như các luận khác nói, bởi vì trong mười Độ thì bốn Độ sau đều là trí Hậu đắc.

4) Dựa theo hạnh tăng dần làm tánh, như Địa Luận nói: “Vì sao gọi là Đại nguyện? Bởi vì ánh sáng của thiện căn chuyển sang thù thắng

thêm rộng.” 5) Dựa theo Quyển thuộc, bởi vì bao gồm tất cả các hạnh. Duy Thức nói: “Nếu phân rõ về quyển thuộc thì mỗi một loại đều lấy công đức của tất cả các hạnh làm tánh.” 6) Dựa theo Cứu cánh, Lương Nhiếp luận quyển thứ 10 nói: “Mười nguyện này đến lúc bước vào Địa thứ nhất mới được thành lập. Nguyên có thế nào? Bởi vì nguyện này lấy Chân Như làm Thể, mà Địa thứ nhất có thể thấy Chân Như.”

Ba, Dựa theo Tu phân biệt: Bảy nguyện đầu là bắt đầu tu, hai nguyện tiếp là tu thuần thực, một nguyện sau cùng là tu thành tựu đạt được quả. Lại từ lúc mới phát tâm ở Địa tiền đã khởi lên nguyện này, đến lúc bước vào Địa thứ nhất, tu nguyện được thành tựu, như Lương Nhiếp luận... phân rõ.

Bốn, Dựa theo Hạnh phân biệt, có hai: Một là riêng biệt, hai là gồm chung.

Riêng biệt mà nói, hai nguyện đầu là hạnh Tự lợi. Luận nói: Nguyện thứ nhất là hạnh đầy đủ công đức, nguyện thứ hai là hạnh đầy đủ trí tuệ. Năm nguyện tiếp theo là hạnh Lợi tha, trong đó: Một là dùng thân nào, là bởi vì thân Thượng thủ nhiếp pháp có thể làm lợi ích cho người khác. Hai là dùng tâm nào, là bởi vì tâm tu hành mới có thể thấu nhiếp chúng sinh. Ba là chúng sinh nào, là bởi vì bốn sinh loại đều là chúng sinh đã giáo hóa. Bốn là chúng sinh ở nơi nào, bởi vì nhận biết thế giới sai biệt. Năm là tự thân ở nơi nào có thể giáo hóa chúng sinh, là ở nơi Tịnh độ. Ba nguyện sau cùng có ba nghĩa: 1-Đầu là đầy đủ Tự lợi, tiếp là đầy đủ Lợi tha, sau là đạt được quả hai Lợi. 2-Ba nguyện đều là Tự lợi, Luận nói: Ba nguyện sau hiển bày về tự thân. 3-Ba nguyện đều là Lợi tha, Luận nói: Ba nguyện này nêu ra rõ ràng như thật giáo hóa chúng sinh.

Dựa theo gồm chung mà nói, mười nguyện này đều là Tự lợi, đều là Lợi tha, vì vậy văn sau luận nói: Đây là so sánh về nguyện thù thắng của Bồ-tát, có hai loại hơn hẳn Thanh văn và Bích-chi: 1) Bởi vì luôn luôn chịu khó tu tập vô lượng hạnh; 2) Bởi vì cùng thực hành với tất cả chúng sinh. Giải thích rằng: Ở đây câu trước là Tự lợi, câu sau là Lợi tha, cho nên có thể biết.

Năm, Dựa theo Hành-Vị đã cầu phân biệt, có hai: Một là gồm chung, hai là riêng biệt.

Gồm chung mà nói, hoặc cùng là Hành, bởi vì đều dựa vào nguyện mà tu hành; hoặc đều là Vị, bởi vì bắt đầu phát nguyện ở Địa tiền, cuối cùng thành tựu ở Địa thượng, như Lương Nhiếp luận trước đây nói.

**Trong phân biệt:** Bảy nguyện đầu là Hành, đã phân rõ như trước;

ba nguyện sau dựa theo Vị hiển bày. Luận nói: Ba nguyện sau, một nói là đạt được Địa mà so sánh thù thắng, vì vậy biết từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ chín càng thêm thù thắng; hai là đạt được tất cả Địa của Bồ-tát mà so sánh thù thắng, đây là ở tận cùng phần vị Bồ-tát Địa thứ mười cho nên nói là tất cả Địa; ba là đạt được cứu cánh tận cùng tất cả các Địa, đây là ở Phật địa, bởi vì Phật quả cứu cánh tận cùng tất cả các Địa.

Sáu, Phân biệt nhân quả phân biệt, cũng có gồm chung và riêng biệt.

Nói gồm chung đều là nhân, bởi vì thuộc về phần vị của nhân. Nếu như vậy thì Nguyện thứ mười vì sao thành Phật? Giải thích có hai nghĩa: 1) Đây là nguyện lực của Bồ-tát Địa thượng thị hiện thành Phật ở phương khác, lý thật thì không phải là Phật; 2) Trong Địa khởi lên nguyện, nguyện sẽ thành Phật, nay cũng chưa thành; hoặc là quả, lấy Địa tiền khởi lên nguyện chưa thành tựu là nhân, đạt được Địa thành tựu là quả, như thực hành mười Độ, Địa tiền là nhân, Địa thượng là quả...

Trong nói riêng biệt có hai: 1) Nói tùy theo hiển bày, chín nguyện trước là nhân, một nguyện sau là quả; 2) Nói thâm nhiếp đầy đủ, năm nguyện trước thành tựu nhân hạnh; nguyện thứ sáu là trí nhận biết thế giới, là quả thuộc Chứng trí đã mong cầu; nguyện thứ bảy là quả thuộc Y báo của Tịnh độ đã mong cầu; nguyện thứ tám-thứ chín cũng là nhân; nguyện thứ mười là quả thuộc Chánh báo đã mong cầu.

Bảy, Giải thích văn, có bốn: 1) Một câu đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, là phương tiện khởi nguyện; 2) Chính thức hiển bày về mười nguyện; 3) Mở rộng thâm nhiếp quyền thuộc; 4) Dùng mười Tận làm kỳ hạn chủ yếu, để hiển bày về Vô tận.

Trong phần một, sinh tâm chắc chắn như vậy, luận nói vốn là Đại phương tiện-Đại hạnh, nghĩa là khéo léo phát khởi Đại chí, nêu lên kỳ hạn mà thực hiện, gọi là Đại phương tiện, là Nguyện thuộc Tâm. Dựa vào nguyện thành tựu tu, hạnh thành tựu chắc chắn, cho nên gọi là Đại hạnh thành tựu, đây là Nguyện thuộc Hạnh. Đối với hai loại này dấy lên tâm quyết định thành tựu, lại không có hai niệm, cho nên gọi là tâm chắc chắn.

Phần hai chính thức hiển bày về mười nguyện tức là mười đoạn, trong các nguyện đều có ba nghĩa: Một, Nêu ra việc đã làm, tức là Thể của hạnh; Hai, Phát ra Đại nguyện như vậy, trình bày về đối với hạnh phát khởi nguyện; Ba, Rộng lớn... hiển bày về phạm vi giới hạn của nguyện.

*Trong Nguyện thứ nhất này, luận tổng quát có bảy loại Đại:*

1) Tâm cúng dường Đại, thanh tịnh tâm, luận gọi là Thượng thâm tín thanh tịnh. Bởi vì kính trọng tăng thượng cho nên giải thích về Thượng, hồi hướng Bồ-đề giải thích về Thâm, quyết định Tín giải thích về Tín. Trong này tâm thanh tịnh có đủ ba nghĩa này, lại luôn luôn không xen lẫn niệm khác cũng gọi là tâm thanh tịnh.

2) Phước điền Đại, nghĩa là có Phật thì cúng dường, cho nên nói là không sót vị nào. Cúng dường có ba loại, có người phối hợp cúng dường ba vị Phật, hoặc là thích hợp, hoặc là không thích hợp, dựa theo có thể biết. Trong đó, hương hoa chỉ biểu lộ về cung kính, không có tiền của sử dụng cho nên gọi là cung kính. Hạnh cúng dường và hạnh cung kính đâu sai khác, nhưng nghĩa về một hạnh thật là sai khác, nghĩa về giúp đỡ thuận theo là cúng dường, nghĩa về cung kính ngưỡng mộ là cung kính, cũng phối hợp ba vị Phật giống như trước. Luận dựa vào Tam thừa nói là ba vị Phật, dựa theo Biệt giáo sau này cũng là mười vị Phật.

3) Sự cúng dường Đại, nghĩa là tất cả vật dụng cúng dường..., điều này có ba nghĩa: a) Mỗi một sự việc đều rộng lớn, bởi vì như luận nói vô lượng; b) Nhiều chủng loại sai khác, bởi vì như luận nói đủ loại; c) Tất cả đều đẹp đẽ kỳ diệu, bởi vì như luận nói lại cúng dường những điều thù thắng. Đầy đủ ba nghĩa này, gọi là tất cả đầy đủ. Trên đây là Thể của Hành.

4) Nguyện Đại, nghĩa là tùy theo hạnh mà khởi nguyện, như kinh nói phát khởi Đại Nguyện như vậy, cho nên khởi lên nguyện này.

5) Nhiếp công đức Đại, bởi vì hơn hẳn thiện căn của những phàm phu-Tiểu thừa khác, cho nên nói là rộng lớn như pháp giới.

6) Nhân Đại, sinh ra quả yêu thích thuộc Vô thường, bởi vì nhân không tận cùng cho nên nói là cứu cánh như hư không.

7) Thời Đại, có thể tận cùng thời gian vị lai, đạt được quả thường còn thuộc Niết-bàn cho nên nói là tận cùng thời gian vị lai.

Bởi vì người lập nên thệ nguyện tự mình yêu cầu, nói là cúng dường tận cùng trong tất cả đời kiếp cho đến không hề ngưng nghỉ. Trong tất cả đời kiếp vốn có Phật, là lập tức cúng dường; không hề ngưng nghỉ, là thường xuyên cúng dường.

Hỏi: Các nơi phần nhiều trình bày về cúng dường Tam Bảo, trong này vì sao chỉ riêng cúng dường Phật?

Đáp: Lý thật thì có tất cả, nhưng trong văn dựa theo để hiển bày. Nguyện thứ nhất hướng về Phật nguyện cúng dường, nguyện thứ hai hướng về Pháp nguyện hộ trì, nguyện thứ tám hướng về Tăng nguyện

như nhau.

Vả lại, cúng dường có ba nghĩa: 1) Chỉ cúng dường Phật, hiển bày hạnh hưởng về mong cầu; 2) Cúng dường Phật và Tăng, thuận theo mong cầu pháp; 3) Cúng dường Tam Bảo, thâm nhiếp đầy đủ công đức. Nay dựa vào nghĩa thứ nhất cho nên chỉ riêng cúng dường Phật.

Trong Nguyên thứ hai cũng có ba: Một-Nêu ra việc đã làm, trong đó kinh có ba câu làm thành hai cách giải thích: 1) Dựa vào bắt đầu tu; 2) Dựa theo cuối cùng thành tựu.

***Trong phần một có ba:***

a) Bảo vệ giáo pháp, nghĩa là Khế kinh... chọn lấy thuận theo đọc tụng..., đây là pháp đã bảo vệ; viết chép... hiểu rõ là tự mình duy trì thực hành để bảo vệ. Các kinh luận khác nói có mười loại. Vô Tánh Nhiếp Luận nói: “1) Viết chép; 2) Cúng dường; 3) Chuyển vận bố thí; 4) Lắng nghe tường tận; 5) Mở ra đọc tụng; 6) Thọ trì; 7) Khai thị; 8) Phúng tụng; 9) Tư duy; 10) Tu tập.” Nay trong luận này tạm thời nói đến sáu loại, năm loại đầu là bảo vệ Tự hành, một loại sau là bảo vệ Hóa tha.

b) Thâm nhiếp như tất cả chư Phật... là trình bày về nhiếp thọ chứng pháp, nghĩa là duy trì Tự hành mà chứng được Tam miệu Bồ-đề, thâm nhiếp những pháp này chuyển sang giảng dạy để bảo vệ Hóa tha.

c) Pháp mà tất cả chư Phật đã giáo hóa... là pháp hành, nghĩa là người tu hành đều là do chư Phật đã giáo hóa. Lúc họ tu hành, nếu có chướng nạn, thì thâm nhiếp khiến trú vào thiện, bởi vì làm cho lìa xa chướng, cứu giúp khiến rời bỏ ác, bởi vì làm cho thoát khỏi nạn. Lại chưa dứt khởi chướng nạn thì bảo vệ khiến cho không sinh ra, đã dứt khởi chướng nạn thì cứu giúp khiến cho tránh khỏi. Trên đây giải thích dựa theo bắt đầu, xong.

***Trong phần hai lại gọi là ba thành tựu... dựa theo cuối cùng thành tựu để giải thích:***

a) Trình bày về thành tựu Pháp luân bất đoạn.

b) Thành tựu về chứng ba loại Chánh giác. Vì sao Bồ-tát chứng Bồ-đề của Nhị thừa? Giải thích có hai nghĩa: 1) Đã chứng hai Không cho nên thâm nhiếp Sinh Không, như trong kinh Thắng Man nói: “Nhiếp thọ Chánh pháp cho nên đầy đủ pháp thế gian và xuất thế gian của Nhị thừa.” 2) Vì chúng sinh mà hiện chứng, như Thiên Nữ nói: “Nếu dùng pháp Thanh văn để giáo hóa chúng sinh thì tôi làm Thanh văn...” Lại trong Pháp Hoa nói: “Biết chúng sinh vui với pháp Tiểu thừa cho nên Bồ-tát hóa làm Nhị thừa...” Đây là nghĩa này.

c) Thành tựu về tu hành, từ lúc mới phát tâm cho đến nhân đầy đủ

cho nên nói là như thật tu hành, hạnh thành tựu đạt được quả cho nên nói là thành Chánh giác.

Hai, Khởi nguyện; Ba, Phạm vi giới hạn, đều giải thích giống như trước, có thể biết.

Trong các nguyện sau, hai đoạn sau này đều không giải thích lại, nên biết.

***Trong Nguyện thứ ba, Thể của hành có bốn:***

1) Trình bày về nơi chốn thâm nhiếp pháp, như kinh nói vốn là tất cả thế giới..., đây là tất cả thân Ứng Hóa của Phật, hướng về nơi chốn ấy mà ứng cảm thành đạo, cho nên nói là tất cả Phật.

2) Trình bày về thời gian thâm nhiếp pháp, nghĩa là lúc Phật trong ấy hiện rõ tám tướng, tám tướng này cũng có Hóa Phật đầy đủ và không đầy đủ, như Thiên Vương Như Lai là bạch y thành đạo thì không có xuất gia; Tu Phiến Đa Phật cũng biết xuất thế, không có chúng sinh được hóa độ liền nhập Niết-bàn, để lại Hóa Phật trong nửa kiếp hóa độ mọi người, vậy thì không có Chuyển pháp luân. Nếu chọn lấy Hóa thân mà nói thì cũng đầy đủ tám tướng, còn lại Thích-ca... phần nhiều cũng đầy đủ tám tướng, như vậy đều dựa theo thế giới Tu Di Sơn. Nếu dựa vào thế giới như cây cối hiện ra... thì toàn bộ không có tám tướng, bởi vì ở đó chưa hẳn có cõi trời Đâu-suất... Lại tám tướng này, trong luận chỉ giải thích năm tướng, bởi vì đều rời bỏ thù thắng dựa vào thua kém, vì vậy cần phải giải thích mà thôi. Ba tướng còn lại thì không như vậy, cho nên không giải thích. Bởi vì ở trong thai thì nhất định phải sinh ra, cho nên không cần phải giải thích. Xuất gia hơn hẳn thế tục, cho nên cũng không giải thích. Chuyển pháp luân làm lợi ích cho chúng sinh cũng hơn hẳn không nói, cho nên không giải thích. Giải thích về sinh ở Đâu-suất có hai lần hỏi đáp: a) Dùng cõi trên làm câu hỏi, chất vấn về nơi chốn để giải đáp; b) Dùng Tha Hóa... làm câu hỏi, sinh tâm cung kính của chúng sinh ở cõi Đâu-suất để giải đáp. Giải thích về tướng còn lại, như luận hiển bày.

3) Thành tựu công hạnh thâm nhiếp pháp, như kinh nói: Ta vào lúc bấy giờ... Trong luận giải thích có hai: a) Bởi vì tùy theo chúng sinh cõi ấy, tự mình cúng dường Phật làm cho họ học theo mình, cho nên nói là phương tiện, đây là thành tựu về hạnh thuộc công đức, bao gồm tám tướng. b) Bởi vì Như Lai ấy có pháp đã thuyết ra, cho nên bắt đầu thừa thĩnh để thâm nhiếp pháp; thừa thĩnh về pháp vì chúng sinh, cho nên nói là phương tiện, đây là thành tựu về hạnh thuộc trí tuệ này thành. Chỉ dựa theo tướng Chuyển pháp luân, hai loại này tổng quát gọi là pháp

trợ Bồ-đề.

4) Trình bày về sự thành tựu nhanh chóng ấy, luận về kinh gọi là tất cả nơi chốn cùng một lúc thành tựu, cùng một lúc Chuyển pháp luân. Luận giải thích: Không phải trước-sau, cho nên ở đây gọi là ba thời Chuyển pháp luân, là ở tất cả nơi chốn thành Phật cùng một lúc ba lần Chuyển pháp luân mà gọi tên, cũng là bởi vì ba lần thừa thỉnh Chuyển pháp luân.

Trong Nguyên thứ tư, Nội hành có hai: 1) Chính thức hiển bày công hạnh của Bồ-tát; 2) Nói ra để giáo hóa chúng sinh khiến cho tâm tăng trưởng.

***Trong phần một, luận thâm nhiếp làm bốn:***

Một, Các loại là nghĩa về hành sai biệt, trong đó có hai, một là hành thế gian, hai là hành xuất thế gian. Hai loại này có hai: Nếu dựa theo phần vị để phân biệt thì Địa tiền là thế gian, Địa thượng là xuất thế gian; nếu tùy theo nghĩa để phân biệt về Địa thì Giáo hành gọi là thế gian, Chứng hành gọi là xuất thế gian. Nay dựa vào nghĩa sau: a) Từ Địa thứ nhất đến Địa thứ sáu, ở trong một hành tu tất cả các hành, cho nên gọi là Quảng; b) Trong Địa thứ bảy, trong tất cả các hành tu tất cả các hành, cho nên gọi là Đại; c) Địa thứ tám trở đi, trong từng niệm niệm tùy ý vận dụng tiến sâu vào vô lượng cảnh Phật, cho nên gọi là Vô lượng. Xuất thế là đích thực Chứng chân trí không xen tạp pháp chấp cho nên không thể hủy hoại, lìa xa vọng niệm cho nên không còn phân biệt.

Hai, Thế là các Ba-la-mật vốn là Thế thuộc hành của Bồ-tát.

Ba, Nghiệp là nghiệp đã tu trong các Địa, cho nên nói là pháp trợ đạo.

Bốn, Phương tiện là tướng khéo léo tích tập thành một thâm nhiếp tất cả, phải do sáu tướng mới có thể biểu hiện rõ ràng, vì sao trong luận nói Đồng tướng và Dị tướng, ở đây nói là có tướng và không có tướng? Bởi vì chủng loại riêng biệt đều kèm theo tổng quát, nói ra có là Đồng; nhưng tất cả không có lẫn nhau, nói ra không có là Dị, cho nên không trái ngược nhau.

***Phần hai từ “Nhất thiết Bồ-tát...” trở xuống là nói ra bốn hành trước đây, dùng để giáo hóa chúng sinh. Trong đó, công hạnh của Bồ-tát là nhắc lại các loại trước đây, và các Ba-la-mật là nhắc lại Thế trước đây, hành vốn có là nhắc lại nghiệp và phương tiện. Từ “Giáo hóa...” trở xuống là chính thức đem giáo hóa chúng sinh, khiến cho tâm được tăng trưởng.***



Trong Nguyên thứ năm, Nội hành có hai: Trước là trình bày về chúng sinh đã giáo hóa, sau là trình bày về thành tựu lợi ích do giáo hóa.

***Trong phần trước, luận thâm nhiếp làm sáu:***

1) Thô tế là hiển bày về tướng sai biệt của Báo. Ở trong Sắc, tế là Vô tướng, là Vô tướng thiên; ở Thiên thứ tư, cùng nơi chốn với cõi trời Quảng Quả, ngoại đạo lấy làm Niết-bàn, tu Định Vô tướng sinh đến cõi trời ấy, cảm được Báo không có tâm trong 500 kiếp, không có đệ tử nào của Phật sinh trong cõi trời ấy. Ngay trong Vô sắc, ba Không trước gọi là Phi vô tướng, Không thứ tư gọi là Phi hữu tướng, bởi vì không có Tướng thô cho nên gọi là Phi hữu tướng, Phi nghĩa là bởi vì không có Tướng tế, luận về kinh gọi là Phi tướng phi phi tướng.

2) Sinh y chỉ, là nơi nương tựa của Báo, bốn Sinh loại sai biệt đưa ra ba môn: a) Trình bày về nối thông và hạn chế; b) Hiển bày về rộng rãi và hạn hẹp; c) Giải thích văn. Trong phần a, Hóa sinh là toàn phần của hai nẻo ở trong năm nẻo, đó là địa ngục và trời, phần ít của ba nẻo còn lại. Như lúc ban đầu của kiếp, con người-súc sinh và quỷ tất cả đều là Hóa sinh, về sau thì gồm chung và tách biệt. Thai sinh là phần ít của ba nẻo, đó là con người-súc sinh và quỷ, còn lại đều không có. Noãn sinh và Thấp sinh là phần ít của hai nẻo, đó là con người và súc sinh, còn lại đều không có. Trong loài người, Thấp sinh như Đảnh Sinh Vương..., Noãn sinh như Tỳ-xá-khư mẫu sinh bọc trứng nở ra 32 người con... Phần b là rộng rãi và hạn hẹp, bởi vì bốn Sinh loại hướng về năm nẻo, bốn Sinh loại rộng rãi mà năm nẻo hạn hẹp. Trong phần c là giải thích văn, luận Tạp Tâm nói: Là Sinh loại thâm nhiếp nẻo hay là nẻo thâm nhiếp Sinh loại? Luận tự Giải thích rằng: Sinh loại thâm nhiếp nẻo chứ không phải nẻo thâm nhiếp Sinh loại. Vì sao năm nẻo không thâm nhiếp bốn Sinh loại? Luận nói: Trung ấm là Hóa sinh, năm nẻo không thâm nhiếp. Bốn loại này dựa theo nơi nương tựa, thọ sinh gọi là Y chỉ, như ba loại còn lại, dựa vào Thai-dựa vào Noãn-dựa vào Thấp, Hóa sinh dựa vào đâu? Luận giải thích là dựa vào nghiệp. Ba loại còn lại lẽ nào không dựa vào nghiệp? Giải thích là nghiệp của Hóa sinh thù thắng, không dựa vào duyên bên ngoài.

3) Cõi trên thanh tịnh, cõi Dục là bất tịnh.

4) Các loại thân là thọ báo khác nhau, nghĩa là ba nẻo dưới là khổ, trên cõi trời là vui, loài người và Tu-la bao gồm cả vui lẫn khổ.

5) Bởi vì tự nghiệp là chỗ dựa của thọ sinh, cho nên nói là sinh xứ.

6) Lấy Danh Sắc làm Báo, vốn là Thể của tự Báo, bốn uẩn là Danh, Sắc uẩn là Sắc. Bởi vì Sắc hình có thể nhìn thấy, cho nên ngay nơi tướng mà nói; bốn uẩn còn lại là tâm-tâm pháp, sâu xa tối tăm không tên gọi, không phân rõ cho nên nói là Danh. Kinh Lăng Già nói: “Dùng tên gọi để nói rõ ràng về bốn Ấm vô sắc, cho nên gọi là Danh, thì gọi là chúng sinh.”

Trong phần sau vì nghĩa gì mà giáo hóa, có ba: 1) Tin vào giáo pháp, cho nên nói là thành tựu về giáo hóa. 2) Đạt được quả nhỏ, cho nên nói là đoạn dứt đạo của thế gian; đạo là nghĩa về nhân, tức là Hoặc nghiệp; thế gian là báo, tức là quả của khổ. 3) Đạt được Đại Bồ-đề, dựa theo đây thì hàng Nhị thừa không có ai không đều hưởng về Đại Bồ-đề.

Trong Nguyên thứ sáu, đầu là trong hạnh đã mong cầu, có ba: Một, Trình bày hình thể chủng loại của thế giới; hai-Trình bày về phạm vi giới hạn của thế giới khắp nơi như nhau; ba-Thế giới kể ra nhiều vô lượng khắp mười phương.

Trong phần một có hai: Trước nêu ra đã nhận biết, sau từ “Tùy nhập...” trở xuống là mong cầu có thể nhận biết.

Trong phần trước có bốn:

1) Dựa theo rộng lớn và hạn hẹp để phân biệt, Tiểu Thiên là hạn hẹp, Trung Thiên là trung bình, Đại Thiên là rộng lớn.

2) Nghĩa loại phân biệt: a) Chủng loại nhiều không có số lượng; b) Nghĩa khó mà phân biệt; c) Thể không hủy hoại được; d) Tướng không lay động được; e) Sự không nói ra được.

3) Tho tế phân biệt, luận nói tùy theo Ý thức-Thân của thế giới như thế nào, Ý thức là Tâm, Thân là Sắc, Sắc-Tâm thô cho nên thế giới cũng thô, tế cũng như vậy. Lại như trong Pháp Hoa: “Trời người thấy kiếp tận là thô, cõi này của Ta thường an ổn là tế.”

4) Y trú phân biệt, Chánh trú là thế giới giữa lên, Đảo trú là thế giới úp xuống, giống như tổ ong... Nói bằng phẳng là bởi vì không có gò nổi đồi núi... Nói vuông là bởi vì vuông vức, giống như hình cái Đấu. Nói tròn là bởi vì tròn trịa, giống như hình viên ngọc.

Phần sau là trình bày về có thể nhận biết, tùy theo thế giới như vậy, dùng trí tiến vào bên trong mà nhận biết rõ ràng.

Trong phần hai: Nghĩa tướng chân thật, như phía trên cung điện thù thắng tuyệt diệu của Đế Thích có châu ngọc quý báu làm thành lưới giăng, châu ngọc cõi trời trong suốt sáng ngời, trong một hạt châu hiện rõ tất cả châu ngọc, tất cả châu ngọc cũng như vậy, không có gì chướng

ngại lẫn nhau; thế giới cũng như vậy, ở trong một xứ có nhiều thế giới, trong trần số thế giới lại có nhiều thế giới, như vậy trùng trùng không có gì chướng ngại lẫn nhau. Bởi vì như nghiệp huyễn dấy lên, là chuyển sang ví dụ để hiển bày, như người ảo thuật ở thế gian làm ra nghiệp dụng huyền ảo, khiến cho thấy lửa ở trong nước, thấy nước ở trong lửa, nơi vật nhỏ thấy lớn, nơi vật lớn thấy nhỏ, đều không có chướng ngại; ở đây cũng như vậy, thế giới thật sự như vậy, cho nên gọi là chân thật. Đây là cảnh giới Như Lượng trong trí Như Lý, cho nên nói là chỉ riêng trí có thể nhận biết.

Trong phần ba: Vô lượng tướng, như hai tướng trước đây khắp nơi mười phương, gọi là vô lượng sai biệt; tận cùng giới hạn mười phương, cho nên gọi là tiến vào.

Sau là trình bày về có thể nhận biết, đều hiện rõ trước mắt mà nhận biết, là không chọn lấy so sánh để nhận biết, cho nên nguyện cầu trí này.

Trong Nguyên thứ bảy, trong Tịnh độ có bảy nghĩa, trong kinh tóm lược không có thanh tịnh tự tại, bởi vì không sai khác nhiều so với Đồng Thể. Trong sáu nghĩa: Đầu là ba nghĩa ngay nơi tướng trình bày về thanh tịnh, tiếp là một nghĩa dựa theo con người hiển bày về thanh tịnh, sau cuối là hai nghĩa nêu ra nhân để hiển bày về quả.

Trong ba nghĩa đầu: Đầu là một nghĩa về Thể thanh tịnh, tiếp là một nghĩa về Tướng thanh tịnh, sau là một nghĩa về Dụng thanh tịnh.

Một là trong Thể, Đồng Thể có hai nghĩa: 1) Cùng lấy pháp tánh làm Thể, cho nên dung tan chảy hòa vào nhau vô ngại; 2) Một lấy nhiều làm Thể, nhiều lấy một làm Thể, cho nên gọi là Đồng Thể. Vì vậy, luận về kinh không có chữ Nhập, rõ ràng là chính xác cho nên không nói đến Nhập.

Hỏi: Cùng với lưới giảng của Đế Thích trước đây khác nhau thế nào?

Đáp: Trước là thế giới hải, dựa theo duyên khởi gồm chung nhiễm tịnh, làm thay đổi hiện rõ lẫn nhau; nay là quốc độ hải, dựa vào lý thật mà nói, một vốn là nhiều, nhiều vốn là một, cũng không phải bên này bên kia liên quan với nhau...

Hai là đầy đủ đức trang nghiêm, có ba: 1) Thần thông trang nghiêm, vốn là thần biến tự tại, hoặc là lớn nhỏ dung nạp lẫn nhau, hoặc là có thể hóa hiện thuyết giảng giáo pháp. 2) Quang minh trang nghiêm, thường xuyên phát ra ánh sáng, chiếu rọi trừ diệt tối tăm, cho nên phá tan Vô minh. 3) Bảo tướng trang nghiêm, nhiều loại quý báu

tích tập thành tựu, cho nên đầy đủ công đức thù thắng. Sơ lược đầy đủ ba loại này cho nên nói là vô lượng trang nghiêm.

Ba là thọ dụng thanh tịnh, nghĩa là thọ dụng cõi này: 1) Khiến cho thành tựu Đoạn đức, phiền não vĩnh viễn không còn, cho nên nói là lìa xa các cấu uế; 2) Khiến cho thành tựu Hành đức, thành tựu hạnh thanh tịnh vi diệu, cho nên nói là đầy đủ thanh tịnh.

Bốn là trú xứ chúng sinh thanh tịnh, các Đại Bồ-tát đều đầy đủ trí thù thắng, có ở khắp nơi quốc độ ấy, cho nên gọi là thanh tịnh.

Năm là nhân của Tịnh độ, nhân có hai: 1) Sinh nhân, đó là tu các nhân Thí-Giới..., sẽ đạt được quả Tịnh độ, như kinh Duy Ma nói. 2) Y nhân, nhân này cũng có hai loại: a) Dùng cảnh trí tịnh thức làm chỗ dựa của quốc độ; b) Hậu trí thông tuệ làm chỗ dựa. Như Địa thứ mười tiến vào Tam-muội Phật Quốc Thể Tánh hiện rõ Tịnh độ sau này, nay dựa vào nghĩa này, cho nên nói là thường có...

Sáu là quả thanh tịnh, quả có hai loại: 1) Do nhân mà sinh ra quả; 2) Quả thị hiện, nghĩa là quả đức tự tại gặp cơ liền thị hiện. Nay dựa vào nghĩa này, cho nên nói là tùy theo tâm của chúng sinh...

Trong Nguyên thứ tám, trong hạnh đã mong cầu, có mười hai câu: Đầu là một câu tổng quát, tiếp là mười câu riêng biệt, sau cuối một câu là kết luận.

Trong tổng quát, không nghĩ đến Thừa khác, là giải thích về tâm giống nhau-hành giống nhau, nghĩa là nguyện này cùng tất cả Bồ-tát, tâm giống nhau là thấy lý giống nhau, nguyện cùng hành giống nhau là học theo hành giống nhau.

Trong riêng biệt: Đầu là năm câu về hạnh tu hành giống nhau, sau là năm câu về đức dụng giống nhau.

Trong năm câu đầu: Ba câu đầu là hành Tự lợi, hai câu sau là hành Thắng tiến.

Trong ba câu đầu: Một câu đầu là hành về Phước, hai câu sau là hành về Tuệ.

Trong hành về Tuệ: Đầu là trí Chánh chứng, sau là trí Hậu đắc.

**Lại giải thích:** Ba câu này như thứ tự, tức là ba Học về Giới-Định-Tuệ giống nhau. Một là khởi hạnh cùng nhau tu tập, gọi là cùng nhau tích tập thiện căn; tình không có gì khác nhau, gọi là không oán giận ganh ghét. Hai là cùng với Chân Như mà các Bồ-tát đã chứng một vị như nhau, cho nên gọi là một cảnh như nhau; tâm có thể chứng trí cũng không khác nhau, cho nên gọi là hòa hợp. Luận nói Trú tịch là pháp đã chứng như nhau, Đăng quán là chủ động chứng như nhau. Ba là dùng trí

Hậu đắc cùng với các Bồ-tát tụ hội, giảng giải bàn luận Phật pháp, cho nên nói là luôn luôn không rời xa nhau.

Sau là hai câu trong hành Thắng tiến. Bốn là hành Lợi tha, nếu có những chúng sinh thuận theo dùng thân Phật mới có thể tiếp nhận giáo hóa, thì có thể tùy theo tâm của họ hiện rõ thành Phật, cho nên nói là tùy theo những tâm ấy. Năm là hành Tự lợi có hai nghĩa: a- Hiểu rõ Phật quả không do người khác chỉ dạy, cho nên nói là ở trong tự tâm...; b- Hiểu biết các pháp như Bồ-đề thần thông trí tuệ... trong cảnh Phật, đều chỉ là tự tâm, không phải có ở ngoài tâm, trong đó thần lực là tác dụng bên ngoài, trí lực là chiếu rọi bên trong.

Từ đây trở xuống là trình bày về đức dụng. Sáu là trình bày về Thể của thần thông, nghĩa là thần thông tiến lên không lui sụt, việc làm hợp với tâm mà thành tựu gọi là thần thông tùy theo ý muốn thường đạt được.

Bốn câu sau trình bày về tác dụng của thần thông, luận nói thần thông và nghiệp mà được tên gọi. Trong đó, ba loại trước là Như ý thông, một loại sau là Pháp trí thông. Bảy là một thân qua lại nhiều cõi. Tám là nhiều thân hiện rõ ở nhiều nơi. Chín là đạt được thân của chủng loại câu sinh. Mười là thành tựu Thật trí, thông hiểu về pháp rất sâu xa không thể nghĩ bàn. Câu sau cuối đây đủ hạnh Bồ-tát, là tổng quát kết luận.

Trong Nguyên thứ chín, trong hạnh đã mong cầu, có hai: Trước là trình bày về thực hành hạnh Bồ-tát lần lượt không lui sụt, sau từ “Thân khẩu...” trở xuống là trình bày về thực hành hạnh Bồ-tát không trống rỗng.

Trong phần trước, đó là ba Luân như thân..., là chỗ dựa để khởi hạnh cho nên gọi là Thừa, hạnh thành tựu chắc chắn cho nên gọi là không lui sụt.

Trong phần sau là không trống rỗng cũng có hai: Một-Tác nghiệp; hai-Lợi ích.

Trong phần một cũng có hai: 1) Một câu tổng quát trình bày về ba nghiệp không trống rỗng. 2) Từ “Chúng sinh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về không trống rỗng: a) Trình bày về thân nghiệp đã thực hiện nhất định không trống rỗng, nghĩa là khiến cho người thấy không có ai không đạt được pháp, cho nên nói là chúng sinh nhìn thấy... b) Trình bày về khẩu nghiệp đã thực hiện nhất định không trống rỗng, nghĩa là miệng nói ra Thật giáo khiến cho chúng sinh phát sinh Chân trí, cho nên nói là nghe âm thanh của tôi... c) Trình bày về ý nghiệp không trống rỗng, bởi

vì trong tâm đầy đủ đức khiến cho chúng sinh nghĩ đến thấy được, tâm vui mừng tiến vào pháp, lia xa phiền não trừ bỏ chướng ngại.

Trong phần hai là lợi ích, có hai: 1) Như cây thuốc chúa chữa trị tất cả các nỗi khổ, không phải chỉ riêng chữa trị bệnh tật, cho nên luận nói đối trị các loại khổ. 2) Như vật báu Như ý phần nhiều chữa trị căn bệnh nghèo khổ, cũng gồm đủ tất cả loại khác. Kinh tóm lược không có câu này. Nói bởi vì đạt được như vậy, là tổng quát kết luận về điều đã mong cầu, có thể biết.

Trong Nguyên thứ mười, trong hạnh đã mong cầu, có tám câu: Câu đầu trình bày về Bồ-đề đã thành tựu, bảy câu sau hiển bày về tác dụng của Bồ-đề.

Trong câu đầu: Ở tất cả thế giới, nghĩa là bình đẳng đầy đủ khắp nơi tất cả thế giới như pháp giới hư không, cũng bao gồm hình dạng cây cối..., không phải chỉ riêng thế giới Tu-di, ở những nơi này hiện rõ đạt được Bồ-đề.

***Trong bảy câu sau là trình bày về tác nghiệp:***

Một, Nghiệp về thị hiện Chánh giác, đó là ở một mảy lông..., trong phần trước tổng quát nói về tất cả thế giới, trong này riêng biệt phân rõ trong mỗi một thế giới, nơi mỗi một mảy lông thị hiện tám tướng thành tựu Chánh giác... Luận về kinh gọi là đạo của phàm phu, luận giải thích là Diêm-phù-đề, là tạm thời dựa theo Tam thừa ngay nơi thế giới Tu-di sơn mà nói; nếu dựa vào Nhất thừa thì gồm chung hình dạng cây cối... và mảy lông..., bởi vì ở những nơi ấy đều có thể giáo hóa chúng sinh, cho nên nói là ở một mảy lông cho đến thị hiện Đại Niết-bàn.

Hai, Nghiệp về thuyết giảng Thật đế, nghĩa là tùy theo tâm chúng sinh có thể giáo hóa ấy, dùng lực thần thông để hiện bày thân Phật, dùng lực trí tuệ để thuyết giảng Thật pháp, cho nên nói là hiện rõ các Như Lai cho đến đạt được Phật đạo.

Ba, Nghiệp về chứng được giáo hóa, nghĩa là quán về pháp Vô ngã là bởi vì lia xa hai Ngã; tánh thanh tịnh Niết-bàn là bởi vì Chân tánh đã hiển bày. Nêu ra pháp này, muốn khiến cho chúng sinh ở trong pháp này mà phát sinh tin hiểu, lại khiến cho chúng sinh nhận biết chứng được pháp này từ Như Lai, nói ra chắc chắn sẽ tin, cho nên nói là nhận biết tất cả các pháp như tướng Niết-bàn.

Bốn, Nghiệp về các loại thuyết pháp, nghĩa là dùng một âm mà hiểu khác nhau, giải thích có hai nghĩa: 1) Dựa theo Thật, nghĩa là ngay nơi Chân là một, cơ cảm là khác nhau, như một Chân thân thuận theo chúng sinh mà thị hiện khác nhau. 2) Ngay nơi Ứng lại có hai: a) Dựa

theo chủng loại, hoặc vì chúng cõi trời thị hiện một âm cõi trời, có thể khiến cho chủng loại còn lại có thể hiểu khác nhau; đối với loài người cũng như vậy, chủng loại còn lại đều như vậy, cho nên kinh nói một âm thanh thuyết pháp, chúng sinh tùy theo chủng loại đều hiểu được. b) Dựa theo pháp, hoặc vì chúng sinh nói một âm về Thí, cũng khiến cho người khác hiểu về Giới-Định..., tất cả như vậy, cho nên kinh nói một âm thanh thuyết pháp, tất cả chúng sanh đều tùy loại mà hiểu. Tùy cơ hiểu khác nhau, đều được thành tựu lợi ích, cho nên nói là dùng một âm thanh cho đến hoan hỷ.

Năm, Nghiệp về không đoạn mất Phật chủng, nghĩa là công hạnh của Bồ-tát gọi là Phật chủng, cảm được Phật chủng thường khởi lên gọi là không đoạn mất, cho nên nói là thị hiện Đại Niết-bàn mà không đoạn mất công hạnh của Bồ-tát.

Sáu, Nghiệp về Pháp luân tiếp tục tồn tại, nghĩa là sau khi Đại Thánh diệt độ, khiến cho pháp tồn tại lâu dài, nêu ra Lý-Hạnh-Quả-Pháp và Tu-đà-la... của Địa thuộc Phật trí, là hiển bày về giáo pháp ấy; quỹ tắc không sai lạc, là trình bày về trú trì như lúc đầu, gọi là tiếp tục tồn tại, cho nên nói là chỉ bày chúng sinh cho đến không thật.

Bảy, Nghiệp về tự tại, nói dùng Đại trí tuệ là Pháp trí thông; nói thần thông tự tại là Như ý thông; nói sinh ra biến hóa là Huyền thông, bởi vì chuyển biến sự việc bên ngoài; nói đầy khắp pháp giới là gồm chung kết luận ba loại trên đều đầy khắp pháp giới. Lại dùng Pháp trí chiếu rọi lý không trú vào thế gian, hai loại còn lại tùy theo sự không trú vào Niết-bàn, tổng quát ba loại kết hợp chọn lấy gọi là Vô trú. Trên đây là riêng biệt giải thích về mười Nguyện, xong.

Trong phần ba là trình bày về thâm nhiếp quyến thuộc. Trong mười Nguyện này, mỗi một Nguyện đều thâm nhiếp trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ các Đại nguyện, cho nên nói là đệ tử của chư Phật cho đến A-tăng-kỳ Đại nguyện.

Trong phần bốn là hiển bày về Nguyện vô tận, có ba: Một-Nêu ra mười pháp Vô tận; hai-Dùng nguyện để trở lại yêu cầu, pháp ấy nếu có tận cùng thì nguyện của mình mới tận cùng; ba-Bởi vì nguyện thuận theo giống như pháp vô tận ấy, cho nên nguyện cũng vô tận.

Trong mười pháp này tóm lược đưa ra ba môn: 1) Phân biệt tùy theo sự việc, tùy theo mười pháp này, mỗi một pháp đều vô tận, so sánh để hiển bày về nguyện, như văn tự hiển bày. 2) Phân biệt rộng rãi và hạn hẹp, nghĩa là chín pháp trước mở rộng tản ra, một pháp sau tóm lược thâm nhiếp. Nghĩa là Chúng sinh, Thế giới, Không giới và Tâm sở

duyên, bốn pháp này là Thế gian chuyển; Pháp giới, Niết-bàn và Khởi trí, ba loại này là Pháp chuyển; Phật xuất thế và trí tuệ của Phật, hai pháp này là Trí chuyển. Lại giải thích: Tâm sở duyên cũng là Trí thâm nhiếp, bởi vì vốn là Trí nhiễm. Vì vậy luận nói: Tóm lược nói về ba loại-ba chuyển nêu ra rõ ràng đều có ba, cho nên câu thứ mười tóm lược thâm nhiếp chín câu trước. 3-Phân biệt tổng quát và riêng biệt dựa vào luận, nghĩa là câu đầu là tổng quát, bởi vì giáo hóa chúng sinh cho nên lấy chúng sinh làm tổng quát, thâm nhiếp chín sự còn lại ở trong chúng sinh, ý cũng rất sâu xa, cần phải dựa vào duyên khởi vô ngại của Nhất thừa, dựa theo suy nghĩ có thể thấy.

Ở trong riêng biệt: 1) Chúng sanh trú vào nơi nào, vốn gọi là Thế giới. 2) Thế giới dựa vào đâu, vốn gọi là Không giới. 3) Nói pháp gì để giáo hóa, vốn gọi là Pháp giới. 4) Tùy theo chúng sinh đã giáo hóa đưa vào nơi nào, vốn khiến cho đạt được Niết-bàn. 5) Cũng khiến cho đạt được Đại Bồ-đề, cho nên nói là Phật xuất thế, Phật xuất thế là xa lìa thế gian mà thành tựu Bồ-đề, không phải nói là Phật ứng hiện ở thế gian gọi là xuất, bởi vì luận nói là giáo hóa nơi đã thiết lập. 6) Dùng phương tiện gì để khéo léo giáo hóa, vốn gọi là trí tuệ của Phật. 7) Thế nào là tùy theo tâm khí của chúng sinh, vốn gọi là tâm sở duyên. 8) Lại dùng pháp nào để giáo hóa, nghĩa là do trí Phật mà tiến vào cảnh của pháp, tức là lý của Chân tánh; đây gọi là Khởi trí, bởi vì trí dựa vào đây mà khởi. Nay ở đây Luận chủ còn lại hai môn trước hiển bày lẫn nhau như văn, không cần giải thích riêng biệt. Đây là tổng quát và riêng biệt thâm nhiếp lẫn nhau, nghĩa và nghĩa viên dung vốn ẩn kín ở trong văn. Nay riêng biệt hiển bày về Nguyện để so sánh, xong.

Trong phần hai là so sánh về Hạnh, có hai: 1) Trình bày về Đại nguyện xông ướp trong tâm làm cho tâm điều hòa thư thái, hạnh có thể tự nhiên phát khởi; 2) Từ “Như thị tắc thành tín giả...” trở xuống là thâm nhiếp hạnh thành tựu về người, chính thức hiển bày pháp đã tu.

Trong phần một có hai: Một, Quyết định phát nguyện là nhắc lại Đại nguyện trước đây, dùng để xông ướp trong tâm. Hai, Từ “Tắc đắc...” trở xuống là chính thức hiển bày Đại nguyện xông ướp trong tâm thành tựu lợi ích.

Trong 10 tâm: Câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát: Lợi là nghĩa về tăng thêm, An là nghĩa về thuận lý. Lại chương ngại không thể lay động là An, khiến cho hạnh tăng trưởng là Lợi.



Trong riêng biệt: 1) Mềm mỏng dịu dàng là bởi vì tánh thiện; 2) Điều hòa thuận theo là bởi vì lìa xa điều ác; 3) Yên lặng vắng vẻ là bởi vì không rối loạn; 4) Không buông thả là bởi vì không lạc mất ý niệm; 5) Vắng lặng rỗng rang là bởi vì không khởi lên phiền não; 6) Tâm thẳng thắn là bởi vì đích thực hướng về chân lý; 7) Hài hòa thuận thực là bởi vì cứu giúp che chở chúng sinh; 8) Không oán giận là bởi vì không rời bỏ chúng sinh; 9) Không hỗn loạn là bởi vì không xen lẫn tâm khác.

Từ đây trở xuống chính thức hiển bày về tướng của hạnh đã thành tựu. Đối với mười hạnh này tóm lược đưa ra bảy môn: Một, Hiển bày về tên gọi; Hai, Phân rõ về Thể; Ba, Trình bày về nơi thành tựu; Bốn, Dựa theo tâm hạnh để phân biệt về tướng; Năm, Dựa theo hai Lợi để phân biệt; Sáu, Trình bày về thứ tự; Bảy, Giải thích văn.

Một, Hiển bày về tên gọi: 1) Tin nhân quả của Phật, tâm thanh tịnh bất hoại; 2) Từ mang lại niềm vui cho chúng sinh; 3) Bi có năng lực cứu giúp nỗi khổ; 4) Bố thí tiền của châu báu; 5) Không có gì mệt nhọc rã rời là thúc giục chịu khó cầu pháp; 6) Biết các kinh luận sách vở là Tuệ thông hiểu giáo pháp; 7) Khéo léo hiểu rõ pháp thế gian là Tục trí nhận biết thích hợp; 8) Tàm quý là xem nhẹ điều ác tôn sùng điều thiện; 9) Có thể tiếp nhận là kiên cố không lui sụt, có thể tiếp nhận pháp khí; 10) Cúng dường Phật như thuyết thực hành, là thuận theo Phật phát khởi cúng dường, thuận theo pháp tu tập thực hành.

Hai, Phân rõ về Thể tánh, có hai: 1) Dựa theo sở y, tổng quát lấy trí Hậu đắc làm tánh, bởi vì dựa vào đây mà phát khởi; 2) Khắc phục tự tánh riêng biệt, ban đầu tin vào pháp này làm tánh, Từ Bi dùng thiện căn Vô sân và Bất hại làm tánh, Trí dùng Vô tham tương ứng với Tư làm tánh, không mệt nhọc rã rời và có thể tiếp nhận đều dùng Tinh tiến làm tánh, biết kinh sách và hiểu rõ pháp thế gian đều lấy Tuệ làm tánh, tàm quý ngay nơi pháp này làm tánh, cúng dường Phật như thuyết thực hành, luận gồm chung Biểu-Vô biểu của ba nghiệp thiện làm tánh. Vì vậy tổng quát tất cả có mười pháp làm tánh: 1) Tín; 2) Từ; 3) Vô tham; 4) Vô sân; 5) Bất hại; 6) Cần; 7) Tuệ; 8) Tàm; 9) Quý; 10) Sắc.

Ba, Trình bày về nơi thành tựu: Những hạnh như Tín... này, phần lớn tu học ở ba phần vị: 1) Ở trong phần vị Thập Tín, tức là ban đầu tu học, như Tín-Tiến-Niệm-Tuệ...; 2) Tu học ở phần vị ba Hiền, từng bước thuần thực như Tín Tạng... trong phẩm Thập Tạng, cũng phần nhiều cùng với đây giống nhau; 3) Tu học đến Địa thứ nhất trở lên, thuần thực có thể tùy ý vận dụng thù thắng, bởi vì mong sửa trị làm thanh tịnh các

Địa. Nay ở đây đã nói là môn sau, bởi vì Địa Luận nói: Tất cả mười hạnh như Tín... này, đều là làm sáng tỏ về pháp thanh tịnh của Địa.

Bốn, Dựa theo tâm hạnh để phân biệt: Luận chung thì mười hạnh này đều biểu hiện về tâm, tâm này không có gì không phải là hạnh, tách biệt mà phân rõ, ba loại trước là tâm thực hành phương tiện, bảy loại sau là duyên thành tựu của Chánh hạnh. Địa Luận nói: “Mười loại hạnh này hiển bày về hai loại thành tựu thù thắng: 1) Thành tựu về tâm sâu xa, đó là Tín- Từ-Bi...; 2) Thành tựu về tu hành, đó là bảy hạnh còn lại.” Ở đây tương tự với Địa Trì, luận ấy nói: “Ba loại trước gọi là tâm thanh tịnh, bảy loại sau gọi là thực hành phương tiện thanh tịnh.”

Năm, Dựa theo hai Lợi để phân biệt: Bảy loại trước riêng biệt hiển bày về hai Lợi, ba loại sau gồm chung dựa theo hai Lợi. Trong bảy loại trước, Tín là hành Tự lợi. Địa Luận nói: “Trong đó: Dựa vào hành Tự lợi, nghĩa là Tín có thể tin hạnh của Bồ-tát và pháp của chư Phật, cho nên mong cầu nhất định có thể đạt được. Dựa vào hành Lợi tha, đó gọi là Từ-Bi, an ổn là giải thích về Bi, mang lại niềm vui là giải thích về Từ. Bồ thí là dùng tài vật để thâu nhiếp người khác. Không mệt nhọc rã rời là tự mình vì người khác khởi hạnh Nhiếp pháp. Hai loại sau dùng pháp thâu nhiếp hạnh của người khác.” Ba loại sau thâu nhiếp bảo vệ bảy loại trước, hai loại đầu bảo vệ thành tựu, một loại sau thành tựu thâu nhiếp. Nhờ vào tâm quý, cho nên bảo vệ khiến cho lìa xa điều ác, có thể khiến cho Tín... thành tựu hạnh Vô trước. Nhờ vào lực kiên cố, bảo vệ khiến cho trú vào pháp thiện, có thể khiến cho Tín... thành tựu, không thể nào lay động. Nhờ vào như thuyết thực hành, khởi lên Tín... ấy, cho nên gọi là thâu nhiếp. Thanh tịnh lìa xa cấu nhiễm gọi là dựa vào hạnh. Nhờ vào cúng dường Phật, cho nên cũng thâu nhiếp thiện căn như Tín...

Sáu, Trình bày về thứ tự: 1) Tự mình đã chứng được Tín thành tựu nhân quả của Phật; 2) Thương xót chúng sinh lưu chuyển ở nơi đau khổ, cho nên khởi lên Đại Bi; 3) Thế sẽ cứu giúp chúng sanh có được niềm vui của quả Phật, cho nên khởi lên Đại Từ; 4) Bởi vì muốn cứu giúp người khác, tự mình không hề luyến tiếc, cho nên tất cả đều bố thí; 5) Bởi vì làm lợi ích cho người khác, vì người khác mong cầu pháp thế gian-xuất thế gian ấy không có gì mệt nhọc rã rời; 6) Nhờ vào mong cầu không có gì mệt mỏi mà chứng thực hiểu rõ kinh sách; 7) Bởi vì khéo léo nhận biết kinh luận, cho nên đối với chủng loại Thượng-Trung-Hạ của chúng sinh, có thể dễ dàng suy tính nên làm hay không nên làm..., phát khởi khéo léo hiểu rõ về pháp thế gian; 8) Dựa vào Chánh hạnh

hợp thời dẫn đo phân biệt..., cho nên phát khởi tầm quý; 9) Đối với việc đã làm trước đây, chịu khó không có thay đổi hủy bỏ, cho nên phát khởi năng lực có thể tiếp nhận; 10) Dùng năng lực có thể tiếp nhận, chủ động cúng dường Phật, như thuyết thực hành.

Bảy, Trong giải thích văn, có hai: Trước là riêng biệt giải thích về mười hạnh; sau từ “Phật tử thị Bồ-tát...” trở xuống là kết luận về mười tên gọi của hạnh.

Trong phần trước, mười hạnh tức là mười đoạn.

Ngay trong hạnh thứ nhất là Tín, có hai: Đầu là một câu thâm nhiếp đức thành tựu về người, cho nên nói tức là thành tựu về Tín; những câu còn lại hiển bày về đức của Tín. Trong đó: Đầu là hai câu tổng quát, tiếp là các câu riêng biệt, sau từ “Cử yếu...” trở xuống là một câu kết luận.

Trong phần đầu là tổng quát, câu một nói vui thích dùng Tín để phân biệt công đức, là tin sâu sắc từng loại riêng biệt đối với công đức của quả Phật; câu hai là tin nhân mà lúc đầu Đức Phật đã thực hành, là đạo có thể dẫn đến quả Phật.

Trong phần sau là riêng biệt: Đầu là hai câu mở rộng nhân hạnh của Tín trước đây. Luận nói: 1) Thế nào là Tín hạnh của Bồ-tát? Tin chắc thực hành những hạnh như sáu Độ..., vốn có thể nhất định tăng lên thành tựu quả Phật. 2) Thế nào là thứ tự thành tựu? Tin chắc tiến vào Thập Địa từng bước đạt được công đức thù thắng của quả Phật. Sau là trình bày về quả đức của Tín. Luận nói: Đây là tiến vào hạnh căn bản của Bồ-đề, vì gián lược tiến vào hạnh căn bản của Bồ-tát trước đây, cho nên nói là tiến vào hạnh căn bản của Bồ-đề. Trước là nêu ra nhân phân biệt về quả, ở đây nêu ra quả phân biệt về nhân. Lại trước là có thể tiến vào gọi là Nhập, ở đây là đã tiến vào gọi là Nhập.

Trong quả đã tiến vào này, luận thâm nhiếp làm sáu loại thù thắng, nhờ vào cảnh thù thắng này khiến cho Tín tâm cũng thù thắng, cho nên nói là vì vậy mà Tín thù thắng.

Trong sáu loại: Năm loại trước là riêng biệt hiển bày; một loại sau là tổng quát kết luận, bởi vì câu này là cuối cùng trong kết luận. Trong kết luận về nhân quả, nêu ra kết quả ấy, cho nên thâm nhiếp vào sáu loại này.

Trong năm loại: Bốn loại trước là Trí đức, một loại sau là Đoạn đức.

Trong bốn loại: Đầu là một loại dựa vào so sánh để hiển bày thù thắng, nghĩa là Thập lực hàng phục ma oán, Vô úy hàng phục ngoại

đạo, Bất cộng hơn hẳn Nhị thừa, ba câu này hợp lại làm một, tất cả đều không bị ma oán... làm cho hủy hoại, cho nên nói là không thể hủy hoại được. Sau là ba loại ngay nơi tướng phân rõ về đức: 1) Tin vào Chân Như khó lường, cho nên nói là tin tưởng không nghĩ bàn; 2) Tin vào Thông Tuệ sâu rộng, cho nên nói là tin vào thần lực...; 3) Tin vào Chứng Trí có nhiều môn, cho nên nói là tin vào Như Lai...

Trong một loại sau là tin vào Đoạn đức của Phật, tin thuận theo nhân duyên Đoạn hoặc, đạt được quả đức của Niết-bàn này, cho nên nói là tin thuận theo nhân...

Sau là một câu tổng quát kết luận, bởi vì riêng biệt mà nói thì khó hết, cho nên nói là nêu ra lời nói chủ yếu. Tin vào hạnh rộng khắp của Bồ-tát là kết luận về nhân của Tín; chư Phật... là kết luận về quả của Tín; uy lực là dẫn đến thuyết giảng như gia hộ...

Thứ hai là trình bày về hai tâm Từ-Bi, trong đó có hai: Trước là trình bày về ba Quán làm phương tiện của hai tâm; sau từ “Tức sinh Đại Bi...” trở xuống là chính thức hiển bày về hành tướng của hai tâm đã khởi.

Trong phần trước, ba Quán tức là ba đoạn: 1) Niềm vui chân thật vốn có, mê mờ cách xa gọi là lìa xa, Từ do đây mà sinh; 2) Nỗi khổ hư vọng vốn không, tình thức giữ lấy gọi là có đủ, Bi do đây mà khởi; 3) Đối với được mất này lại không biết rõ ràng, gọi đó là hai điên đảo, chúng sinh đã như vậy thì thật là đáng thương, cùng kết luận về Từ Bi.

**Lại giải thích:** Ba loại này đều có hai nghĩa: 1) Chỉ không có niềm vui khác đã là đáng thương, huống là niềm vui này vốn tự có mà lại xa lìa. 2) Chỉ làm cho lìa xa niềm vui đã là đáng thương, huống gì lại có khổ; giả sử khổ là thật thì cũng rất đáng thương, huống là vốn hư vọng mà oan uổng nhận lấy.

Hai điên đảo ấy, là nếu tuy không có niềm vui mà có nỗi khổ, thì tự mình có năng lực có thể hiểu biết, có lẽ có mong mỏi từ khổ được vui. Bởi vì Vô minh điên đảo, cho nên Thể vốn có niềm vui vi diệu mà không biết cách mong mỏi tìm cầu, lại bài bác rằng hoàn toàn không có điều này; hư vọng dung nạp nỗi khổ, không biết cách chán ngán lìa xa, mà lại cam lòng nhận chịu vọng tưởng luân hồi. Vì vậy mà Bồ-tát khởi tâm Từ Bi sâu nặng.

Ngay trong đoạn một, dấy lên nghĩ rằng..., là bởi vì nương theo pháp đã tin trước đây, nay nghĩ đến pháp rất sâu xa, do đó thương cảm chúng sinh không hiểu biết, cho nên khởi tâm xót thương.

Trong mười câu, một câu đầu là tổng quát, nghĩa là vượt quá tình

thức gọi là Thâm, rất sâu gọi là Thâm.

Trong riêng biệt: 1) Lìa xa vọng chấp về tướng thật có đã giữ lấy, cho nên nói là Ly tướng, đây là dựa theo ngăn chặn để hiển bày. 2) Thể vắng lặng của chân lý gọi là pháp đã được xác định, Nghĩa vắng lặng của hằng sa công đức gọi là nghĩa đã được xác định, cho nên nói là Tịch diệt. 3) Không có hai Ngã, cho nên nói là Không. 4) Không có Căn-Cảnh..., cho nên nói là Vô tướng. 5) Nguyên câu lìa xa lấy-bỏ, cho nên nói là Vô tác. Nếu dựa theo đối trị chương, thì Trong luận: Phân biệt tức là vọng tướng chủ động giữ lấy tâm; Tướng tức là do danh tướng mà giữ lấy tướng; Thủ-xả tức là vọng tâm đối với vọng cảnh, nơi thuận lòng thì mong giữ lấy, nơi trái ý thì mong rời bỏ. Đối trị ba loại này, ba câu như thứ tự nên biết. Lại trong luận Phật Tánh, ba môn giải thoát này đối trị ba chương của tâm da thịt (Bì nhục tâm), có thể biết. Lại trong luận ấy phối hợp quán về ba Vô tánh, theo thứ tự nên biết! 6) Tánh thanh tịnh không xen tạp, cho nên nói là Vô nhiễm. 7) Phát sinh công đức không có tận cùng, cho nên nói là Vô lượng. 8) Cùng lợi ích cho mình và người, cho nên nói là Quảng đại. 9) Trải qua nhiều kiếp mới chứng được quả Phật, kiên cố cho nên nói là Bất hoại.

Trong đoạn hai là có đủ các nỗi khổ, có ba: Một, Hiển bày về tướng của 12 duyên; Hai, Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về trở thành khổ đau tích tụ; Ba, Từ “Thị trung...” trở xuống trình bày Thể của duyên là Không, làm sáng tỏ về Hữu là điên đảo.

Trong luận, ở trong đoạn một trước đây, hợp ba Chi trước làm một phần; hai từ “U tam giới...” trở xuống là phân rõ chín Chi sau và hai đoạn sau, hợp làm một phần, cho nên trở thành hai đoạn.

Trong phần một cũng có hai: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát, phạm tình mê muội về lý chìm vào hai chấp, cho nên nói là tâm rơi vào tà kiến.

Trong riêng biệt, Hoặc nghiệp đều gọi là tà kiến, giải thích có hai nghĩa: 1) Là phẩm loại ấy vốn như nghiệp ngu ở nẻo ác...; 2) Như sáu tướng duyên khởi ngay trong nhau không ngăn ngại, trong văn trên-dưới giải thích theo thể lệ giống như ở đây.

Trong chín câu: Năm câu đầu thuộc về chi Vô minh, ba câu tiếp là chi Hành, một câu sau cuối là chi Thức.

Trong năm câu đầu: Ba câu đầu là vọng chấp dựa vào nghĩa của pháp, hai câu sau là lỗi lầm do tâm luôn luôn theo đuổi.

Trong ba câu trước: Câu đầu là Vô minh trú địa, mê mờ che kín

Thể của pháp, chương ngại đến Tuệ nhãn, luận gọi là ý bị che lấp, cho nên nói là Vô minh-Si.. Hai câu tiếp là Mạn-Ái do Si, mê mờ che kín nghĩa của nhân quả, vọng chấp trong-ngoài, một câu đầu là chấp Ngã ở bên trong, tự cao lấn át người gọi là Kiêu mạn, thiết lập Ngã như cột cao, luôn luôn khởi lên gọi là Thường, cho nên nói là thường lập...; một câu sau là Tham lầy ở bên ngoài, lưới Ái tự ràng buộc, cho nên nói là rơi vào nơi ấy...

Lại ba câu trước: Một là Si sử, hai là Mạn sử, ba là Ái sử. Hai câu sau là lỗi lầm luôn luôn theo đuổi: Một là ở nơi có thể đạt được, thì tướng bên ngoài giả thân thiện mà phát sinh lỗi lầm nịnh bợ quanh co; hai là ở nơi không thể nào đạt được, thì tình thức ghen ghét ở bên trong mà phát sinh lỗi lầm đố kỵ ganh ghét.

Lại ganh ghét nội báo của người, đố kỵ ngoại tài của người, vì vậy mà đời đời thấp hèn bỉ ổi, chính là tâm ganh ghét làm nhân; tiền của sinh hoạt không đủ, chính là tâm đố kỵ làm nhân. Đây là trong kinh giải thích về nhân duyên sinh xứ để làm thân của đời sau. Kinh này gọi là keo kiệt ganh ghét, đối với điều đã có được thì sinh ra keo kiệt, có thể có được thì sinh ra nịnh bợ, không có được thì sinh ra ganh ghét.

Lại bởi vì keo kiệt tài sản của mình, cho nên tiền của sinh hoạt không đủ; bởi vì ganh ghét thân tướng của người, cho nên thân hình của mình thô lậu.

Trong ba câu tiếp trình bày về chi Nghiệp: Một câu đầu tổng quát trình bày về ba Độc tạo nghiệp; hai câu sau riêng biệt hiển bày về tướng của nghiệp.

Trong câu đầu, đối với Lạc thọ thì sinh ra Tham, đối với Khổ thọ thì sinh ra Sân, đối với Xả thọ thì sinh ra Si. Xả ngược lại với hai loại trước, cho nên nói đó là điên đảo chứ không phải mê muội, hai loại trước gọi là điên đảo, do ba Độc này tích tập mà khởi lên nghiệp nặng.

Trong hai câu sau là riêng biệt, câu đầu là nghiệp Tư ở trong tâm, câu sau là tác động của nghiệp thân-ngữ. Trong câu đầu thì phiền não như gió, tâm thuộc về Tư như lửa, phiền não lay động tâm như gió thổi lửa. Tư này trong phạm vi bắt đầu, thường khiến cho Tư hừng hực là cuối cùng. Luận nói nghĩ đến lẫn nhau vào lúc oán hận, là giải thích về hiềm khích thù hận thổi trong tâm; muốn dấy lên ác nghiệp trả thù, là giải thích về cháy rừng rực. Câu sau trình bày về nghiệp khởi lên, là thuận theo Tư mà phát động nghiệp của thân-ngữ. Điên đảo là phiền não, phiền não phát ra nghiệp, nghiệp trở lại tương ứng với phiền não ấy, nghĩa là lúc dấy lên điều ác lần lượt thay nhau làm hại là hướng về

nghiệp sát mà nói.

Câu thứ chín là một loại trình bày về chi Thức, bởi vì chi Thức cũng là thụ động dẫn dắt cũng là chủ động dẫn dắt. Nay chọn lấy chủ động dẫn dắt, bởi vì Thức có thể duy trì chủng tử của Hoặc nghiệp, làm cho bốn Lưu không đoạn dứt cấu nhiễm, các nghiệp thiện đều trở thành Hữu lưu. Bốn Lưu, nghĩa là tất cả phiền não trong cõi Dục, trừ ra Kiến và Vô minh, gọi là Dục lưu; tất cả phiền não của cõi Sắc-Vô sắc, trừ ra Kiến và Vô minh, gọi là Hữu lưu; Vô minh của ba cõi, gọi là Vô minh lưu; Kiến của ba cõi, gọi là Kiến lưu. Lưu là nghĩa về tuôn chảy không ngừng. Tên gọi của Tâm-Ý-Thức, có gồm chung-có riêng biệt. Nói riêng biệt thì Bốn thức tập khởi gọi là Tâm, Mạt-na suy nghĩ kỹ càng là Ý, còn lại sáu loại phân biệt rõ ràng (liễu biệt) là Thức; gồm chung thì cùng có, có thể biết. Nói khởi lên chủng tử, có hai nghĩa: 1) Tùy theo Lưu mà tạo nghiệp, xông ướp vào Bốn thức gọi là khởi lên chủng tử ấy; 2) Do Vô minh-Hành có thể dẫn dắt chủng tử của năm quả trong Thức, khiến cho tùy theo nghiệp sinh ra gọi là khởi lên chủng tử. Nay chọn lấy nghĩa sau, cho nên nói là khởi lên.

Đoạn hai từ “Ư tam giới địa...” trở xuống là phân rõ về chín Chi sau. Trong đó, Luận chủ phân làm ba tướng: 1- Tự tướng... thì giải thích có hai môn, một là dựa theo phần vị, hai là dựa theo tùy nghĩa.

Một là dựa theo phần vị: Tự tướng là bởi vì trình bày về Thể trạng của nhân duyên hiện tại, Đồng tướng là bởi vì nhân duyên của vị lai giống như hiện tại, lý thật thì hiện tại cũng có Sinh-Lão..., vị lai cũng có Thức-Danh sắc... Nay dựa theo phần vị phân biệt về tướng cho nên thiết lập hai tướng. Ba tướng điên đảo là hiển bày về Thể của duyên thật Không, hiển bày về chấp Hữu là điên đảo.

Hai là dựa theo tùy nghĩa: a) Dựa theo từ nơi nhân sinh ra hành tướng vi tế, là Tự tướng của duyên khởi. b) Dựa theo tướng của quả hiển bày rõ ràng, lỗi lầm của duyên khởi có khắp tất cả các quả vị, cho nên nói là Đồng tướng, giống như Sắc pháp ngăn ngại là Tự tướng, Khổ-Vô thường... là Cộng tướng của nó; Cộng giống như Đồng. Ở đây cũng như vậy, từ mầm Danh sắc sinh ra tức là có nghĩa về Sinh, theo thứ tự cho đến có Lão tử ấy, bởi vì lỗi lầm giống nhau. c) Duyên thật sự Vô ngã, tùy tiện giữ lấy là điên đảo.

Hỏi: Trong Đồng tướng, hai Chi luôn luôn là quả, luôn luôn hiện hành; Tự tướng thì bảy Chi là quả hiện hành hay là chủng tử của nhân? Giả sử như vậy thì có gì sai? Đều có sai lầm, bởi vì nếu chọn lấy chủng tử của nhân thì không nên nói là mầm của Sinh ở nơi ba cõi; nếu chọn

lấy quả hiện hành thì bốn Chi trước đó không khác với Sinh..., ba Chi sau lại không thuộc về quả của Sinh?

Đáp: Những Chi này đều là phần vị thuộc quả hiện hành của Sinh, nhưng mà nói đến tên gọi của nhân để hiển bày về Tự tướng, dựa vào trong bảy Chi thuộc Tự tướng. Trong bảy Chi này hòa hợp, là nghĩa về cùng sinh trong luận, cũng là nghĩa về không lìa xa.

**Luận phân làm ba:** Một tướng của Báo thuộc về Danh sắc cùng sinh với Thức A-lại-da, nghĩa là trong chi Danh sắc có nghĩa thâm nhiếp gồm chung chủng tử của tất cả Danh ngôn. A-lại-da tức là chi Thức. Gồm chung có ba nghĩa:

a) Dựa vào luận Tạp Tập quyển thứ tư, dùng nghiệp chủng làm chi Thức, thuộc về Thức chủng chủ động dẫn dắt thâm nhiếp đưa vào chi Danh, cho nên văn này giải thích về ba Chi trước ở một nơi, bởi vì cùng là chủ động dẫn dắt, là bốn Lưu cùng tưới thấm nghiệp chủng và chủng tử của năm quả ấy, chuyển đổi trở thành có khiến cho sinh ra quả ấy. Vì vậy trước nói khởi lên chủng tử của Tâm-Ý-Thức, do khởi lên chủng tử ấy, khiến cho sinh ra mầm khổ báo ở nơi ba cõi.

b) Dùng chủng tử của Bốn thức làm chi Thức, luận Duy Thức quyển thứ tám nói: “Thức chủng trong này gọi là nhân của Bốn thức.” Vì vậy trong này Thức chủng và chủng tử của Danh sắc... làm trước, do lực dẫn dắt tưới thấm của Hoặc nghiệp, khởi lên chủng tử này khiến cho sinh ra quả khổ.

c) Thức thứ tám hiện hành cũng là chi Thức, luận Duy Thức quyển thứ ba dẫn ra kinh chứng minh Thức thứ tám ấy là chi Thức, cho nên tướng của nhân trong này nói là Danh sắc, bởi vì không lìa xa Bốn thức, nghĩa là do Cọng Thức này mà sinh ra Danh sắc, sinh rồi dựa vào Thức thứ tám hiện hành, do Thức ấy nắm giữ mà gọi là tướng của nhân. Lý thật thì năm chủng tử như Thức... trong này, do sự huân tập trước đây phát khởi cùng lúc mà sinh, nhưng dựa vào phần vị hiện khởi của vị lai có thứ tự, cho nên nói là trước-sau, vì vậy gọi là tướng theo thứ tự của quả ấy. Ba chi Ái-Thủ-Hữu tuy không phải đã sinh, nhưng lúc đang sinh vốn có đủ ba Chi này, luận Duy Thức nói Sinh dẫn dắt cùng lúc, chính là nghĩa này.

Hỏi: Ba tướng này cùng với ba tướng của Bốn thức trong Nhiếp Luận khác nhau thế nào? Đó là luận ấy nói: 1) Tự tướng gọi là tự Thể của Bốn thức; 2) Tướng của nhân gọi là chủng tử của Thức; 3) Tướng của quả gọi là dị thực của Thức.

Đáp: Ba tướng trong này cùng với Nhiếp Luận không giống nhau,



trong luận ấy một Bốn thức từ phía chủng tử sinh ra gọi là quả, từ phía chủ động duy trì chủng tử nói là nhân, hai loại này không khác nhau gọi là Tự tướng. Nay ở đây: 1) Trình bày về Bốn thức hòa hợp với chủ động dựa vào gọi là tướng của Báo; 2) Hiện bày về chủ động dựa vào không có Thể, dựa vào nơi thụ động dựa vào cho nên nói Thức này gọi là tướng của nhân; 3) Tướng chủ động dựa vào không còn, chỉ là thụ động dựa vào mà chuyển, chuyển vào phần vị ấy gọi là tướng của quả, cũng lấy Bốn thức chuyển làm quả này, cho nên dần dần lược bỏ những tướng khác đều không còn, chỉ có Thức tồn tại.

Trên đây là dựa theo Thủ giáo. Nếu dựa theo Chung giáo, thì Bốn thức này là Như Lai Tạng. Đầu là dựa vào hòa hợp với nhiệm, tiếp là ngay nơi pháp nhiệm dựa vào Chân, sau chính là nhiệm không khác Chân cho nên chỉ có Chân mà chuyển.

Hai từ “Như thị nhân duyên...” trở xuống là kết luận về tích tụ khổ đau. Ba từ “Thị trung vô ngã...” trở xuống là hiện bày về tướng của diên đảo, đều như luận giải thích, có thể biết.

Đoạn ba từ “Phàm phu khả mãn...” trở xuống là trình bày về hai diên đảo ấy, nghĩa là mất đi niềm vui mà không nhận biết, mang lấy nỗi khổ mà không tỉnh ngộ.

Trong phần sau từ “Bồ-tát ư thử...” trở xuống là chính thức phát khởi Từ Bi: Trước là nhìn thấy khổ đau mà sinh tâm Bi; sau là khiến cho có được niềm vui bậc nhất mà sinh tâm Từ. Hai loại này đều đi cùng với trí Hậu đắc, cho nên đều gọi là trí tuệ.

Thứ tư là trong hạnh Bồ thí, có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Trong phần đầu là tổng quát, câu riêng biệt có năm: 1) Nhắc lại Từ Bi trước đây; 2) Tâm sâu xa trú vào Địa; 3) Đối với chúng sinh không tiếc nuối; 4) Kính trọng diệu trí của Phật; 5) Hết sức bố thí tất cả bởi vì mong cầu trí ấy. Luận nói: Bởi vì mong cầu Đại diệu trí Vô thượng của Phật.

Phần tiếp từ “Dữ kim...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về chín câu: Tám câu trước là tài sản bên ngoài, một câu sau là chánh báo bên trong.

Trong tài sản bên ngoài, vàng bạc... là vật tích trữ, còn lại là vật đã sử dụng, hai loại này bên trong không thấu nhiếp.

Chánh báo bên trong, gồm chung chín loại làm hai Hỷ, một loại là vàng... thấu nhiếp lợi ích khiến cho chúng sinh có sự vui mừng gọi là Tạng nhiếp hỷ, tám loại còn lại là lợi ích về thân gọi là Lợi ích hỷ, cũng

thuộc về chánh báo bên trong: 1) Trang sức; 2) Thay đi bộ; 3) Thay chịu khổ; 4) Tự tại; 5) Chơi đùa vui vẻ; 6) Quyến thuộc; 7) Keo kiệt đấm trước thì chúng sinh chưa hẳn là trên hết, nhưng hạn hẹp tình mình thì gọi là đấm trước do ái; 8) Xứng ý. Đều như vậy có thể biết.

Thứ năm là trong hạnh không mệt mỏi rã rời, có ba: 1) Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau. 2) Từ “Cần cầu...” trở xuống là chính thức hiển bày về hạnh không mệt mỏi, nghĩa là trước đây dùng Tài thí để thâm nhiếp chưa đầy đủ, lại vì cầu pháp chuyển thành lợi ích lớn, sự việc thù thắng của thế gian cũng có thể lợi ích cho chúng sinh, cho nên sự việc thế gian cũng là điều mong cầu. 3) Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận thành tựu về tướng của hành.

Thứ sáu là trong hạnh nhận biết về kinh sách, lược qua không có nhắc lại phần trước, chính thức hiển bày và kết luận, có thể biết.

Thứ bảy là trong hạnh Thế trí: 1) Nhắc lại phần trước. 2) Từ “Thiện năng...” trở xuống là trong phần chính thức hiển bày về tướng của hành, luận nói: Tùy theo lực của mình, là lưỡng tính trí lực của mình; tùy theo năng lực tiếp nhận của chúng sinh, là lưỡng tính chúng sinh có thể nghe. Đối với mình, đối với người có thích hợp thì nên làm, không thích hợp thì không làm. Như trong luận nói, là như phẩm Bồ Đề Phần của Bồ-tát Địa trong Du Già hiển bày đầy đủ về nghĩa này. Nói chúng sinh Thượng-Trung-Hạ, nghĩa là chúng sinh ưu việt-trung bình và kém cỏi, tùy theo sự cần thiết, tùy theo sự thích hợp mà làm lợi ích. 3) Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận.

Thứ tám là trong hạnh Tàm quý: 1) Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau. 2) Từ “Tức tri thời...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng của hành, nghĩa là tuy đạt được Thế trí có thể làm lợi ích cho chúng sinh, nhưng hoặc là thời gian sát-na, hoặc là thời gian ngày đêm, hoặc là thời gian mà việc làm đã thành tựu, luôn luôn tự mình cân nhắc đắn đo, không để cho tâm mình rong ruổi theo pháp thế gian, thường sinh lòng tàm quý, không mất đi Tự hành, cho nên nói là luyện tập về đạo Tự lợi-Lợi tha.

Thứ chín là trong hạnh có thể tiếp nhận, luận gọi là lực kiên cố, nghĩa là hạnh Tinh tiến này đối với tám hạnh trên đây, khắp nơi có thể đốc thúc tiến lên, cho nên nói là công đức như vậy, tức là Tín... Nhưng tinh tiến có hai: 1) Tự phần thành tựu lại không có lui sụt rời bỏ; 2) Trong phần Thắng tiến tu tập không ngừng. Tâm kiên cố phân rõ, ở đây gọi là năng lực có thể tiếp nhận.

Thứ mười là trong hạnh về tu cúng dường, lợi ích cúng dường là

tài vật, thực hành cúng dường là giáo pháp, ngay trên hai sự việc có thể biết. Trên đây là riêng biệt giải thích về mười hạnh, xong.

Trong phần sau là kết luận về phần vị để hiển bày tên gọi: Một, Kết luận về phần vị, đây là ngay nơi Địa lia xa chướng mà hiển bày về pháp thanh tịnh của Địa, cho nên nói là khởi lên pháp của Địa thanh tịnh như vậy. Trong phần an trú trước đây cũng gọi là pháp của Địa thanh tịnh, phần trước là hạnh thanh tịnh có năng lực đối trị, phần này là nơi không còn chướng. Hai, Hiển bày tên gọi, có thể biết. Phần so sánh về Hạnh xong.

Trong phần ba là so sánh về Quả. Nghĩa của bốn quả tóm lược đưa ra mười môn: 1) Giải thích tên gọi; 2) Thể tánh; 3) Thuộc về nhân; 4) Thân nhiếp quả; 5) Phạm vi giới hạn; 6) Mở rộng và hạn chế; 7) Giống và khác nhau; 8) Hành tướng; 9) Thứ tự; 10) Giải thích văn.

### **1) Giải thích tên gọi:**

Một là quả Điều Nhu có hai nghĩa: a) Dựa theo pháp có thể điều phục (Năng điều), nghĩa là thực hành cúng dường-nhiếp hóa và hồi hướng..., có thể luyện tập về Tín... gọi là Điều nhu, đầy đủ Địa cho nên gọi là quả, đây là quả Điều nhu, là Y chủ thích. b) Dựa theo pháp đã điều phục (Sở điều), nghĩa là mười hạnh như Tín..., nhờ vào thực hành cúng dường... làm cho điều phục luyện tập, khiến cho thanh tịnh lia xa cấu nhiễm, cho nên gọi là Điều nhu, Điều nhu tức là quả, là Trì nghiệp thích.

Hai là quả Phát Thú, cũng có hai nghĩa: a) Hành tướng sai biệt phát khởi từ Địa trước hướng về Địa sau, gọi là Phát thú, hiểu biết rõ ràng đầy đủ về Địa gọi là quả, đây là từ cảnh làm tên gọi. b) Ở nơi đầy đủ của Địa này phát khởi Tuệ giải đích thực, mong cầu hướng về hiểu biết tất cả nghĩa tướng trong các Địa sau gọi là Phát thú, Phát thú Tuệ giải tức là quả.

Ba là quả Nhiếp Báo, cũng có hai nghĩa: a) Thân của Vương vị đáp lại nhân gọi là Báo, từ phước thù thắng ở Địa này mà sinh ra cho nên gọi là Nhiếp, đây là từ lực của nhân-tướng của quả làm tên gọi. b) Sinh ra thân thù thắng do nghiệp cảm gọi là Báo, thuộc về Địa này thu nhận cho nên gọi là Nhiếp, Nhiếp báo tức là quả cho nên lấy làm tên gọi.

Bốn là quả Nguyện Trí, cũng có hai nghĩa: a) Nguyện thành tựu chứng được bên trong, thân thông trí tuệ sử dụng bên ngoài, Thể-Dụng hợp lại nêu ra cho nên gọi là Nguyện trí, đầy đủ ở Địa này cho nên gọi là quả. b) Dùng nguyện lực giúp đỡ trí khiến cho nghiệp dụng vô biên,

cho nên lấy làm tên gọi.

**2) *Thế tánh:*** Quả thứ nhất lấy Tín-Bi-Nguyện tương ứng với Trí làm tánh, dùng Tín để phát khởi cúng dường, dùng Bi tâm nhiếp hóa chúng sinh để hồi hướng nguyện cầu, nghĩa là trí Hậu đắc của Địa thứ nhất tương ứng với ba hạnh này, đoạn trừ phiền não thô nặng ấy cho nên gọi là Điều Nhu. Quả thứ hai lấy ba pháp là Dục-Cần và Tuệ làm tánh, nghĩa là trong đạo Thắng tiến tìm theo bậc thầy mong cầu giáo pháp, chịu khó không hề lơ lửng rời bỏ, Chánh Tuệ hiểu biết rõ ràng cho nên gọi là Phát Thú. Quả thứ ba lấy năm uẩn của Báo làm tánh. Quả thứ tư như tên gọi lấy Nguyện trí làm tánh. Lại một là Hạnh, hai là Giải, ba là Thể của báo, bốn là Dụng của nghiệp.

**3) *Thuộc về nhân,*** có hai: Một là riêng biệt, hai là gồm chung. Luận riêng biệt: 1) Điều nhu là quả thuộc (gia quả) phần an trú vào Địa và so sánh về Hạnh trước đây. 2) Phát thú là quả thuộc phần giải thích tên gọi trước đây, bởi vì trong niệm ấy đang đạt được hiểu rõ về các Địa..., cho nên hiển bày ở nơi này. 3) Nhiếp báo là quả thuộc phần lúc đầu trú vào Địa trước đây, dùng thân Vương này là quả dựa vào thân nào; trong này luôn luôn không rời xa ý nghĩ đến Phật..., là quả vì nghĩa gì; trong này đối với tất cả chúng sinh là đứng đầu-là hơn hẳn..., là quả dùng nhân nào; trong này có thể lay động trăm thế giới..., là quả có tướng gì? 4) Nguyện trí là quả thuộc phần so sánh về Nguyện trước đây. Luận gồm chung thì tất cả bốn quả đều thuộc về Địa này, có thể biết.

**4) *Thâu nhiếp quả:*** Trong bốn quả này thì quả nào là quả Đẳng lưu và quả Ly hệ? Đó là hai quả đầu. Quả nào là quả Dị thực và quả Sự dụng? Đó là quả thứ ba. Quả nào chỉ là quả Sự dụng? Đó là quả thứ tư. Quả nào làm quả Tăng thượng? Đó là tất cả bốn quả.

**5) *Phạm vi giới hạn:*** Hai quả đầu là phương tiện tu hành của quả ấy, hai quả sau trình bày về báo thuần thực của hành ấy. Hai quả trước chỉ ở nơi đầy đủ của Địa, hai quả sau bao gồm từ trước đến sau của địa ấy, nghĩa là từ lúc ban đầu trú vào Địa cho đến lúc đầy đủ Địa mà tiếp nhận thân Vương gọi là Nhiếp báo, tất cả nghiệp dụng nói là Nguyện trí.

**6) *Mở rộng và hạn chế:*** Phát thú là một loại có văn hạn chế ở Địa thứ nhất, nghĩa mở rộng ở mười Địa; ba quả còn lại thì nghĩa hạn chế ở Địa thứ nhất, văn mở rộng ở mười Địa. Vì sao biết được quả Phát thú có nghĩa mở rộng? Giải thích: Bởi vì hành của các Địa sau đã dần dần tăng lên, cho nên hiểu biết cũng rõ ràng. Nếu như vậy thì vì sao hiểu biết và

thực hành (giải-hạnh) không như nhau? Giải thích: Hiểu biết thì có thể hiểu biết sâu xa hơn nữa, thực hành thì không có tu xa hơn nữa, cho nên không giống nhau. Đều là hiểu biết sâu xa, vì sao chỉ thuộc về Địa thứ nhất? Giải thích: Bởi vì là đầu tiên, lại là Kiến đạo có thể nhìn thấy sâu xa. Ba quả còn lại thì vẫn mở rộng, vì sao nghĩa lại hạn chế? Giải thích: Bởi vì mỗi một Địa đều có, cho nên vẫn mở rộng; tất cả đều thuộc về Địa ấy, cho nên nghĩa hạn chế.

**7) Giống và khác nhau:** Ba quả trước thì các Địa có khác nhau, một quả Nguyên trí thì các Địa đều như nhau. Sở dĩ như vậy là bởi vì các Địa khác nhau khó phân biệt, cho nên dùng ba quả trước để hiển bày về hơn kém; Thật đức thì cần phải luận bàn, cho nên trình bày về quả Nguyên trí, làm sáng tỏ về bình đẳng của Địa. Lại trước là dựa theo Tam thừa để hiển bày về sai biệt của Địa, sau là dựa theo Nhất thừa để trình bày như nhau của Địa, nghĩa là bởi vì một Địa tức là tất cả các Địa, tất cả các Địa tức là một Địa, chính là nghĩa này.

**8) Hành tướng:** Luận gồm chung bốn quả, thì tất cả bao gồm hai Lợi; hiển bày riêng biệt về tướng ấy, thì quả Phát thú là Tự lợi, ba quả còn lại có đủ hai Lợi.

**9) Thứ tự:** Vì sao nói quả Điều nhu này ở đầu tiên? Bởi vì trước nói về mười hạnh như Tín..., nay ở đây quay lại luyện tập làm cho tinh tế tuyệt diệu hơn, nghĩa đã rõ ràng trước hết. Đã thực hành thuần thực ngay nơi Địa này thì chắc chắn hưởng về Địa sau, vì vậy thứ hai là trình bày về quả Phát thú.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao phẩm Trú trong Du Già trước là trình bày về quả Phát thú, sau mới nói đến quả Điều nhu?

Đáp: Đây là kinh căn bản, luận ấy dẫn ra từ kinh này, suy nghĩ thuận theo không sai khác, nhưng Luận chủ quay lại tùy theo ý nghĩa của nghĩa riêng biệt. Ý nói rằng luận ấy ý nói ngay Địa này tu hành, Tín... đầy đủ thì dựa theo suy xét tìm tòi sự việc của các Địa sau, vì vậy trước trình bày về quả Phát thú, sau đó mới nói ngay Địa này luyện tập thực hành, cho nên sau là phân rõ về quả Điều nhu. Đây là dựa theo lúc thuyết giảng để trình bày về thứ tự. Nay trong bản kinh này dựa theo lúc thực hành mà nói, thì trước là thực hành Điều nhu, sau là mong cầu tiến lên, cũng có thể là pháp thật sự tùy theo mà nói đều thích hợp.

Thứ ba là Hành-Giải của hai quả trước vì tế cho nên nói trước, quả Nhiếp báo là thô cho nên hiển bày sau. Nếu như vậy thì quả Nguyên trí không phải là thô, sao lại cuối cùng? Giải thích: Bởi vì ba quả trước đều là quả sai biệt, giống như nói ở trước; quả Nguyên trí là quả không có

gì sai biệt, vì thế cho nên nói sau. Trong quả trước là Hành vi tế, tiếp là Giải, sự về Báo là thô nhất, vì vậy làm thành trước-sau.

**10) Giải thích văn:** Trong văn bốn quả tức là bốn đoạn. Trong đoạn thứ nhất có ba, đó là pháp-dụ và hợp.

Trong pháp có bốn: Một, Thấy Phật là duyên có thể luyện tập thực hành; Hai, Từ “Đại tâm...” trở xuống là trình bày về Thể của hành đã luyện tập; Ba, Từ “Đa dĩ...” trở xuống là hiển bày về Tướng của hành ở Địa riêng biệt; Bốn, Từ “Thị Bồ-tát tùy sở...” trở xuống là trình bày về thanh tịnh do luyện tập.

Trong phần một, ở đây gọi là thấy ít, luận gọi là thấy nhiều, đều là lời nói tổng quát, không phải là số đếm, pháp kể ra tăng lên khiến cho tiếng đọc tương tự với nghĩa ấy, dùng lực thần thông thù thắng bay đến phương khác, thấy sắc thân của Phật và nghe Chánh pháp, tức là thân Tha thọ dụng. Lại dùng Chánh nguyện bên trong ở một nơi không lay động, thấy nghĩa của Pháp thân đầy khắp mọi nơi... Lại dựa vào phẩm Trú trong Du Già, Chánh nguyện được sinh trong Thọ dụng độ, thường được thấy Phật. Thông lực-Nguyện lực trong Địa Luận, tức là hai nhân duyên được thấy Phật trong luận Du Già. Trong này, một Nguyện-hai Lực cũng giống như Luận ấy, cho nên nói là dùng Nguyện lực. Sau là trình bày về đã thấy rộng nhiều, dựa theo số tăng dần, luận gọi là phương tiện thị hiện nhiều Phật...

Trong phần hai là Thể của hành, thành tựu ba loại hạnh: 1) Hạnh cúng dường Phật và Tăng, ba pháp cúng dường như Luận nói, có thể biết; 2) Từ “Thị cố...” trở xuống là hạnh hồi hướng Bồ-đề; 3) Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là hạnh giáo hóa chúng sinh.

Trong phần ba là hành của Địa riêng biệt, Luận có hai hạnh, hai Nhiếp là Lợi tha, Bố thí độ là Tự lợi. Ở đây lược bớt không có Bố thí độ, bởi vì trong hai Nhiếp thì Bố thí là Tài thí, Ái ngữ là Pháp thí, Vô úy thí gồm chung Tài thí và Pháp thí, cho nên hai Nhiếp đã thấu nhiếp đầy đủ hạnh Bố thí, vì vậy không hiển bày trở lại.

Trong phần bốn từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về thanh tịnh do luyện tập, trong đó: 1) Nhắc lại cúng dường Phật và giáo hóa chúng sinh trước đây; 2) Hành là chủ động luyện tập, thực hành thanh tịnh theo pháp của Địa là những hạnh như Tín..., là hành đã luyện tập. Công đức như vậy là nhắc lại Tín... đã luyện tập. Hồi hướng Chủng trí là nhắc lại hồi hướng trước đây, cũng là chủ động luyện tập thuần thực những hạnh đã luyện tập này. Khiến cho ra khỏi chướng mà thành tựu Dụng, nghĩa là lúc Địa trước đây đủ đã đạt được thanh tịnh, nay ở đây

lại thanh tịnh cho nên nói là chuyển thành lợi ích rõ ràng, đây là ra khỏi chướng; nói có thể tùy ý phát sinh tác dụng, là đức Điều nhu thành tựu có thể trở thành tác dụng thù thắng.

Trong dụ: Sư tử vàng dụ cho Bồ-tát, vàng dụ cho các hạnh như Tín..., lửa dụ cho đã thấy Phật, nhiều lần vào lửa là dụ cho ba hạnh như cúng dường... Đây gọi là tùy theo lực của ngọn lửa, là luận về nhiều lần bước vào, Điều nhu... là dụ cho thanh tịnh do luyện tập.

Hỏi: Kinh luận khác nói Phật tánh giống như vàng còn trong quặng, tinh luyện đưa ra khiến cho hiển lộ; trong này lại nói Tín... như vàng, điều này có nghĩa gì sai khác?

Đáp: Phật tánh có hai: Một là Lý tánh, hai là Hạnh tánh. Hai loại này làm cho Địa tiền bị chướng ngại bởi ràng buộc, như vàng còn trong quặng, một Đại tăng-kỳ kiếp chịu khó tu tập tư lương, và lực của gia hạnh gợi mở Hạnh tánh vốn có, sinh khởi đạt được Địa thứ nhất, trí Vô lậu ban đầu cho đến hiển lộ Lý tánh, cùng một nghĩa đầy khắp mọi nơi như vàng ra khỏi quặng. Trong này, Tín... là do Hạnh tánh mà gợi mở pháp Vô lậu ban đầu. Lại như vàng ấy mới ra khỏi quặng vàng, lại cần phải dùng lửa tinh luyện khiến cho được thanh tịnh; pháp của Địa cũng như vậy; một sát-na thứ nhất đã sinh khởi Vô lậu chỉ là lực của Hạnh tánh, niệm thứ hai lại tiếp tục một lần nữa hun đúc tăng thêm chuyển thành mạnh mẽ, ví như nay đến Địa này đầy đủ quả vị do nung đốt tinh luyện thuần thực mà so sánh như vậy, vẫn còn lại có thể biết.

Trong đoạn thứ hai là quả Phát thú, có hai: Đầu là chính thức trình bày về hạnh Phát thú; sau từ “Thị danh...” trở xuống là tổng quát kết luận về tướng của Địa.

Trong phần đầu có bốn: 1) Pháp; 2) Dụ; 3) Hợp; 4) Kết luận.

Phần một là trong Pháp có bốn: a) Hỏi; b) Nhận biết; c) Thực hành; d) Đến nơi.

Trong phần a là hỏi, có ba: Trước là hỏi riêng biệt về Địa thứ nhất; tiếp là hỏi riêng biệt về Địa thứ hai; sau là hỏi tổng quát về Địa còn lại. Trong đó tướng mạo, nghĩa là thiết lập chướng ngại-thiết lập đối trị theo thứ tự riêng biệt của mười Địa, lấy làm tướng của Địa, để so sánh về Thể của Địa nói là tướng mà thôi. Nói về Hành, trong luận gọi là Đắc, tức là do chứng được trí Vô phân biệt thuộc về pháp xuất thế gian mà chứng Chân Như. Nói về Quả, là dựa vào lực của trí Căn bản làm nhân có thể phát sinh trí Hậu đắc. Nhưng trí Hậu đắc này bao gồm duyên với Tục, cho nên gọi là thế gian, trí Vô phân biệt bởi vì cũng là xuất thế, cho nên Luận gọi là trí Thế-Xuất thế. Lại trong ba loại này,

một là Vô gián đạo cùng với Hoặc trái ngược nhau, hai là Giải thoát đạo chứng Vô vi ấy, ba là Thắng tiến đạo tiến lên tu trí Hậu đắc. Vì sao không nói đến Gia hạnh, là bởi vì Gia hạnh thuộc Địa tiền không phải là Địa thâm nhiếp, Gia hạnh của Địa thượng thu vào Thắng tiến, cho nên ba loại này đều là pháp đã tu của các Địa. Nói về thành tựu pháp của Địa, mười hạnh như Tín... là hạnh đã tu của các Địa, có thể thành tựu đầy đủ về Địa, vì vậy cần phải hỏi về hai loại pháp này.

Từ “Thị Bồ-tát thiện tri...” trở xuống trình bày về phần b là nhận biết, trong đó có mười một câu đưa ra ba môn: Một-Phân tán làm mười một; hai-Thâm nhiếp làm năm; ba-Thể của hành chỉ có ba.

Một là mười một: 1) Tức là bởi vì đối trị mười chướng, Lương Nhiếp luận quyển thứ 10 nói: “Địa là nghĩa về đối trị.” 2) Thành hoại, là thu nhận hành thành tựu phần vị, tích tập cho nên gọi là Thành; các hành đều dừng lại và tản ra, cho nên gọi là Hoại. 3) Hành quả, là Chánh Chứng và trí Hậu đắc của các Địa. 4) Phân biệt đắc, là pháp giới mà các Địa đã chứng khác nhau, lại tướng của Phân biệt đắc có bốn loại, như Nhiếp Luận. 5) Thanh tịnh hành, là trí Hậu đắc của các Địa thực hành thành tựu lìa nhiễm. 6) Thực hành từ một Địa đến một Địa, là dựa vào Địa trước phát khởi Địa sau, tướng rời bỏ của Địa. 7) Xứ và phi xứ, là đã đoạn hai Chấp gọi là Phi xứ, đã chứng hai Không gọi là Trú xứ. 8) Chuyển trú xứ, là hành của Địa mình đã đầy đủ cho nên không dừng lại. 9) Thắng tiến, là bởi vì Thắng tiến hướng về mong cầu phần vị của Địa sau. 10) Bất thối, là bởi vì niệm niệm hướng về sau không lui sụt dừng lại. 11) Địa thanh tịnh của Bồ-tát tiến vào trí của Như Lai, là bởi vì khéo léo nhận biết nhân tròn vẹn thì chắc chắn đạt được quả.

Hai là luận thâm nhiếp làm năm: Hai câu đầu gọi là phương tiện của Quán, một là quán đối trị về chướng, hai là quán thành-hoại của Địa, đầu là dựa theo pháp đã đoạn hiển bày về quán, sau là dựa theo pháp đã nhận biết trình bày về quán. Ba câu tiếp gọi là phương tiện của Đắc, Đắc là nói về Chứng, một là bắt đầu chứng, hai là đang chứng, ba là chứng đầy đủ. Ba câu tiếp gọi là phương tiện của Tăng thượng, tu tiến đến phần vị sau gọi là tu tăng thượng, không lập tức thành tựu, đầu-giữa và sau khác nhau cho nên có ba câu. Hai câu tiếp gọi là phương tiện của Bất thối, một là mạnh mẽ mong cầu, hai là không ngưng nghỉ cho nên nói là Bất thối. Một câu cuối cùng gọi là phương tiện của Tận chí, cuối cùng phần vị Bồ-tát gọi là Tận, đến quả vị Phật gọi là Chí. Năm loại này đều là khéo léo mà thành tựu, cùng gọi là phương tiện.

Ba là thâm nhiếp làm ba, nghĩa là năm loại này không lìa xa các



tướng đạt được quả, một loại đầu là Tướng, một loại tiếp gọi là Đắc, loại thứ ba là Quả, loại thứ tư hiển bày về ba loại trước tiến tu không lui sụt, loại thứ năm trình bày về ba nhân đến cuối cùng tiến vào quả, vì thế cho nên chỉ có ba.

Từ “Chư Phật tử...” trở xuống, trong phần c là chủ động thực hành, đã vui mừng nhận biết rồi tuy chưa phát khởi nơi chốn bắt đầu, nhưng mà tâm đoạn tuyệt quan hệ, nhất định phải chủ động thực hành, cho nên nói là thậm chí không có chướng ngại.

Từ “Ngôn đắc chư Địa...” trở xuống, trong phần d là trình bày về có thể đến nơi, bởi vì nhất định có thể đến được Địa Bồ-tát sau cuối và Địa của Phật trí, cho nên nói là đạt được các Địa cho đến ánh sáng rạng rỡ của Phật tuệ.

Phần hai là trong Dụ cũng có bốn, chủ buồn là dụ cho Bồ-tát, dẫn người đi là dụ cho Lợi tha: Một, Trong hỏi là hỏi về nơi khởi hành, nơi dừng lại của con đường, đều có lợi ích và tổn hại, cả hai đều cần phải hỏi. Hai, Từ “Vị phát sơ xứ...” trở xuống, dụ cho nhận biết trước đây hỏi về đường đi mà không hỏi về nơi dừng lại, nay nhận biết về lúc dừng lại mà không nói đến nơi khởi hành, văn tô điểm lẫn nhau; lại nơi trước vào lúc này, văn hiển bày lẫn nhau mà thôi. Ba, Từ “Năng dĩ trí...” trở xuống là dụ cho có năng lực thực hành, đã có thể khéo léo nhận biết về nơi khởi hành-nơi dừng lại, lúc khởi hành-lúc dừng lại, đều có lợi ích và tổn hại, vì vậy tính toán phân rõ đối với tiền bạc-vật dụng sinh hoạt, tránh tổn hại mà có lợi ích, khiến cho đến được nơi cần đến. Hễ nói đến người dẫn đường thì vốn phải có đủ hai loại này, vì vậy luận nói: Một là không lạc mất phương tiện của đạo, hai là tiền bạc vật dụng làm phương tiện để lợi ích. Là nói đến nghĩa này, vì vậy nói là cho đến đích thực dẫn dắt mọi người. Bốn, Từ “Đắc chí Đại thành...” trở xuống là dụ cho có năng lực đến nơi, có thể biết.

Phần ba là trong Hợp: Một, Hỏi và nhận biết gồm chung hợp lại; Hai, Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là riêng biệt hợp với có năng lực thực hành; Ba, Từ “Nãi chí linh trú...” trở xuống là riêng biệt hợp với có năng lực đến nơi.

Phần tư từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận về hạnh chịu khó ấy, có thể biết. Trên đây là riêng biệt phân rõ.

Từ “Chư Phật tử...” trở xuống là phần sau tổng quát kết luận mà nói tóm lược.

Trong đoạn thứ ba là quả Nhiếp báo, có hai: Một là trình bày về quả tại gia; Hai từ “Nhược dục xả gia...” trở xuống là trình bày về quả

xuất gia.

Trong phần một cũng có hai: 1) Trình bày về thân thù thắng bậc nhất để hiển bày về Báo thù thắng ấy; 2) Từ “Năng dĩ Đại thí...” trở xuống là trình bày về quả thù thắng bậc nhất để hiển bày về Hạnh thù thắng ấy. Lại cũng trước là quả Dĩ thực, sau là quả Đăng lưu.

Trong phần một: Hỏi về thân Vương này là Thật hay là Ứng?

Đáp: Nếu dựa theo Sơ giáo, thì chưa lìa Phần đoạn phải là Thật báo. Nhưng mà báo đã thọ không phải chỉ có thân này, cho nên nói là nhiều loại chứ không nói là một loại, bởi vì sinh vào Tịnh độ mà thọ thân ấy; lại là Ứng hóa, bởi vì có vợ con chứ không phải là Thật thân. Nếu dựa theo Chung giáo, thì từ Địa thứ nhất trở lên vốn xả bỏ Phần đoạn, Biến dịch vi tế vốn không phải là thân này. An lập mười vị vua, là phân biệt về mười Địa, chứ không nói là mười Địa như thật làm vua, như trong kinh Anh Lạc nói: “Bốn phần vị như Tín... ở Địa tiền, như thứ tự đã làm bốn Luân Vương là Thiết-Đồng-Ngân-Kim.” Lẽ nào có thể Thập Tín đã làm vua cõi Diêm-phù hay sao? Nay đến Địa thứ nhất vẫn còn làm vị vua ấy, cho nên biết là trước dựa vào bốn vị vua để phân biệt về bốn phần vị, nay dựa vào mười vị vua để phân biệt về mười Địa, vì vậy không trái ngược nhau.

Phần hai là quả thù thắng bậc nhất, nghĩa là dựa vào báo của vị vua khởi lên hạnh thù thắng. Trong đó có hai: Một là hạnh thuộc Tự phần; hai từ “Thường sinh thị tâm...” trở xuống là trình bày về nguyện thuộc Thắng tiến.

Trong phần một: a) Hạnh tùy theo quả báo để thâm nhiếp chúng sinh; b) Từ “Thị chư phước...” trở xuống là trình bày về hạnh thuộc trí niệm vô nhiễm. Lại hạnh trước là chính thức thành tựu Lợi tha, hạnh sau là không mất đi Tự lợi.

Trong phần trước có hai: a) Dùng hạnh bố thí để điều phục chúng sinh, trong đó có hai, một là khéo bố thí để điều phục keo kiệt, hai là thường bố thí để luôn luôn thâm nhiếp; b) Từ “Sở tác...” trở xuống là bốn Nhiếp, thâm nhiếp chúng sinh khiến cho họ tiến vào đạo.

Trong phần sau là Tự lợi, luận thâm nhiếp làm bốn: Đầu có ba loại gọi là Thượng niệm, bởi vì nghĩ đến Tam Bảo. Tiếp có một loại gọi là Đồng pháp niệm, bởi vì nghĩ đến các Bồ-tát cùng thực hành, một loại này sử dụng hưởng về hai phía, bởi vì trong kinh tóm lược không có nghĩ đến Tăng. Tiếp có ba loại gọi là Công đức niệm, nghĩ đến hạnh Tự-Tha là đạo đã thực hành, tự Thể là Ba-la-mật, chuyển sang thù thắng là mười Địa. Sau cùng có bốn loại gọi là Cầu nghĩa niệm, nghĩ đến Phật

lực... là nghĩa về cảnh đã mong cầu, lại là lợi ích có ý nghĩa to lớn. Lại những loại này đều tùy theo quả báo luôn luôn thâm nhiếp chúng sinh không khởi lên vọng niệm, cho nên nói là Niệm. Như luận nói: Các niệm như vậy ở trong sự việc thực hành rồi, là chính thức trình bày về tùy theo quả báo luôn luôn thâm nhiếp chúng sinh. Nói về thành tựu Đại cung kính loại trừ vọng tưởng, là trình bày về không mất đi Tự hành, nghĩa là trên nghĩ đến Tam Bảo cho nên thành tựu Đại cung kính, nghĩ đến thực hành lìa xa chướng ngại cho nên nói là loại trừ vọng tưởng. Sau luận trở Lại giải thích: Dựa theo trong bố thí lìa xa ba Luân và hai loại Bồ-đề đã mong cầu; dựa theo bốn Nhiếp... nói là trong tác nghiệp như vậy..., đều lìa xa bốn sự, có thể biết.

Trong phần hai là nguyện thuộc Thắng tiến: Sáu loại đầu là Tự đức, năm loại sau là thâm nhiếp người khác.

Trong sáu loại đầu, làm vị Thượng thủ chỉ là tổng quát, Diệu... chỉ là riêng biệt; hai loại Thắng và Đại, vừa tổng quát-vừa riêng biệt. Năm loại sau không phải tổng quát-không phải riêng biệt, kinh này tóm lược không có vi diệu.

Ngay trong năm loại sau: Một loại đầu là dùng A-hàm để dẫn dắt. Bốn loại sau đều là Chứng: Một loại đầu là thành tựu Đoạn đức, ba loại sau là thành tựu Trí đức. Trong Trí đức: Một, chỉ dạy khiến cho đạt được pháp xuất thế gọi là Sư; hai, khiến cho đầy đủ tận cùng phần vị Học gọi là Tôn; ba, khiến cho đạt được Chứng trí thuộc quả vị Phật. Đều như luận giải thích, có thể biết.

Trong phần hai là quả xuất gia, có ba: 1) Phương tiện xuất gia; 2) Từ “Ư Phật pháp trung...” trở xuống là chính thức trình bày về xuất gia; 3) Từ “Tu du...” trở xuống là trình bày về do xuất gia mà đạt được.

Trong pháp đã đạt được, có hai: Một, Đạt được lực thù thắng tự tại của Tam-muội, bởi vì đây là căn bản của Dụng, như kinh nói đạt được trăm Tam-muội; Hai, Dựa vào Tam-muội mà phát khởi thù thắng. Trong đó có mười: 1) Thấy trăm vị Phật, nghĩa là ở mười phương đều thấy mười loại thân Tha thọ dụng, ở nơi Đức Phật ấy mà nghe pháp luyện tập về trí. Lại phẩm Trú trong luận Du Già nói: “Dùng Thiên nhân thanh tịnh có thể thấy trăm Đức Như Lai trong các loại quốc độ của chư Phật.” 2) Nhận biết về Phật lực, là ở nơi các Bồ-tát thuyết pháp do thần lực của Phật đã gia hộ, mà nghe pháp luyện tập về trí. Trong luận Du Già nói: “Biến hóa trú trì, Bồ-tát trú trì đều có thể hiểu biết rõ ràng.” Hai loại trên đây thuộc hạnh Tự lợi. 3) Có thể sử dụng, là thần lực giáo hóa từ xa, khiến cho sinh khởi niềm tin, sau đó ba thân hưởng

về trao cho đạo pháp. 4) Bay qua, là bởi vì đi đến có thể tiến vào. 5) Có thể chiếu rọi, là bởi vì đích thực nhìn thấy thế giới ấy; lại vốn là ánh sáng nơi thân chiếu rọi khắp nơi khiến cho người khác nhìn thấy. 6) Có thể giáo hóa bình đẳng, là bởi vì đích thực giáo hóa. Bốn loại trên đây thuộc hạnh Lợi tha. 7) Trú thọ, là trong năm loại Sinh, đầu nhiếp chọn lấy loại Sinh thù thắng. Trong luận Du Già nói: “Nếu muốn giữ lại mạng căn thì có thể dừng lại trăm kiếp.” 8) Nhận biết về quá khứ-vị lai... là bởi vì giáo hóa chúng sinh cho nên thực hiện lìa xa điều ác là đầu tiên, vì vậy nói về nghiệp đạo thiện-ác quá khứ-vị lai ấy, dùng để giáo hóa các chúng sinh. 9) Khéo léo tiến vào, là bởi vì muốn tăng thêm trí tuệ của mình, cho nên đối với các loại pháp môn như Uẩn-Giới-Xứ... có thể tư duy chính xác mà lựa chọn nghĩa lý. 10) Biến hóa thân hình... là bởi vì nhanh chóng biến hóa thân hình mà làm thành trăm; làm nhiều lợi ích, là tất cả trăm vị Bồ-tát làm quyến thuộc, dùng trăm thân khởi lên hạnh Lợi tha ấy, nhanh chóng lợi ích cho vạn người, vì vậy gọi là thực hành nhanh chóng làm nhiều lợi ích. Nhưng từ Địa thứ nhất trở lên tiến vào cảnh giới Phật, đã hóa hiện vô lượng chứ không phải hạn chế ở số này, chỉ là dựa vào số lượng để phân biệt đối với mười Địa, mà phân rõ số trăm này thôi. Sau Địa thứ hai... trình bày theo số ngàn... đều dựa theo đây biết rõ.

Trong đoạn thứ tư là quả Nguyện trí: Nếu dùng nguyện lực, là Chánh nguyện chứng ở bên trong tích chứa đã lâu mà thành tựu. Tự tại, là tác dụng của trí lực, dùng nguyện tự tại mà thị hiện mọi nơi, vượt qua số trăm trước đây vô lượng vô biên, dù cho trăm ngàn vạn ức Na-do-tha kiếp tính kể cũng không thể nào biết được.

Hỏi: Trong luận về kinh đã nêu ra rõ ràng có mười một sự việc, vì sao trong này hoàn toàn không hiển bày?

Đáp: Phần lớn không sai khác nhiều so với mười một loại pháp đã nêu ra trong số trăm trước đây, cho nên không phân rõ thêm nữa, có phần ít không giống nhau, như luận đã hiển bày. Phần trường hàng nói phân tán ra, xong.

Trong phần thứ hai là kệ tụng, có 45 tụng rưỡi phân làm ba: Đầu là 22 kệ tụng về phần Thuyết giảng; tiếp là 21 kệ rưỡi tụng về phần So sánh thù thắng; sau cuối là hai kệ tụng kết luận về Thuyết giảng.

Trong phần đầu phân làm mười: 1) Có hai kệ tụng về dựa vào thân nào? 2) Có bốn kệ tụng về vì nghĩa gì? 3) Có hai kệ tụng về dùng nhân nào? 4) Có ba kệ tụng về có tướng gì? 5) Có hai kệ rưỡi tụng về nhiều hoan hỷ trong phần giải thích tên gọi. 6) Có một kệ tụng về nghĩ

đến sẽ đạt được. 7) Có hai kệ tụng về nghĩ đến đang đạt được. 8) Có một kệ rưỡi tụng về thành tựu Tín tâm trong phần an trú. 9) Có một kệ tụng về thành tựu công hạnh tu tập. 10) Có ba kệ tụng về thành tựu hồi hướng. Trên đây là mười môn tụng về trăm câu trước đây, phần Chánh Địa, xong.

Tiếp là tụng về phần So sánh thù thắng, trong đó có sáu: 1) Có năm kệ rưỡi tụng về mười Đại nguyện và câu Thập Tận. 2) Có sáu kệ tụng về mười hạnh như Tín... trong phần so sánh về Hạnh, có thể biết. 3) Có hai kệ tụng về quả Điều nhu. 4) Có hai kệ tụng về quả Phát thú. 5) Có năm kệ rưỡi tụng về quả Nhiếp báo. 6) Có nửa kệ tụng về quả Nguyện trí.

Sau cuối là hai kệ tụng kết luận về phạm vi giới hạn của phần Thuyết giảng. Địa thứ nhất, xong.

**\* Trong Địa thứ hai có bảy môn giống như trước:**

**A. Giải thích tên gọi:** Dựa vào luận Duy Thức quyển thứ chín: “Đây đủ Thi-la thanh tịnh, cho nên lia xa cấu nhiễm thuộc phạm giới vi tế.” Luận Thập Trú nói: “Thực hành mười thiện đạo, cho nên lia xa các cấu nhiễm.” Nhiếp Đại Thừa nói: “Do lia xa tận cùng cấu nhiễm thuộc phạm giới.” Thế Thân Giải thích rằng: “Tánh giới thành tựu, không phải như Địa thứ nhất suy nghĩ lựa chọn hộ giới.” Vô Tánh cũng như vậy, Du Già-Thâm Mật-Kim Quang Minh... đều giống như ở đây nói, Địa Luận giải thích tên gọi như phần Căn bản trước đây.

**B. Ý đưa ra có ba:** 1) Địa Luận nói: “Như vậy đã chứng Chánh vị, dựa vào đạo xuất thế gian làm nhân cho giới thanh tịnh, nói về Bồ-tát Ly Cấu Địa thứ hai.” Giải thích rằng: Đã chứng Chánh vị là Địa thứ nhất trước đây, dựa vào đạo xuất thế gian này tu tập thực hành ba Học, Giới ở đầu tiên, cho nên ở đây đưa ra. 2) Địa trước bắt đầu chứng Chân Như, hãy còn có sai lầm vi tế làm chướng ngại mà phạm giới, tánh không thể nào tự nhiên không cần suy nghĩ lựa chọn để hộ trì cho giới thanh tịnh, vì vậy có Địa này thành tựu giới hạnh này. 3) Địa trước là Bồ thí, Địa này là Trì giới, vốn là nghĩa theo thứ tự.

**C. Chương đã lia xa:** Dựa vào luận Thập Địa, chương gọi là tà hạnh đối với thân của chúng sinh... Lương Nhiếp Luận quyển thứ 10 nói: “Dựa vào thân..., các chúng sinh do Vô minh mà khởi lên tà hạnh.” Luận Duy Thức quyển thứ chín nói: “Hai là tà hạnh chướng, nghĩa là một phần Câu sinh trong sở tri chướng, và đã khởi lên sai lầm mà phạm vào ba nghiệp, điều đó chướng ngại cho Thi-la rất thanh tịnh của Địa

thứ hai, lúc tiến vào Địa thứ hai, liền có thể vĩnh viễn đoạn trừ. Vì vậy, Địa thứ hai nói đến đoạn trừ hai ngu và thô nặng của nó: Một là ngu do sai lầm vi tế mà phạm, tức là một phần Câu sinh trong này; hai là ngu về các loại nghiệp thú, tức là điều đó đã khởi lên sai lầm mà phạm vào ba nghiệp; hoặc là chỉ khởi nghiệp ngu, không hiểu rõ về nghiệp ngu.” Giải thích rằng: Trong hai ngu này, loại đầu là có thể phát khởi, loại sau là đã phát khởi.

Hỏi: Sở tri chướng không có thể phát nguyệp, cũng không phải là nhuận sinh, tại sao trong này có thể phát khởi ba nghiệp?

Đáp: Luận Duy Thức quyển thứ nhất nói nối tiếp sinh ra phiền não phát nghiệp phạm giới, bao gồm sở tri chướng; ở đây dựa theo sai lầm mà phạm cho nên không trái ngược nhau.

Lại hai ngu này, một là có thể phát khởi nghiệp ngu, hai là không hiểu rõ nghiệp ngu. Nếu dựa vào cách giải thích này thì hai ngu đều dùng Vô minh làm tánh, kinh Thâm Mật và luận Du Già đều giống nhau, có thể biết. Lại dựa theo trong Địa này tổng quát loại trừ năm pháp: 1) Một phần sở tri chướng. 2) Nghiệp do nó mà phát. 3) Chướng thô nặng của nó. 4) Và phiền não thô nặng, bởi vì phần vị tu của mười Địa tuy không đoạn trừ phiền não chướng, nhưng nhất định phải điều phục nó mà đoạn trừ thô nặng của ấy. 5) Và lìa xa báo chướng tương ưng với tâm sở lìa xa ràng buộc không sinh, dựa theo trước biết rõ.

Trên đây là dựa theo Thỉ giáo. Nếu dựa vào Chung giáo, thì như Lương Nhiếp Luận... loại trừ bốn pháp: 1) Chủng tử phiền não ấy ở Địa thứ nhất vĩnh viễn không còn, chỉ có tập khí của nó; 2) Một phần thô của sở tri chướng ấy cũng không còn ở Địa thứ nhất, phần còn lại và tập khí ở trong các Địa đích thực đoạn dứt khác nhau; 3) Vô minh làm duyên phát nghiệp vô lậu; 4) Đã cảm đến Biến dịch, báo sinh tử phương tiện đều là pháp đã lìa xa. Dựa theo trước biết rõ.

**D. Pháp đã chứng được:** Dựa vào luận Duy Thức quyển thứ 10: “Chứng về nghĩa thù thắng nhất của Chân Như, nghĩa là Chân Như này đầy đủ đức vô biên, đối với tất cả các pháp vốn là thù thắng nhất.” Vô Tánh Nhiếp Luận quyển thứ bảy nói: “Trong Địa thứ hai do nghĩa tối thắng, nghĩa là lý Không này là thù thắng nhất trong tất cả các pháp, như nói lìa xa dục là thù thắng nhất, biết rõ ràng về nghĩa này thì có thể tiến vào Địa thứ hai.”

**E. Pháp đã thành tựu:** Nghĩa là thành tựu về Giới độ, đầy đủ ba Tụ và mười thiện hạnh. Lại như Lương Nhiếp Luận nói đầy đủ tám loại thanh tịnh...

**F. Quả đã đạt được:** Lương Nhiếp Luận nói: “Nếu thông đạt công đức tối thắng của pháp giới, thì đạt được quả Bồ-đề Vô thượng tối thắng đối với tất cả chúng sinh.” Đây là dựa theo quả sẽ đạt được, nếu dựa theo quả đang đạt được thì hai quả giống như trước.

**G. Giải thích văn,** có ba: 1) Phần kệ tụng ca ngợi thừa thĩnh; 2) Phần chính thức thuyết giảng về Căn bản của Địa; 3) Phần dùng kệ tụng tụng.

Trong phần một có năm tụng phân hai: Đầu là ba tụng trình bày về Đại chúng vui mừng được nghe Địa trước, một là nghe pháp sinh tâm vui mừng, hai là thân nghiệp rải hoa, ba là ngữ nghiệp ca ngợi. Sau là hai tụng về Giải Thoát Nguyệt chính thức thừa thĩnh Địa sau, một là nhận biết tâm của Đại chúng, hai là chính thức vì Đại chúng mà thừa thĩnh.

Trong phần hai là chính thức thuyết giảng, luận phân làm hai: Một, Phát khởi tịnh; Hai, Tự Thể tịnh.

Phần một là Phát khởi tịnh, quả của Địa giống như trước, vì vậy không giải thích lại. Cũng không phân tích đưa ra, nghĩa là ba Tự của Chánh Địa không có cấu nhiễm do sai lầm mà phạm vào, gọi là Tự Thể tịnh; tâm thẳng thắn hướng về nơi ấy, gọi là Phát khởi tịnh. Luận nói: Dựa vào giới thanh tịnh-tâm thẳng thắn, nghĩa là dựa vào tâm thẳng thắn này trì giới thuần thực gọi là thanh tịnh. Tánh giới thành tựu cho đến thực hành tự nhiên, là dựa vào tâm thẳng thắn-giới thanh tịnh mà thành tựu Tánh giới của Chánh Địa, không cần suy nghĩ lựa chọn, tánh tự trì giới cho nên nói là thực hành tự nhiên.

Trong văn có ba: 1) Kết thúc phần trước nêu ra phần sau; 2) Chính thức hiển bày về mười tâm; 3) Kết luận về hành tiến vào phần vị.

Ngay trong phần hai là chính thức hiển bày, tâm thẳng thắn là tổng quát. Trong riêng biệt, trong mười tâm: Sáu tâm đầu là Luật nghi giới, hai tâm tiếp là Nhiếp thiện giới, hai tâm sau là Nhiếp sinh giới.

**Trong sáu tâm trước:**

Một, Không não hại người khác, cho nên gọi là Nhu nhuyễn. Đương nhiên có người tuy tâm thẳng thắn trì giới, nhưng mà tâm cứng cõi thô lỗ cùng tồn tại làm phiền đến người khác; nay ở đây ngược lại với điều ấy, cho nên gọi là cùng nhau vui vẻ...

Hai, Tự mình không dấy khởi phiền não, cho nên gọi là Điều hòa, nghĩa là đối với cảnh nghịch-thuận tùy ý vận dụng mà trì giới, không bị mê hoặc dẫn dắt, vì vậy gọi là tự tại lực...; lại bởi vì không bị phiền não của giới thủ làm cho xen tạp.

Ba, Có thể chịu đựng sự não hại của người khác, cho nên gọi là Kham thọ; trong luận không có câu này.

Bốn, Có thể loại trừ điều ác vi tế, cho nên gọi là Bất phóng dật, nghĩa là khéo léo giữ gìn các căn không để cho sai lầm phạm vào. Sai lầm phạm vào hãy còn lìa xa, huống gì có lúc cố tình vi phạm? Điều này cùng với Chánh Địa có gì sai khác? Giải thích: Đây là tác ý không sai lầm, Chánh Địa là tánh tự nhiên không sai lầm.

Năm, Không ý vào giới của mình mà tự cao khinh thường người khác, cho nên gọi là Tịch diệt. Lại giải thích: Đạt được Thật tướng của giới, tâm không có gì chấp trước cho nên không tự cao, gọi là Tịch diệt.

Sáu, Gặp phải khó khăn kiên trì không hủy hoại gọi là Chân, nghĩa là không có giới nào khó giữ gìn, mà không có thể chịu đựng khổ nhọc để giữ gìn; như vàng ròng ở thế gian cho dù nung đốt mài giũa... mà cuối cùng không thay đổi. Lại giải thích: Đây cũng thuộc về Nhiếp thiện pháp giới, phẩm Trú trong luận Du Già nói: “Sáu là đối với các pháp thiện vi diệu thuộc Bồ-đề phần thường chịu khó tu tập.” Tiếp từ “Ý lạc...” trở xuống là hai tâm trình bày về Nhiếp thiện giới.

Bảy, Tu thiện không có chán ngán, không xen tạp lười nhác, cho nên gọi là Bất tạp. Trong luận: Công đức đã đạt được không sinh tâm thỏa mãn, là tổng quát nêu ra ý. Dựa vào giới thanh tịnh, là dựa vào giới lìa xa trước đây. Lại mong cầu hơn hẳn, là tiến lên tu tập thâu nhiếp điều thiện, cho nên gọi là giới hơn hẳn. Sau luận nói: Nhiếp thiện pháp giới thanh tịnh, là đối với giới lìa xa thì thanh tịnh là trên hết, cho nên loại này gọi là hơn hẳn. Vui với vắng lặng, là tăng trưởng tâm này, luận Du Già nói: “Bảy là ngay nơi ấy tiếp tục tu, bởi vì tùy thuận cho nên vui với ý thích xa lìa.”

Tám, Tu pháp thiện mong cầu Phật, không mong cầu trời-người, cho nên gọi là không tham. Hai tâm sau là Nhiếp sinh giới.

Chín, Tâm Bi làm lợi ích chúng sinh, cho nên gọi là hơn hẳn, nghĩa là nguyện thường ở thế gian để nhiếp hóa chúng sinh, gọi là nguyện không đoạn dứt ba cõi, đây là Đại Bi không trú vào Niết-bàn; luận Du Già nói: “Ý thích xa lìa Thừa dưới hướng đến chứng được Đại thừa.” Mười Trí và tâm vô nhiễm cho nên gọi là Đại, nghĩa là tùy thuận các cõi để thâu nhiếp chúng sinh, mà trong tâm thường không đắm nhiễm thế gian, đây là Đại Trí không trú vào thế gian; luận Du Già nói: “Ý thích mong muốn thực hiện lợi ích có ý nghĩa cho tất cả hữu tình.” Lại trong Du Già đối với Địa trước chưa khởi lên ý thích về mười tâm này,



kinh này thì bắt đầu Địa thứ hai cũng tương tự.

Trong phần ba dùng mười tâm này tiến vào Địa thứ hai, là kết luận về hành tiến vào phần vị; luận Du Già nói: “Tức là do mười loại ý thích như vậy, cho nên thành tựu phẩm Thượng, vô cùng đầy đủ trọn vẹn, là các Bồ-tát tiến vào chứng được giới trú tăng thượng của Địa thứ hai cùng ở nơi này.”

Trong phần hai là Tự Thể tịnh, Luận chủ phân làm ba Tự, nghĩa về ba Tự giới này tóm lược đưa ra mười môn phân biệt, nói như phần riêng biệt. Trong văn: 1) Trình bày về giới thanh tịnh lìa xa, bởi vì lìa xa giết hại... cho nên cũng gọi là Chánh thọ giới thanh tịnh, cũng gọi là Luật nghi giới. 2) Từ “Tác thị tư duy nhất thiết chúng sinh đọa ác đạo...” trở xuống là trình bày về Nhiếp thiện pháp giới. 3) Từ “Thử thập bất thiện nghiệp đọa thượng giả địa ngục...” trở xuống là trình bày về Nhiếp chúng sinh giới.

Ngay trong Tự một có ba: Một, Tổng quát trình bày về thành tựu Tánh giới của Địa này; Hai, Từ “Xả khí...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về xa lìa mười ác nghiệp...; Ba, Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về thường xuyên thực hành.

Trong một, Tổng quát trình bày, trú vào địa Ly Cấu tự nhiên xa lìa, là chính thức trình bày thành tựu Tánh giới, không cần suy nghĩ lựa chọn mới lìa xa giết hại... cho nên nói là tự nhiên lìa xa. Đối với mười ác nghiệp này cho đến vi tế cũng đều xa lìa, cho nên nói là lìa xa tất cả sát sinh... Phẩm Trú trong luận Du Già nói: “Ở trong Trú này đầy đủ Tánh giới, rất ít nghiệp đọa tà ác do các giới ác vi phạm thâm nhiếp, hãy còn không hiện hành, huống là phẩm Trung-Thượng.” Lại xa lìa giết hại..., nói chung có bốn loại: 1) Chỉ đề phòng lỗi lầm thô thiển của ba nghiệp, như giới hạnh của phạm phu. 2) Chấm dứt phạm lỗi rất vi tế, như Tam Hiền Bồ-tát. Hai loại trên là dựa theo hiện hành. 3) Trừ bỏ chủng tử, nghĩa là Địa thứ nhất. 4) Sai lầm phạm vào cũng lìa xa, tức là Địa này. Trên đây là dựa theo Sơ giáo mà phân rõ.

Lại có bốn loại: 1) Đề phòng hiện khởi; 2) Trừ bỏ chủng tử; 3) Diệt hết tập khí; 4) Hiển bày tánh tịnh. Hai loại sau là Địa này, bởi vì tánh thanh tịnh khó rõ ràng, nhờ vào trừ bỏ giết hại... để hiển bày tánh thanh tịnh. Trên đây là dựa theo Chung giáo mà phân rõ.

Lại bởi vì Thể của Địa siêu tuyệt tướng thật khó phân, nhờ vào hiển bày về Địa riêng biệt, chứ không phải ngay nơi Địa này. Nếu không như vậy thì lẽ nào có thể Địa tiền hồi hương đều là phần vị-hành tướng rất sâu xa, nay đến Địa thượng mới lìa xa giết hại... hay sao? Vì

vậy biết là nhờ vào hiển bày về tướng của Địa sai biệt; sau chi Thiên... nên biết cũng như vậy. Trên đây là dựa theo Viên giáo mà phân rõ.

Trong hai Riêng biệt giải thích văn, lìa xa mười ác nghiệp tức là mười đoạn.

Trong đoạn một là lìa xa giết hại, trong riêng biệt phân rõ, có ba:

1) Lìa xa nhân, là bởi vì lìa xa nhân của giết hại. Ở đây có hai loại: a) Vật dụng bên ngoài gọi là nhân tiếp nhận tích trữ, nghĩa là dao chặt-gậy đánh-chú thuật-thuốc độc... Chỉ là vật dụng có thể giết hại thấy đều xa lìa, kinh Phạm Võng gọi là lìa xa duyên giết hại. b) Bên trong khởi tham... gọi là nhân phát khởi. Thật sự có đủ ba độc, vì sao trong luận chỉ đưa ra tham-sân? Giải thích: Tâm ngu si mong cầu tà vạy sát sinh để cúng tế, bởi vì khó loại bỏ, chứ không nói là không lìa xa, vì vậy trong đối trị lìa xa riêng biệt trình bày về lìa xa loại này.

Hỏi: Tham-sân đều đủ nhân phát khởi, vì sao trong văn ở phần lìa xa sân nói là không có sân, ở phần lìa xa tham không nói là không có tham, mà chỉ nói là có tâm quý?

Đáp: Bởi vì trong nghiệp đạo giết hại thì sân là cuối cùng. Luận Tập Tập quyển thứ bảy nói: “Nghiệp đạo sát sinh thì tham-sân-si là phương tiện, do sân cuối cùng; như sát sinh, nói lời thô ác, nghiệp đạo sân giận cũng như vậy. Sát sinh, nói vì da-thịt... là tham, vì loại trừ kẻ thù... là sân, vì cúng tế... là si. Lìa xa không có Từ Bi thì nhất định không giết hại hữu tình khác, vì vậy do sân mới là cuối cùng.” Nói có tâm quý, nghĩa là tham lợi sát sinh cả một đời không có hổ thẹn, trái lại điều này có hổ thẹn cho nên không có tham. Trong kinh Phạm Võng gọi là lìa xa nhân giết hại.

2) Từ “Ư nhất thiết...” trở xuống là trình bày về đối trị lìa xa, nghĩa là bên trong khởi lên Từ Bi đối trị về sự giết hại, đâu để cho có thể có thành tựu pháp giết hại? Trong kinh Phạm Võng gọi là lìa xa pháp giết hại; trong này đối trị tức là lìa xa, gọi là đối trị lìa xa không giống như lìa xa nhân... Hành đối trị có hai: a) Trao cho nhân vui sướng của thế gian và xuất thế gian; b) Mang lại hai quả vui sướng của thế gian và xuất thế gian. Trong này, tâm Bi là luận về tâm an ổn. Nói thường mong cầu sự việc vui sướng, là bao gồm kết luận về sự vui sướng của nhân quả.

3) Quả của hành lìa xa, là chính thức lìa xa nghiệp giết hại, nắm lấy nhân trở thành giết hại cho nên gọi là quả, lìa xa những việc làm này cho nên gọi là quả lìa xa, có hai: Não hại vi tế dựa theo tâm niệm hãy còn không hề có, hướng là làm hại thô thiển dựa theo thân, thì tức

là không còn lời nói. Trong luận, trong thô thiển có năm duyên trở thành giết hại. Luận Tạp Tập quyển thứ bảy nói: “Cũng có năm duyên: 1) Sự, nghĩa là trí (số) thuộc hữu tình; 2) Ý lạc, nghĩa là Tưởng này và Ý nhất định làm hại; 3-Phương tiện, nghĩa là bởi vì làm hại cho nên dùng dao gậy...; 4) Phiền não, nghĩa là tham...; 5) Cứu cánh, nghĩa là chúng sinh ấy bởi vì phương tiện, cho nên hoặc là chết không gián đoạn, hoặc là chết vào thời gian sau.” Địa Luận thì trong năm duyên lược bớt không có phiền não, luận Tạp Tập thì trong năm duyên lược bớt không có người khác mà chọn lấy tự làm hại, hai luận hợp lại giải thích bao gồm đầy đủ bảy duyên: 1) Vì người khác cho nên lựa chọn tự mình; 2) Vì chúng sinh cho nên lựa chọn phi tình; 3) Vì chúng sinh Tưởng cho nên lựa chọn tâm mê mờ; 4) Vì tâm giết hại cho nên lựa chọn sai lầm; 5) Vì phát khởi phương tiện cho nên thêm vào dao gậy; 6) Khởi tham... cho nên lựa chọn Từ cứu giúp, bởi vì Bồ-tát là cứu giúp tội nặng cho nên giết mà không phạm; 7) Cuối cùng đoạn dứt mạng sống, thiếu duyên phân rõ về tội, suy nghĩ dựa theo có thể biết. Trong các giới sau đều đầy đủ duyên này, cũng dựa theo như vậy. Phần lia xa sát sinh, xong.

Trong đoạn hai là lia xa trộm cắp, cũng có ba: 1) Trong lia xa nhân, dựa theo giết hại lẽ ra có hai nhân, tiền của sinh hoạt không đủ là nhân bên ngoài, tham... là nhân bên trong, vì sao không nói về nhân bên trong? Giải thích: Bởi vì giống như trước cho nên không nói lại. Lại giải thích: Trong lòng biết vừa đủ là lia xa nhân trộm cắp; lại Địa thứ nhất trở lên đạt được tài vật vô tận cho nên nói tiền của sinh hoạt thường đủ. 2) Đối trị lia xa, là đối với tiền bạc tài vật của mình thích hợp có thể bố thí, khiến cho tương lai cảm được quả báo có nhiều tài vật không hư hoại. Luận về kinh gọi là không hủy hoại tài vật khác, nghĩa là tài vật ở đời khác. Kinh này lược bớt không có câu này. 3) Quả của hành lia xa cũng có hai: Nhỏ nói là ngọn cỏ chiếc lá, lớn nói là tiền bạc đồ vật. Hai nghiệp sát-dâm khởi lên từ nơi Chánh báo của chúng sinh khác, vì tế dựa theo tâm niệm, thô thiển ngay nơi việc làm của thân; trộm cắp dựa theo tài vật bên ngoài có nhỏ-lớn để phân biệt nhẹ-nặng, luận về kinh có năm duyên, trong này tóm lược không có duyên ba-bốn, còn lại như luận hiển bày.

Trong đoạn ba là lia xa tà dâm cũng có ba: 1) Lia xa nhân, là vốn tự đầy đủ với sắc thân của vợ mình, bởi vì Địa thứ nhất-thứ hai-thứ ba giống như thế gian, vì vậy dựa vào giống như phàm phu, cho nên nói là đầy đủ với vợ mình. Lại giải thích: Địa này thâm nhiếp quả báo, nhờ vào làm Luân Vương cho nên có vợ xinh đẹp. Lại giải thích: Phạm hạnh có

thừa, cho nên nói là tự đầy đủ. 2) Đối trị lìa xa, là hiện tại vốn có Phạm hạnh thanh tịnh, không mong cầu vợ xinh đẹp ở vị lai, cho nên nói là không mong cầu vợ của người khác. Kinh này tóm lược không có câu này. 3) Trong quả của hành lìa xa cũng có hai: a) Vi tế dựa theo tâm, cho nên nói là không sinh khởi một niệm; b) Thô nặng dựa theo thân, tà vạy trong thân có ba loại, giải thích có hai môn: Một là dựa theo thô, hai là dựa vào tế.

Trong thô: Một là không đứng đắn, có năm: 1) Con gái người khác; 2) Vợ người khác; 3-Người thân của mình; 4) Bảo vệ dòng họ, nghĩa là chủng tộc cao quý không kết hợp với dòng họ thấp kém... 5) Bảo vệ phẩm cách, nghĩa là mình hứa với người khác, người khác về sau tin tưởng, là đã bảo vệ phẩm cách. Điều này đều như Địa Luận. Lại trong Trí Luận quyển thứ 15 nói: “Nếu người nữ có cha mẹ-anh em-chị em-chồng con, phép tắc thế gian-luật pháp nhà nước bảo vệ, nếu xâm phạm thì gọi là tà dâm.” Hai là không phải lúc, có ba: 1) Trí Luận gọi là bảo vệ Phạm hạnh có hai: a) Xuất gia; b) Giới một ngày, lại lúc vợ mình thọ bát quan trai giới. 2) Lúc có thai thì người phụ nữ chán ngán những thói quen vốn có, lại làm thương tổn thai nhi. 3) Lúc trẻ bú sữa mà hành dâm thì hết sữa, đều là tà dâm. Ba là không phải chỗ, nghĩa là không phải đạo có hai chỗ, có thể biết.

Trong hai là dựa theo tế để hiển bày: Một là không đứng đắn, là không phải thế thiếp của mình; Bô-tát không tự mình nhận nuôi thế thiếp, cho nên thường không tà dâm. Hai là không phải lúc, nghĩa là lúc tu giới; Bô-tát không có lúc nào không tu giới, cho nên cuối cùng không dâm. Ba là không phải chỗ, là quá thô tục, vĩnh viễn đoạn trừ không làm. Nếu tinh tế mà phân rõ thì hai dâm chánh-tà đều không thể được. Ba loại trên đây là giới của thân nghiệp, xong.

Trong đoạn bốn là lìa xa lời nói dối: Đầu là câu tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong riêng biệt có hai: 1) Đối trị lìa xa; 2) Quả của hành lìa xa. Bởi vì đối trị lìa xa tức là lìa xa nhân, như trong đoạn một về giết hại thì nhân có hai, đó là trong-ngoài, sau trong trộm cắp-tà dâm, chỉ nêu ra nhân bên ngoài, đó là tiền bạc tài vật không đủ và sắc thân của vợ không đủ, nhân bên trong là tham... lại không nêu ra lần nữa. Nay trong lời nói dối đã không có nhân bên ngoài, bên trong lại không có riêng biệt, vì vậy Luận nói không có sự việc bên ngoài, lại không có nhân khác nhau, cho nên suy nghĩ lừa dối người khác. Tâm là nhân của lời nói dối, lìa xa điều này tức là nói thật. Thành tựu nói thật tức là đối trị

lìa xa, vì vậy không nói riêng biệt.

Trong đối trị có ba: 1) Lời nói thường chân thật, là không trái với tự tâm, tùy theo ý tưởng mà nói; 2) Lời nói chính xác, là suy nghĩ đắn đo kỹ càng như sự việc mà nói; 3) Lời nói đúng lúc, là lời nói lìa xa lỗi lầm, mình có mở lời thì tâm và sự việc đều chân thật mà nói; nói không đúng lúc thì tự mình buồn phiền và làm buồn phiền người khác, Bồ-tát thì không như vậy, khéo léo biết đúng lúc mà nói.

Trong quả của hành lìa xa cũng có hai: Nêu ra tế so sánh với thô, có thể biết. Trong luận nói thấy mà che giấu-thấy mà nén chịu, dựa vào luận Đại Tỳ-bà-sa: “Tướng che giấu nói dối, gọi là thấy mà che giấu; tâm che giấu nói dối, gọi là thấy mà nén chịu. Nghĩa là mình thấy sự việc trước đây thật sự phát sinh ý nghĩ là thấy, nói dối là không thấy; đây là che giấu điều mình đã thấy, gọi là thấy mà che giấu. Lại thật sự không thấy sự việc trước đây, tùy tiện phát sinh ý nghĩ là thấy, nói dối là không thấy, đối với sự việc tuy là thật, mà đối với thấy có trái ngược, cho nên gọi là thấy mà nén chịu; đây là bởi vì nén chịu điều mình thấy.”

Trong đoạn năm là lìa xa lời nói hai lưỡi, cũng gọi là lìa xa lời nói ly gián. Nói không có tâm phá hoại là đối trị lìa xa, bởi vì phá hoại hai phía là đã đối trị. Từ “U đầu tranh...” trở xuống là trình bày về quả của hành lìa xa, có hai: 1) Vi tế là trong tâm nhớ giữ sự việc ấy; 2) Thô thiển là thân hướng về nơi khác mà nói. Luận nói hai loại này là bạn với nhau, nghĩa là đối với hai phía đều giả dối thể hiện làm bạn bè, vì vậy trở thành lời nói hai lưỡi; như Dã Can giả vờ thân thiện với Sư Tử và Hổ mà phá hoại hai nơi ấy... Lại nói nghe nơi này không đến nơi kia mà nói nguyên cớ phá hoại ở nơi này, ở đây trình bày nêu ra kinh để biểu hiện về lìa xa, nghĩa là sợ người trước kia nghe lời nói này rồi đối với người này mà khởi sự phá hoại làm hại, cho nên không nói. Lại giải thích: Sợ người kia đối với người này do tâm hòa hợp mà phá hoại, cho nên không nói; nghe nơi kia cũng như vậy. Còn lại nói như trong luận. Trong đoạn sáu là lìa xa lời nói hiểm ác, cũng gọi là lìa xa lời nói thô ác.

Trong luận: 1) Quả của hành lìa xa, đích thực lìa xa lời nói thô ác. Trong luận về kinh có mười sáu lời nói, trong này có bốn lời nói: a) Thô lỗ, là lời nói làm tổn hại người khác, bởi vì có thể làm cho người khác nóng giận; b) Khổ đau, là lời nói làm cho người khác đau khổ; c) Tệ hại, là lời nói thấp hèn tệ hại; d) Tự mình làm hỏng và làm hỏng người khác, là đã có sự việc giống như ý thích, tự mình sai lầm làm hỏng khiến cho

người khác cũng sai lầm làm hỏng. Còn lại nói như trong luận. 2) Đối trị lìa xa, nghĩa là có mười hai lời nói như lời nói làm cho có lợi ích... kinh này tóm lược không có, như luận hiển bày đầy đủ.

Trong đoạn bảy là lìa xa lời nói vô nghĩa, cũng gọi là lìa xa lời nói thêu dệt, cũng gọi là lìa xa lời nói tạp uế:

1) Trong đối trị lìa xa, luận về kinh có chín câu, trong này có năm câu. Trong đó: Đầu là hai câu gọi là lời nói giáo hóa, bởi vì chuyển hóa khiến cho phát sinh niềm tin. Nói thường tự mình giữ gìn, là nói hợp với lý không để cho sai lầm. Nói nên làm hay không nên làm, là hiển bày về tướng của không sai lầm, nghĩa là nếu thấy chúng sinh còn bất thiện, thì làm cho rời bỏ bất thiện mà an trú vào pháp thiện, lúc ấy thành tựu lợi ích về giáo hóa mới bắt đầu nói, cho nên nói là biết đúng lúc mà nói. Tiếp là một câu gọi là lời nói giảng dạy, bởi vì khuyên dạy khiến cho bắt đầu thực hành. Trong luận nói dựa vào lần lượt chuyển tiếp, nghĩa là lúc tu về hạnh thù thắng đốc thúc khích lệ lẫn nhau, nói về nghĩa lý-nói về phương pháp, cho nên gọi là lời nói làm lợi ích. Tiếp là một câu gọi là lời nói khuyên nhủ dạy dỗ, khuyên nhủ khiến cho chấm dứt điều ác. Trong luận nói lần lượt chuyển tiếp đưa ra... là cùng nhau nêu ra lỗi lầm luôn luôn khiến cho sám hối, và có sự tranh cãi thì luôn luôn làm cho chấm dứt, thực hiện lời nói như pháp và lời nói A-hàm, cho nên nói là lời nói thuận theo pháp. Sau cuối là một câu gọi là lời nói thâu nhiếp tiếp nhận, nghĩa là thuyết pháp để thâu nhiếp tiếp nhận chúng sinh, khiến cho luôn luôn tu hành; như trú trong oai nghi mà phát ra lời nói, cho nên gọi là lời nói có suy nghĩ cẩn thận.

2) Trong quả của hành lìa xa, cõi đùa là vi tế, cố tình gây ra là thô thiển, hai loại đều lìa xa. Còn lại như luận phân rõ.

Trong đoạn tám là lìa xa tham... trở xuống có ba loại trình bày về lìa xa nghiệp ác của ý, đều chỉ có đối trị lìa xa, không có hai loại còn lại, có thể biết. Trong luận, không tham có ba loại: 1) Sự là tài vật thuộc về sự việc của người khác, loại này có hai, đó là tài vật đã thâu nhiếp, sự việc hiện tại thuộc về ý nghĩ, đồ vật tuy không hiện có mà từ xa có thuộc về mình, có ý nghĩ bảo vệ đồ vật ấy; hai loại này gọi là giống như đồ vật thuộc về người khác. 2) Thể là Thể của tài vật, loại này cũng có hai, đó là vàng bạc... chỉ là đồ vật sử dụng chứ không có thể ăn-mặc, áo-cơm có tác dụng cung cấp cho thân; hai loại này là cảnh thuộc về tham, cho nên nói là do người khác thâu nhiếp sử dụng. 3) Sai biệt là bởi vì tham có ba loại Hạ-Trung-Thượng, đó là: Một, khởi lên mong muốn; hai, nguyện được thuộc về mình; ba, khởi lên ý đoạt lấy. Lìa xa ba tham

này, cho nên nói là không dấy lên nghĩ rằng mình sẽ lấy đồ vật ấy.

Trong đoạn chín là lìa xa sân, trong luận về kinh có ba: 1) Thâu nhiếp đối trị; 2) Lìa xa chướng ngại; 3) Phát khởi thực hành. Kinh này tóm lược không có hai loại sau. Ngay trong phần thâu nhiếp đối trị, luận có sáu tâm vì năm chúng sinh, ở đây chỉ có bốn tâm: Một là đối với oán thù khởi lên tâm Từ; hai là đối với nghèo khổ khởi lên tâm Bi; ba là đối với chúng sinh đắm vào lạc thú khởi lên tâm làm lợi ích, dùng pháp để tưới thấm khiến cho lìa xa phóng túng; bốn là phát tâm Bồ-đề, đối với chúng sinh vất vả mệt nhọc, khởi lên tâm yêu thương nghĩ đến mà làm lợi ích. Lại trong luận nói: Tâm Từ... này có sáu loại chướng, là trình bày về sáu tâm trước đây có sáu chướng này. Ở đây không phải phân biệt, là không phải các chướng hai-ba giống như chướng cùng một đối trị, cũng không phải đối trị hai-ba giống như đối trị cùng một chướng, không thể nào phân biệt như vậy, cho nên nói là không phải phân biệt; cũng không phải là mỗi một loại phân biệt trái ngược nhau, chỉ là tất cả chướng và tất cả đối trị. Trong sáu loại: 1) Dựa theo oán thù sinh trưởng, là sức mạnh của Sân mà thôi. 2) Dựa theo gần gũi không sinh..., là sức mạnh của Hận. 3) Dựa theo thiện của mình không sinh... là sức mạnh của Cấu. 4) Dựa theo bất thiện sinh trưởng, là sức mạnh của Hại. 5) Dựa theo những sự việc không yêu thích khác, là sức mạnh của Vọng tưởng. 6-Dựa theo sự việc yêu thích không sinh... là sức mạnh của Đố. Vì vậy nói là theo thứ tự của câu văn mà nói. Căn bản của vô lượng ác hành là giải thích về chữ Đẳng, còn lại như luận có thể biết.

Trong đoạn mười là lìa xa tà kiến, trong luận có bảy loại Kiến đưa ra hai môn: Một là dựa theo hành, hai là dựa theo con người.

Trong một là dựa theo hành: Đầu là một loại về Nguyện tà, bởi vì nguyện Tiểu thừa. Tiếp là ba loại về Giải tà, bởi vì nhìn nhận điên đảo: a) Tà kiến; b) Giới thủ; c) Kiến thủ. Tiếp là hai loại về Hạnh tà, bởi vì che giấu lỗi lầm giả vờ tốt lành: a) Che giấu lỗi lầm; b) Giả vờ tốt lành. Sau cuối là một loại về Tín tà, bởi vì tin theo thế gian. Đối trị bảy loại này, gọi là lìa xa tà kiến.

Trong hai là dựa theo con người: Đầu là bốn loại về Phạm hạnh cầu chúng sinh, một loại là cùng pháp Tiểu thừa, ba loại sau là tà kiến ngoại đạo. Tiếp là hai loại về ham muốn cầu chúng sinh. Sau cuối là một loại về quả báo cầu chúng sinh.

Nay kinh này tóm lược không có Thừa khác và Giới thủ kiến. Tin sâu sắc về tội phước trong năm loại còn lại là không gian trá lừa dối. Còn lại như luận phân rõ, có thể biết.

Nói Bồ-tát như vậy thường bảo vệ thiện đạo, là phần ba tổng quát kết luận về thành tựu thực hành. Thứ nhất về Giới lìa xa, xong.

Trong Tụ hai là Nhiếp thiện pháp giới, có bốn: Một là Trí, hai là Nguyện, ba là Quán, bốn là Hành.

Một là Trí. Nói dấy lên tư duy chúng sinh rơi vào đường ác là do mười bất thiện, đây là Trí có ba nghĩa: 1) Đã nhận biết điều gì? Nhận biết về nhân quả khổ đau của chúng sinh. 2) Nhờ vào đâu nhận biết? Nhờ trước đây tự mình lìa xa mười điều ác, liền nghĩ đến chúng sinh không tự mình lìa xa điều ác. 3) Vì sao nhận biết? Nhận biết chúng sinh có ác nghiệp, tự mình thực hành thiện nghiệp vì muốn chuyển hóa người khác, vốn là Đại Bi. Trong luận nói nương theo điều ác..., là giải thích về Đạo. Cũng gọi là hưởng đến nơi đau khổ của thân đau khổ, là giải thích về Ác. Thường rơi vào, là giải thích về Đạo. Trên đây là giải thích về quả của khổ. Dưới đây là giải thích về nhân của khổ, nghĩa là bởi vì mười nghiệp bất thiện thâm nhiếp đến số của tất cả các quả ác. Trong luận dùng Số để thâm nhiếp mười trong kinh. Ác thâm nhiếp bất thiện. Quả thâm nhiếp ba đường. Đến thâm nhiếp nghiệp ấy, bởi vì nghiệp có đến nơi của quả. Thọ là giải thích về nghĩa tích tập, nghĩa là tích tập quả gọi là Tập, tiếp nhận quả gọi là Thọ, vốn là nghĩa tương tự. Hành là giải thích về nghĩa của nhân, nghĩa là sinh ra quả gọi là nhân, hưởng đến quả gọi là hành, vốn là nghĩa tương tự.

Hai từ “Ngã đương tự trú...” trở xuống là trình bày trong Nguyện cũng có ba nghĩa: 1) Nguyện về điều gì? Nguyện tự mình trú vào pháp thiện, cũng khiến cho người khác trú vào. 2) Nhờ vào đâu mà nguyện? Nhờ trước đây nhận biết chúng sinh do nghiệp mà rơi vào nẻo ác. 3) Vì sao nguyện? Bởi vì tâm Đại Bi không lìa bỏ, do đó tự mình thực hành đều vì chúng sinh. Trong văn có hai: Một là tổng quát nêu ra sự việc của Nguyện. Hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là đưa ra vấn đề để giải thích về thành tựu, có thể biết. Nhiếp Luận tụng v.v...

Ba từ “Hựu thâm tư duy...” trở xuống là trình bày về Quán, nghĩa là quán gồm chung về mười thiện có năm lớp, nghĩa cũng có ba: 1) Quán về điều gì? Quán gồm chung về chướng, mười ác đã đối trị, năm lớp có thể đối trị. 2) Nhờ vào đâu mà quán? Nhờ vào trước đây nguyện tự mình trú vào pháp thiện, cũng khiến cho người khác trú vào, nếu không hiểu về pháp thiện thì biết trú vào đâu. 3) Vì sao quán? Quán về pháp thiện bởi vì mong muốn thâm nhiếp để bắt đầu thực hành. Trong văn có hai: a) Tư duy về mười bất thiện rơi vào nẻo ác, là chướng đã đối trị; b) Từ “Hành thập thiện...” trở xuống là trình bày về mười thiện



thuộc năm lớp, là hành có thể đối trị.

Hỏi: Mười thiện trong này và mười thiện thuộc Luật nghi giới trên đây khác nhau thế nào?

Đáp: Trước đây hướng về chấm dứt điều ác, nay dựa theo thực hiện điều thiện, chấm dứt và thực hiện không giống nhau, cho nên phân ra hai phần vị.

Hỏi: Mười thiện trái ngược với mười ác, mười ác đã chỉ có một, mười thiện sao phải có năm lớp?

Đáp: Tính ra trái ngược với bất thiện cũng phải là một, nhưng bởi vì thiện tùy theo không có trí, cho nên gọi là thế gian; tùy theo trí có hơn-kém, cho nên có bốn phần vị của xuất thế gian.

Hỏi: Thiện đã có năm lớp, thì mười ác đã trái ngược cũng phải có năm. Điều này thế nào? Nghĩa là mười thiện của trời-người trái ngược với mười ác của nẻo ác, mười thiện của Thanh văn trái ngược với mười ác của trời-người, cho đến mười thiện của Như Lai trái ngược với mười ác của Bồ-tát, thích hợp như vậy chăng?

Đáp: Không phải như vậy, ác trái ngược với thiện, trái với lý tổn hại đến chúng sinh, bất thiện là tương thô không nối thông với phần vị trên, cho nên chỉ có một thiện trái với ác, thuận theo lý làm lợi ích chúng sinh, phước tùy theo trí nối thông với phần vị trên, cho nên có năm loại, vì vậy do năm phần vị mà li xa ác như nhau cho nên chỉ có một loại; thiện đã thành tựu khác nhau cho nên có năm lớp, đây chính là chấm dứt giống nhau mà thực hiện thì sai khác. Vì vậy Địa này là mười thiện của Bồ-tát, hãy còn không phải Nhị thừa, hướng gì giống như phần vị phạm phu? Nếu dựa theo nương nhờ mà nói thì cũng thấu nhiếp phần vị phạm phu.

Hỏi: Bất thiện là nghiệp thô không nối thông với phần vị trên, không có thể dựa theo trên mà nói có năm lớp; bất thiện hướng xuống dưới, chưa biết là cũng có thứ bậc hay không?

Đáp: Dựa theo tâm-dựa theo cảnh cũng có năm loại: 1) Nặng nhất như kinh Như Lai Bí Mật Tạng nói: “Như cha đạt được đạo Duyên giác, con đoạn dứt mạng sống của cha, là tội nặng trong sát sinh.” Còn lại như trên nói. 2) Hơi nặng như giết người..., như Giới Kinh nói. 3) Nặng như giết súc vật..., như trong này nói. 4) Nhẹ như kinh Bí Mật Tạng, sau lại tiếp tục nói. 5) Không có tội, như Bồ-tát Giới nói: “Vì cứu sống nhiều mạng và cứu nghiệp vô gián mà đoạn dứt mạng sống kẻ ấy, thì không phạm...” Đều nói đầy đủ như trong chương mười bất thiện trước đây.

***Trong năm lớp: Thứ nhất là trời-người, có thể biết.***

**Thứ hai là trong Thanh văn**, luận nói quán Thật tướng là tổng quát quán về mười ác và mười thiện của trời-người, có đủ bốn Đế cho nên gọi là Thật tướng. Sau là riêng biệt hiển bày hai môn về quán bốn Đế, như luận có thể biết.

Hòa hợp với Trí về quán bốn Đế này tu hạnh Thanh văn, trong luận thì Trí tuệ giống như Quán. Tu hành vô phân biệt, có hai nghĩa: Một là dựa theo cảnh, cùng quán-cùng tu như nhau đối với bốn Đế thuộc hai loại thiện ác trước đây không có gì sai khác, cho nên gọi là vô phân biệt. Hai là dựa theo trí, nghĩa là trí này quán Đế của Thanh văn, hòa hợp với mười thiện đạo, cho nên gọi là cùng quán-cùng hành vô phân biệt. Trên đây là câu tổng quát, so sánh với dưới làm sáng tỏ về thù thắng.

Sau là riêng biệt có năm câu, so sánh với trên hiển bày về thua kém. Trong luận, trong năm câu: Đầu là ba câu trình bày về thua kém Bồ-tát, hai câu sau trình bày về thua kém Duyên giác. Trong năm câu, câu đầu là nhân tích tập có hai nghĩa: Một là Tánh nhân, hai là Tập nhân. Nay trong luận này tạm thời đưa ra Tập nhân, nghĩa là do quá khứ đã huân tập thiện căn hạn hẹp yếu kém, dựa vào tích tập khởi lên nay đã trở thành hạnh, cho nên gọi là nhân tích tập; cũng là tích tập trở thành chủng tánh, gọi là nhân tích tập. Như kinh nói nếu tâm yếu kém... có thể biết. Bốn câu còn lại, văn luận tự hiển bày có thể biết.

**Thứ ba là trong mười thiện của Duyên giác, có hai:** Một là tổng quát. Hai từ “Bất tùng tha...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, có ba:

1) Không nghe từ người khác mà tự nhiên biết được, trong Địa Luận nói là nghĩa về Tự giác, nghĩa là bởi vì không nhờ vào Phật và Bồ-tát thuyết giảng. Luận Du Già quyển thứ 34: “Trong địa vị Độc giác trình bày về chủng tánh Độc giác có ba tướng, trong tướng thứ ba nói: Tánh vốn có của Độc giác trước lúc chưa chứng được Bồ-đề ấy, có chủng tánh Trung căn là chủng loại thực hành chậm chạp, do nhân duyên này mà tâm hết sức mong muốn, không có thầy-không ai địch nổi mà chứng Bồ-đề.”

2) Không thể nào đầy đủ phương tiện Đại Bi, trong Địa Luận nói là nghĩa về không thể nào thuyết pháp, nghĩa là không khởi tâm thuyết pháp, là giải thích về không có đủ Đại Bi; bởi vì không có thể thuyết pháp, là giải thích về không có đủ phương tiện. Trong Du Già gọi là chủng tánh Bi nhỏ bé, do nhân duyên này, đối với sự thuyết giảng Chánh pháp làm lợi ích cho hữu tình thì tâm không yêu thích, mà đối với sự việc ít suy nghĩ trú trong vắng lặng thì tâm rất yêu thích.

3) Nói mà có thể tiến sâu vào cho đến Bích-chi Phật thừa, trong Địa Luận nói là nghĩa về quán cảnh giới nhỏ bé, nghĩa là bởi vì thực hành quán về cảnh của nhân duyên vi tế. Trong này, cảnh giới nhỏ bé có hai nghĩa: Một là dựa theo mười hai nhân duyên, chỉ có hai pháp Khổ-Tập, cho nên gọi là nhỏ bé; hai là duyên sinh sâu xa vi tế gọi là nhỏ bé. Nay chọn lấy nghĩa sau. Luận Du Già nói có chủng tánh Trần nhỏ bé, do nhân duyên này tâm không ưa thích ở nơi ồn ào náo loạn... Trong luận Du Già có năm tướng: 1) Chủng tánh; 2) Đạo; 3) Tập; 4) Trú; 5) Hành. Mở rộng giải thích như luận ấy. Địa Luận nói: “Nhân tích tập sợ khổ rời bỏ chúng sinh..., là trình bày cùng với Thanh văn để phân rõ về giống nhau và khác nhau, nghĩa là trong năm tướng của Thanh văn, có ba tướng giống nhau và hai tướng khác nhau. Hai tướng khác nhau, là loại này không dựa vào thầy mà dựa vào Chỉ thù thắng, có thể quán sát về pháp nhân duyên sâu xa vi tế cho nên Quán thù thắng.”

Hỏi: Không có thể thuyết pháp và rời bỏ chúng sinh này khác nhau thế nào?

Đáp: Thanh văn cũng có năng lực có thể thuyết giảng biện luận, bởi vì không có Đại Bi, mà rời bỏ chúng sinh hướng về vắng lặng, nay Độc giác cũng không có năng lực thuyết giảng. Luận Du Già nói: “Hoặc là tế độ người khác thấp kém ngu muội, thì dùng thân tế độ chứ không dùng lời nói. Nguyên cố thế nào? Bởi vì chỉ hiện bày thân tướng để thuyết pháp cho chúng sinh chứ không phát ra lời nói, thị hiện các loại cảnh giới thần thông, cho đến vì khiến cho tâm của những người phỉ báng sinh lòng quy hướng.” Nhưng ở đây có hai loại: 1) Thành tựu Độc giác thì gọi là Lân Giác dụ; 2) Thành tựu Độc Thắng thì gọi là Bộ Hành dụ. Còn lại như luận Du Già nói.

**Thứ tư là trong mười thiện của Bồ-tát, trong Địa Luận có bốn:** Một loại đầu là nhân của hành, hai loại tiếp là tướng của hành, một loại sau là phần vị của hành.

Một, nói về hành là mười thiện cho đến vô lượng vô biên, đây là nhân tích tập, nghĩa là thiện căn luyện tập xưa kia dựa vào đây mà khởi hạnh. Trong luận có ba nghĩa, giải thích: 1) Dựa vào tất cả pháp thiện, khởi hạnh là trình bày về nhân của hành Tự lợi; 2) Dựa vào tất cả chúng sinh... là trình bày về nhân của hành Lợi tha; 3) Tâm Đại thừa... là đưa ra Thể của nhân, nghĩa là tâm này rộng lớn vô lượng vô biên. Lại giải thích: 1) Giải thích về tâm Đại; 2) Tâm Quảng; 3) Tâm vô lượng, có thể biết.

Hai, từ “Ư chúng sinh...” trở xuống là trình bày về Dụng, nghĩa

là tâm Lợi tha duyên với khổ có thể làm lợi ích. Thấy chúng sinh quen theo nhân khổ mà nhận chịu quả khổ, khởi tâm Từ Bi là Dụng của Bồ-tát.

Ba, nói về có lực của phương tiện, trình bày về lực phương tiện ấy là hành Lợi tha, tức là phương tiện bốn Nhiếp, dựa vào Từ trước đây mà khởi lên, vốn là lực phương tiện ấy.

Bốn, từ “Chí nguyện...” trở xuống là trình bày về Địa, nghĩa là phần vị làm chỗ dựa của hành. Trong đó phân ba, nghĩa là ba A-tăng-kỳ đều đầy đủ nơi chốn làm một, cho nên có ba phần vị. Văn nghĩa như luận giải thích đầy đủ, nên biết. Nói các Địa thanh tịnh..., bởi vì các Địa thanh tịnh vốn là thanh tịnh bậc Thượng Thượng, và Ba-la-mật thanh tịnh vốn là thanh tịnh bậc nhất, làm cho hành rộng lớn thứ ba ấy thành tựu, mới được đầy đủ trọn vẹn. Trong luận hỏi-đáp và giải thích, có thể biết.

**Thứ năm là trong mười thiện của Phật**, luận về kinh có tổng quát-có riêng biệt, trong này chỉ có riêng biệt chứ không có tổng quát. Trong riêng biệt có bốn: Ba loại đầu chính là quả Phật, một loại sau là hành trong Địa này. Trong ba loại đầu: Một, nói về đạt được quả Phật, là tập khí của mười bất thiện ấy cùng diệt hết, cho nên nói là đạt được quả Phật. Hai, từ “Thập lực...” trở xuống là hiển bày về đức riêng biệt của Phật, trình bày về mười thiện nghiệp tự tại, cho nên thành tựu rời bỏ đối với Nhị thừa. Ba, nói về tích tập các pháp của Phật, nghĩa là dựa vào phương tiện thiện xảo của Bồ-tát thừa tích tập các pháp của Phật, khiến cho đầy đủ trọn vẹn. Trên đây là phần Quán, xong. Bốn từ “Thị cố...” trở xuống là trình bày về Hành. Giải thích có hai nghĩa: 1) Gần thì hướng đến thiện của Phật để kết luận về tâm mong cầu, cho nên gọi là không hề chán đủ. Luận dựa vào đây giải thích, là thâm nhiếp trong thiện của Phật. 2) Trên đã nói thông với Quán về thiện có năm lớp, nay mới kết luận đã thuận theo thực hành mười thiện, chỉ mong cầu thiện nghiệp của Phật. Nhiếp thiện pháp giới, xong.

Trong Tụ ba là Nhiếp chúng sinh giới, cũng gọi là Lợi ích chúng sinh giới. Trong đó, luận phân làm năm: Một. Trí, nghĩa là khéo léo nhận biết về nhân quả khổ đau của chúng sinh; Hai. Dựa vào Trí khởi Nguyện, nguyện vì chúng sinh mà tự mình tu pháp thiện; Ba. Dựa vào Nguyện khởi Hạnh, như lời thề mà tu; Bốn. Dựa vào Hạnh để thâm nhiếp chúng sinh, Bi là căn bản của lợi ích, cho nên gọi là Tập; Năm. Dựa vào Bi đích thực thành tựu Hạnh thâm nhiếp chúng sinh, gọi là quả của Tập.

Trong phần một là Trí, có ba: 1) Tổng quát nhận biết về nhân của khổ; 2) Từ “U trung...” trở xuống là riêng biệt nhận biết về quả của khổ; 3) Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về điều đã nhận biết.

Trong phần 1, luận gọi là Thời sai biệt, nghĩa là đối với quả trình bày về nhân, quả có ba nẻo không giống nhau. Lúc nhận biết rõ ràng về nhân cũng có ba phần vị sai biệt, cho nên nói Thượng là nhân của địa ngục... Ở đây, Thượng-Trung-Hạ có hai nghĩa: Một là dựa theo Cảnh có ba phẩm, hai là dựa theo Tâm cũng có ba phẩm. Suy nghĩ chính xác điều này.

Hỏi: Các luận như Tạp Tập..., đều nói Hạ là bàng sinh, Trung là ngạ quỷ..., vì sao cùng với ở đây không giống nhau? Đáp: Theo kinh Chánh Pháp Niệm, ba phẩm này đều có hai, nghĩa là tám địa ngục lớn từ Đại hải trở xuống Vô gián..., là địa ngục Chính thức; như các địa ngục nhỏ ở các nơi trong núi Thiết Vi..., gọi là địa ngục Phụ thuộc. Lại như ngạ quỷ Ba-tra-ca, ngạ quỷ Thiết Cước..., gọi là ngạ quỷ Chính thức, nghĩa là đầu như núi lớn, cổ như cây kim..., rất nhiều khổ não; như các nơi hố hầm... ở giữa loài người, có quỷ ăn đàm dãi của con người..., gọi là ngạ quỷ Phụ thuộc. Lại trong súc sinh, như loài rồng Nhiệt Sa..., nhận chịu nhiều khổ đau gọi là súc sinh Chính thức; các loài súc sinh ở trong cõi người, gọi là súc sinh Phụ thuộc. Trong ba loại này, địa ngục Phụ thuộc và Chính thức so với ngạ quỷ-súc sinh, bởi vì luôn luôn khổ đau cho nên không còn nói gì khác. Nếu dùng ngạ quỷ Phụ thuộc so với súc sinh Chính thức, thì súc sinh nặng mà ngạ quỷ nhẹ; kinh này dựa theo đây mà nói. Nếu dùng ngạ quỷ Chính thức so với súc sinh Phụ thuộc, thì ngạ quỷ nặng mà súc sinh nhẹ; luận Tạp Tập... dựa theo đây mà phân rõ. Vì vậy cho nên không trái ngược nhau.

Trong phần hai là hiển bày riêng biệt, Địa Luận hiển bày về hai quả: Một. Quả thuộc về báo, nghĩa là ba đường ác vốn nhận chịu báo của khổ; Hai. Quả thuộc về tập khí, trong loài người vốn nhận chịu quả còn sót lại. Trong luận Tạp Tập quyển thứ bảy nói đều có ba quả: Một là quả Dị thực, hai là quả Đẳng lưu, ba là quả Tăng thượng.

Một, trong sát sinh thì quả Dị thực tùy theo Hạ-Trung-Thượng nhận chịu khổ đau của ba nẻo ác. Hai là quả Đẳng lưu, luận ấy chỉ nói một quả, đó là mạng sống ngắn ngủi. Trong này có hai: a) Lúc giết hại mà mạng sống chưa đoạn dứt, khiến cho người khác đau khổ, dựa theo phần vị phương tiện này mang lấy báo ứng nhiều bệnh; b) Chánh mạng đoạn dứt cho nên mang lấy báo ứng mạng sống ngắn ngủi. Ba là quả Tăng thượng, luận Tạp Tập nói: “Đó gọi là đồ dùng bên ngoài thiếu

hắn ánh sáng, là quả Tăng thượng của sát sinh.”

Hai, trong trộm cướp thì quả Dị thực của báo có thể biết. Trong Đẳng lưu, cùng chung tài sản mà không được tự tại, cũng dựa theo phần vị phương tiện, bởi vì tuy có tài sản mà không được sử dụng. Quả Tăng thượng, bởi vì không cho mà lấy, phần nhiều gặp phải sương giá-mưa đá.

Ba, trong tà dâm thì Đẳng lưu gặp phải quyến thuộc không tùy ý, cũng là dựa theo phương tiện mà mang lấy quả. Quả Tăng thượng, bởi vì ham muốn tà hạnh cho nên gặp nhiều xấu xa.

Bốn, trong nói dối thì trong Đẳng lưu gặp phải bài báng dựa theo cảnh trái ngược mà mang lấy, vì lừa dối dựa theo tâm trái ngược mà mang lấy. Lại vì lừa dối cũng là phương tiện, bởi vì có tâm lừa dối. Quả Tăng thượng, bởi vì nói dối cho nên gặp nhiều xấu xa.

Năm, trong Đẳng lưu của lời nói hai lưỡi, gặp phải quyến thuộc tệ hại xấu xa, là trong phương tiện khiến cho quyến thuộc của người khác không muốn nhìn nhau, cho nên mang lấy báo này. Quả Tăng thượng, bởi vì nói lời chia rẽ cho nên cao thấp hiểm trở.

Sáu, trong Đẳng lưu của lời nói thô ác, lời nói luôn luôn có tranh cãi đúng sai, dựa theo phương tiện mà mang lấy; lại thường nghe âm thanh dữ tợn, dựa theo Thể của lời nói thô ác mà mang lấy. Quả Đẳng lưu thì lời nói luôn luôn có tranh cãi đúng sai, dựa theo làm trái với tất cả người khác mà mang lấy quả. Quả Tăng thượng, bởi vì lời nói thô ác cho nên đất nơi ấy phèn chua muối mặn khô cằn bạc màu.

Bảy, trong Đẳng lưu của lời nói vô nghĩa, nói không rõ ràng là bởi vì lời nói không nghiêm túc, là quả Đẳng lưu chính thức. Người ta không tin lời nói, là dựa theo phương tiện mà mang lấy quả. Quả Tăng thượng, là vì nói thêu dệt cho nên thời tiết thay đổi thất thường.

Tám, trong Đẳng lưu của tham dục, nhiều ham muốn dựa theo phương tiện, không có thỏa mãn ngay nơi phần vị chính thức, trong Tập Luận gọi là tham càng trở nên mạnh mẽ. Quả Tăng thượng, là bởi vì tham dục cho nên trái quả thiếu thốn.

Chín, trong Đẳng lưu của nóng giận, tìm tòi tốt xấu dựa theo phương tiện mà mang lấy quả, quả chính thức có thể biết, trong Tập Luận gọi là sân càng trở nên mạnh mẽ. Quả Tăng thượng, là bởi vì sân cho nên trái có vị đắng cay.

Mười, trong Đẳng lưu của tà kiến, tâm nịnh hót quanh co là quả thuộc phương tiện, trong Tập Luận vốn gọi là Si tăng thượng. Quả Tăng thượng, là bởi vì tà kiến cho nên trái có vị cay đắng, hoặc là hoàn toàn

không có trái.

Trong phần ba từ “Chư Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về Tụ khổ to lớn vô lượng. Phần một về Trí, xong.

Trong phần hai là Nguyện: Dấy lên ý nghĩ như vậy... là nguyện lìa xa bất thiện. Thực hành mười thiện đạo, là nguyện trú vào thiện. Cũng khiến cho... là đích thực vì thâm nhiếp chúng sinh.

Trong phần ba là Hạnh: Từ “Như thị niệm dĩ...” trở xuống là trình bày về tu tập phát khởi Tự hành dựa vào Nguyện trước đây. Từ “Diệc linh tha...” trở xuống là trình bày về thành tựu Hạnh thâm nhiếp chúng sinh dựa vào Tự hành. Trong luận, xa lìa chướng là giải thích về lìa xa mười bất thiện, tu hành đối trị là giải thích về an trú trong mười thiện đạo.

Trong phần bốn là Tập: Nói Bồ-tát này lúc bấy giờ... là trình bày về mười loại tâm: 1) Vì cứu giúp nghiệp ác; 2) Vì chúng sinh đau khổ; 3) Vì oán ghét; 4) Vì tham lam; 5) Vì niềm vui; 6) Vì ngoại đạo; 7) Vì chúng sinh tiến vào pháp; 8) Người cùng với mình bằng nhau thì suy tôn làm Thầy; 9) Người có đức hơn mình thì tôn trọng như bậc Đại Sư; 10) Người mới phát tâm Bồ-đề kém hơn so với mình thì thâm nhiếp giống như chính mình. Trong luận, nương theo Đại thừa để tiến lên, là giải thích về tâm bậc thầy; tích tập đầy đủ công đức, là giải thích về tâm tôn trọng. Nghĩa còn lại đều giải thích như luận, có thể biết.

Trong phần năm là quả của Tập, có hai: Trước là riêng biệt trình bày về thâm nhiếp chúng sinh; sau từ “Chư Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần trước là cứu giúp thâm nhiếp cũng có mười loại chúng sinh, văn đều có hai: Một là nêu ra chúng sinh đã giáo hóa; hai là trình bày về lợi ích của giáo hóa. Trong Tập trước đây là phần giải thích về mười tâm, dựa vào mười loại chúng sinh trước đây để giải thích về sai biệt; nay mười loại này, nơi mỗi một chúng sinh đều có mười tâm cứu bạt như trước: Một loại đầu là chúng sinh tà giải, chín loại còn lại là chúng sinh tà hạnh.

Lại trong mười loại, luận phân làm bốn: Đầu là một loại về giáo hóa chúng sinh điên đảo, nghĩa là trái với lý-trái với cảnh; tiếp có năm loại về giáo hóa chúng sinh mong cầu, nghĩa là mong cầu năm dục bên ngoài; tiếp là hai loại về giáo hóa chúng sinh có mong cầu, mong cầu quả báo trong ba cõi; sau cuối là về giáo hóa chúng sinh mong cầu Phạm hạnh, vọng tưởng mong cầu về đạo vượt ra.

**Trong phần thứ nhất:** Trước là nêu ra chúng sinh đã giáo hóa, sau

từ “Ngã ưng...” trở xuống là trình bày về lợi ích của giáo hóa.

Trong phần trước: Một là tổng quát; Hai từ “Tà tâm...” trở xuống là riêng biệt.

Trong riêng biệt, tà tâm là trong luận nói về ác tâm, trong luận nói là có ác ý. Nói ác tâm, đây là hai điên đảo về Ngã-Tịnh, hướng về Thường-Lạc, căn bản của Tập khởi cho nên nói là tâm. Ngã là gốc của Thường, Tịnh là nguồn của Lạc, hai tánh này có sẵn chứ không phải do tác ý sinh ra, cho nên gọi là ác tâm, không phải là hành chuyên niệm. Lại ác ý, là hai điên đảo về Thường-Lạc, cùng duyên mà hiện khởi gọi là hành chuyên niệm thuộc ác ý. Trong kinh này đưa ra gốc thu lấy ngọn, cho nên tóm lược không có ác ý. Nói đi vào đường sai lạc nguy hiểm, trình bày về bốn điên đảo này là nhân của đường ác.

Trong phần sau là trình bày về chủ động giáo hóa: Trước là Bi; sau là Nhiếp. Trong Nhiếp, khiến cho trú vào Chánh kiến là đối trị rơi vào tà kiến trước đây; trong pháp như thật là đối trị con đường nguy hiểm trước đây. Còn lại như luận giải thích.

**Thứ hai từ “Thị chư chúng sinh...”** trở xuống là trình bày về giáo hóa chúng sinh mong cầu, phần này có hai loại: 1) Thọ dụng đối với năm dục hiện có sinh ra lỗi lầm, gọi là luôn luôn thọ dụng; đây là dựa theo lúc nhận lấy quả. 2) Theo đuổi đối với năm dục chưa có được mà dấy khởi lỗi lầm, gọi là luôn luôn theo đuổi; đây là dựa theo lúc tạo ra nhân.

Ngay trong phần một có ba: Một. Có được tài sản không chung, nghĩa là đồ vật đã có được không cùng chung với người khác, vào lúc chi phí sử dụng khởi lên lỗi lầm do nóng giận. Hai. Có được tài sản không hề thỏa mãn, là lúc mong cầu không hề thỏa mãn sinh ra lỗi lầm do tham lam. Ba. Có được tài sản tích trữ, là tích trữ mà không sử dụng, thuận theo phát sinh ba độc tăng thêm lỗi lầm do si mê.

Ngay trong phần một là giáo hóa chúng sinh có tài sản không chung, có hai: Trước là thụ động, sau là chủ động; cũng là trước lỗi lầm, sau là đối trị.

Trong lỗi lầm: Đầu là đấu tranh lẫn nhau ở trong lời nói; sau là oán hận lẫn nhau ở trong tâm, gọi là phân biệt về người và mình. Trong luận, suy nghĩ dấy lên đáp trả là giải thích về sân hận, việc làm hừng hực là giải thích về nôn nóng hừng hực, tăng trưởng là giải thích về không dừng lại. Trong chủ động đối trị, vì đối trị sân hận mà làm cho trú vào Đại Bi.

**Thứ ba từ “Thị chư chúng sinh thường tham...”** trở xuống là giáo



hóa chúng sinh có được tài sản không hề thỏa mãn: Trước là thụ động giáo hóa; sau là chủ động giáo hóa.

Trong phần trước: 1. Thường tham... là trong tâm khó thỏa mãn; 2. Luôn luôn lấy... là xâm phạm cướp đoạt bằng thân và miệng. Trong luận, tranh chấp là thân, nói dối là miệng, nói Đẳng là đều áp dụng những mưu kế khác. Như vậy đều có thể khéo léo xâm phạm tài sản của người khác mà không làm cho họ nhận biết, gọi là phương tiện chiếm đoạt.

Trong phần sau, chủ động giáo hóa khiến cho an trú, thân-khẩu thanh tịnh là đối trị tà mạng trước đây, ý nghiệp thanh tịnh là đối trị tâm tham lam trước đây.

**Thứ tư từ “Thị chú chúng sinh tùy trực...”** trở xuống là giáo hóa chúng sinh có được tài sản tích trữ.

Trong phần trước là thụ động giáo hóa có hai: 1) Bởi vì tích trữ mà phát sinh ba độc; 2) Từ “Thường vi...” trở xuống là kết luận lỗi lầm thuộc về si mê. Trong luận, bởi vì Thể lỗi lầm là giải thích về chữ Nhân trong kinh ấy, nghĩa là bởi vì tích trữ và tham lam... làm nhân. Sau là riêng biệt giải thích: Bởi vì nhiễm trước vào đó, là giải thích về tham; sử dụng phân tán khởi lên nóng giận, là giải thích về sân; ngắm nhìn quý báu... là giải thích về si. Từ “Sổ vi...” trở xuống là giải thích kết luận thành tựu lỗi lầm của si, nghĩa là không thấy lửa đốt-không mong cầu đối trị.

Trong phần sau là trình bày về chủ động đối trị, nơi chốn mát lành là Niết-bàn.

Ba môn trên đây là giáo hóa chúng sinh dấy khởi phiền não. Hai môn dưới đây là giáo hóa chúng sinh tạo ra nghiệp, nghĩa là theo đuổi phát sinh lỗi lầm. Trong đó có hai: Đầu là theo đuổi quả báo của hiện tại mà tạo ra những nghiệp ác, sau là theo đuổi quả báo của đời sau mà tạo ra nghiệp thiện hữu lậu.

**Thứ năm từ “Thị chú chúng sinh thường vi vô minh...”** trở xuống là giáo hóa chúng sinh theo đuổi quả báo của hiện tại mà thường làm những điều ác.

Trong phần trước là thụ động giáo hóa có bốn câu: 1) Lỗi lầm do Vô minh che phủ tâm, nghĩa là vì Vô minh mà không thấy báo ứng của hiện tại thật là khổ, do đó tùy tiện sinh ra tưởng là niềm vui, mong cầu niềm vui hư vọng này mà gây ra nhiều tội lỗi; lại không biết tội lỗi này ở vị lai sẽ có quả báo rất đau khổ.

2) Từ “Nhập Đại hắc...” trở xuống là trình bày về lỗi lầm tăng

thêm ác rời xa thiện, nghĩa là do mê mờ ngu muội về dị thực này, cho nên tạo ra nghiệp của nẻo ác. Trong luận: Từ “Thị ngu si nhân đấng giả...” trở xuống là văn giải thích về lỗi lầm thứ hai này, nghĩa là dựa vào si mê mà khởi tham-sân... Sử đầy đủ gọi là si, là nhân của Sử. Nói ngăn cản hành thiện là rời xa thiện, tức là lia xa nơi chốn của Trí vô lậu; thuận theo hành bất thiện là tạo ra nghiệp ác.

3) Từ “Nhập ư sinh tử...” trở xuống là trình bày do lỗi lầm mà nhận chịu báo ứng khổ đau. Trong luận: Từ “Thọ chí Đại đối quá...” trở xuống là giải thích về lỗi lầm thứ ba này, nghĩa là nghiệp nhân này thấu nhận quả gọi là Thọ, đến quả gọi là Chí, quả khổ đã nhận chịu có nhiều đối đãi ngăn trở, cho nên gọi là Đối, đối đãi đến cùng gọi là Đại. Vả lại, Đại Đối có hai: a) Nhận chịu thân đau khổ ấy; b) Đến nơi đau khổ ấy.

4) Từ “Tùy trực...” trở xuống là lỗi lầm tăng thêm tà kiến. Trong luận: Từ “Đa tác tội nhân...” trở xuống là giải thích về lỗi lầm thứ tư này, nghĩa là bởi vì gây ra nhiều nhân duyên tội lỗi, cho nên lúc sắp mạng chung thấy tướng của địa ngục, tâm tuy sinh ra hối hận mà không thể nào tập hợp được Chánh kiến để đối trị điều ấy, cho nên gọi là tùy theo tà kiến.

Trong phần sau là lợi ích của chủ động giáo hóa, có ba: 1) Giáo hóa chúng sinh ấy khiến cho đạt được Tuệ nhãn, ngược lại với câu thứ nhất trước đây; 2) Dùng Tuệ nhãn thấy tướng của Thật pháp, đối trị câu thứ hai trước đây; 3) Thấy Thật tướng liền đạt được Phật trí vô ngại, đối trị hai câu sau, nghĩa là Chứng thuận theo tâm mà khởi, gọi là không tùy theo nơi khác... Còn lại như luận giải thích.

**Thứ sáu từ “Thị chư chúng sinh đọa sinh tử đạo...”** trở xuống là giáo hóa chúng sinh theo đuổi quả báo của đời sau mà thường thực hành các nghiệp thiện, nghĩa là do mê mờ về Thắng nghĩa của xuất thế, Vô minh tạo ra phước của nghiệp bất động, mong cầu báo ứng của trời-người ở vị lai: Trước là trình bày về thụ động giáo hóa, sau là chủ động giáo hóa.

Trong phần trước, câu riêng biệt có mười, luận phân làm ba: Một. Tự Thể của con đường nguy hiểm gọi là Thể; Hai. Ở đó khó ra khỏi gọi là chướng ngại; Ba. Trú vào đó mất đi pháp thiện xuất thế gian cho nên gọi là mất.

Trong phần một, thiện căn đã ít khiến cho báo ứng của trời-người thay đổi nguy hiểm có thể sụp đổ gọi là con đường nguy hiểm.

Trong phần hai là chướng ngại, có tám: Đầu là hai câu mê mờ về Khổ; tiếp là hai câu mê mờ về Tập; tiếp là hai câu mê mờ về Đạo; sau

là hai câu mê mờ về Diệt.

Trong hai câu đầu: Câu một là quả báo của Khổ, câu hai là mê mờ về Khổ. Trong câu một, sắp rơi xuống..., nghĩa là chán ngán lìa xa ba nẻo, mà tạo ra nghiệp thiện mong cầu niềm vui; luận gọi là mong cầu ra khỏi, nhưng thuận theo thế gian rơi vào nghiệp ác là lỗi lầm, như con đường nguy hiểm ở thế gian có nguy cơ sắp rơi xuống. Câu hai, đi vào mạng lưới tà kiến, là như con đường nguy hiểm ở thế gian, cỏ dại-dây leo đan nhau chằng chịt, không có đường nào tiến lên để vượt qua; con đường nguy hiểm của sinh tử, ác kiến khó vượt ra được, nghĩa là trời-người thật sự khổ, mà tùy tiện sinh ra ý tưởng niềm vui.

Trong hai câu tiếp từ “Vi chủng chủng...” trở xuống: Câu trước là mê mờ về Tập, câu sau là tạo ra Tập. Trong câu ba, như con đường nguy hiểm ở thế gian có cây cỏ um tùm, bong tối che khuất tầm nhìn không biết đường đi; con đường nguy hiểm của sinh tử, do si mê tối tăm mà che mờ không biết về nhân của khổ. Câu bốn, từ “Tùy trực...” trở xuống là trình bày về tạo ra Tập ấy, như con đường nguy hiểm ở thế gian, có rất nhiều lối tắt nhỏ hẹp, muốn tiến lên mà lại quay về; con đường nguy hiểm của sinh tử, tà pháp đầy khắp thế gian, đi vào tà thì lạc mất chánh.

Trong hai câu tiếp từ “Thường vi...” trở xuống là mê mờ về Đạo: Câu trước là không có Thể của Đạo, câu sau là không có duyên của Đạo. Trong câu năm, như người ở nơi nguy hiểm mà mù mắt khó ra khỏi, phàm phu không có Tuệ nhãn thì không có đường nào ra khỏi, nghĩa là đắm theo quả của trời-người, do si ái che kín tâm. Câu sáu, xa rời người dẫn đường là trình bày về không có duyên của Đạo, như người ở nơi nguy hiểm tự mình đã không có mắt, lại không có người dẫn dắt, không biết từ đâu mà tiến lên. Trong luận: Sinh vào đường ác là ba ác đạo; phóng dật.. là ba nạn thuộc về Bắc Câu-lô châu, cõi trời Trường Thọ và Thế trí biện thông, cũng bao gồm những nơi chốn của trời-người, tuy gặp thời có Phật mà không thấy-không nghe, là sống mù-sống điếc.

Trong hai câu sau từ “Phi xuất yếu...” trở xuống là trình bày mê mờ về Diệt: Câu đầu là đích thực mê mờ, câu sau là có chướng ngại. Trong câu bảy, như người ở nơi nguy hiểm lạc mất phương hướng, phía Đông nói là phía Tây, hướng về Nam lại đi vào Bắc, nghĩa là mong cầu Niết-bàn mà sai lầm cầu theo Chánh báo của Phạm Thiên, Y báo của Phạm Thế; đây đều là Thiên thứ nhất.. chọn lấy ở phía trên, cho là Niết-bàn. Câu tám, tùy thuận tâm ma là trình bày về chướng ngại đối

với Diệt, như người ở nơi nguy hiểm, giặc thù đã bao vây khó có thể thoát ra; phàm phu cũng như vậy, ác ma đã xâm phạm, năm dục là cảnh ma, phiền não là tâm ma, tham đắm gọi là tùy thuận, đã có công đức mà lại làm cho mất hết, công đức chưa phát khởi thì không khiến cho tích tập.

Trong phần ba là trình bày đối với mất đi, luận về kinh có ba: Một loại đầu là mất đi đối với con người, hai loại sau là mất đi đối với pháp.

Trong mất đi đối với pháp: Một là mất đi pháp lìa xa ác, hai là mất đi đối với pháp thiện. Nay trong kinh này tóm lược không có hai loại đầu, nghĩa là pháp thiện xuất thế gian khởi lên thuận với tâm Phật thì gọi là ý Phật, làm trái thì gọi là lìa xa.

Trong phần sau trình bày về chủ động giáo hóa, có hai: 1) Khiến cho vượt qua... là đối trị với tự Thể của con đường nguy hiểm trước đây; 2) Khiến cho dừng lại... là đối trị với chướng ngại trước đây. Trái lại với mất đi, có thể biết.

Trên đây là hai môn trình bày về tạo nghiệp sai biệt, xong.

**Thư bảy từ “Thị chư chúng sinh vi phiền não...”** trở xuống là trình bày về giáo hóa chúng sinh có mong cầu, phân rõ về thọ báo sai biệt, cũng có hai môn: 1) Đạo sai biệt là lỗi lầm lưu chuyển trong năm nẻo; 2) Giới sai biệt là lỗi lầm bị trói chặt trong ba cõi.

Trong phần một có hai: Trước là trình bày về thụ động giáo hóa, sau là hiển bày về chủ động giáo hóa.

Trong phần trước: Câu đầu là tổng quát; từ “Dục hữu...” trở xuống là riêng biệt.

Trong tổng quát, luận nói là lỗi lầm chìm vào sông lớn, là chìm nổi giữa thác nước phiền não trong năm nẻo giống như sông lớn, vì vậy mong cầu có trong chìm đắm là lỗi lầm.

Trong riêng biệt có mười ba câu, luận thâm nhiếp làm ba: Một. Phiền não là năm, sinh khởi Thể của sông; Hai. Nơi nhiều tổn hại gọi là khởi lên tai nạn; Ba. Lìa xa đạo xuất thế gọi là mất đi. Lại một là tên gọi về Thể của Hoặc, hai là trình bày về chướng đạo, ba là mất đi thiện hữu.

**Trong phần một có năm:**

1) Dục hữu... là hiển bày về sâu thẳm, vốn như dòng sông sâu ở thế gian gọi là sông lớn, bốn Lưu tràn đầy gọi là nước nhiều vô lượng.

2) Trôi theo dòng sinh tử, là hiển bày về Lưu vốn như dòng sông, tuy sâu nhưng nếu không có tuôn chảy nối tiếp thì có thể khô cạn, nay

phiền não luôn luôn tuôn chảy cho nên không thể hết được.

3) Từ “Nhập Đại...” trở xuống là thiết lập tên gọi của dòng sông, như gọi là sông lớn, hiển bày sông ấy không phải là nhỏ. Bởi vì nước Hữu Ái mà chìm đắm cho nên gọi là sông Ái. Phiền não không phải là một, vì sao chỉ nêu ra tên gọi của Ái? Bởi vì Ái luôn luôn tưới thấm trong chìm nổi, làm cho sinh tử liên tục, dùng Ái làm nguồn gốc cho nên chỉ nêu rõ tên gọi của Ái, lý thật thì bao gồm những loại khác.

4) Từ “Vị chư phiền não...” trở xuống là hiển bày về trôi nhanh, như dòng chảy nếu chậm chậm thì người còn dễ thoát ra, chảy xiết thì khó mà vượt qua; phiền não nếu chậm chậm thì Thánh đạo có thể phát sinh, hiện hành không gián đoạn thì Thánh đạo khó mà phát ra. Luận nói niệm niệm không dừng là không gián đoạn, vốn là giải thích về thế mạnh của phiền não; không thấy bờ là không có đối trị, vốn là giải thích về không thể nào mong cầu...

5) Từ “Thường vi dục giác...” trở xuống là hiển bày về rộng như dòng sông, nếu hẹp thì tuy chảy xiết mà có thể vượt qua, khởi lên nhiều hiểu biết xấu ác cho nên khó có thể vượt qua. Lại như dòng sông không có trùng độc, hoặc là có thể dễ dàng vượt qua, nay bị loài trùng hiểu biết xấu ác làm hại cho nên khó có thể vượt ra.

Trong phần hai là trình bày về khởi lên tai nạn, có bốn: Một loại đầu là Kiến chấp; hai loại tiếp là Ái, một là dựa theo chủng tử không diệt cho nên trở lại, hai là dựa theo hiện hành nhiễm trước cho nên chìm trong bùn; một loại sau là Mạn. Như người ở giữa dòng sông có bốn điều khó vượt ra: 1) Bị giữ chặt; 2) Bị dòng nước xoáy tròn; 3-Vì chìm trong bùn; 4) Vướng vào bãi khô không đến được bờ bên kia. Nghĩa là Ái làm cho đắm trước, Mạn làm cho tâm nổi cao, ví như mặt đất cháy khô, nước pháp không thể thấm ướt. Trong luận nêu ra Ngã... là chọn lấy ba loại Ngã mạn, như trong ba loại sau: 1) Ngã mạn; 2) Đại mạn; 3) Kiêu mạn. Một là tự cao đối với người dưới mình, hai là tự đại đối với người ngang mình, ba là không cung kính đối với người trên mình. Còn lại như luận giải thích.

Trong phần ba là trình bày về mất đi, có ba: Một loại đầu là mất đi vì nẻo ác không có người cứu giúp. Hai loại sau là mất đi vì nẻo thiện không có gì vượt ra, một loại đầu là mất đi nhân vượt ra, một loại sau là mất đi duyên vượt ra. Lại giải thích trong hai loại sau: Một loại đầu là mất đi vì ở trời-người không có ý vượt ra, một loại sau là mất đi vì sinh ra gặp phải tám nạn ở nơi khác. Còn lại như luận hiển bày.

Trong phần sau là chủ động giáo hóa, có hai: Một là khởi tâm giáo

hóa; hai từ “Dĩ thiên...” trở xuống là thành tựu về thực hành giáo hóa. Thực hành có bốn câu: 1) Khiến cho lìa xa nhân của khổ; 2) Được an ổn là khiến cho đạt được Niết-bàn; 3) Lìa xa sợ hãi là khiến cho lìa xa quả của khổ; 4) Ở trên châu lục của Trí là khiến cho đạt được Bồ-đề.

**Thứ tám từ “Thị chư chúng sinh thâm tâm...”** trở xuống là trong phần trình bày về Giới sai biệt: Trước là thụ động giáo hóa, sau là chủ động giáo hóa.

Trong phần trước: Đầu là tổng quát, nghĩa là tâm hết sức tham trước đối với ba cõi, thuộc về sự việc khó mà vượt ra giống như lao ngục; sau là riêng biệt hiển bày về điều ấy. Trong luận, như lao ngục ở thế gian có năm loại lỗi lầm: 1) Đòn roi đánh đập khổ sở; 2) Chi phí sử dụng tiền bạc sinh hoạt; 3) Thân thuộc chia lìa; 4) Gông xiềng trói buộc vào thân; 5) Muốn vượt ra không biết từ đâu. Lao ngục cả ba cõi cũng có năm loại này: 1) Khổ vì bệnh tật; 2) Khổ vì mong cầu không được; 3) Khổ vì yêu thương chia lìa; 4) Xiềng xích của Ái trói chặt; 5) Vô minh che lấp tối tăm. Ba loại trước là khổ báo, hai loại sau là phiền não. Trong luận, năm loại hoạn nạn là trở lại so sánh để giải thích, như không có bệnh tật là vui sướng; chướng ngại này gọi là hoạn nạn, bốn loại còn lại cũng như vậy. Trong này nói có nhiều đau buồn sâu khổ, thì trong luận là loại thứ ba khổ vì yêu thương chia lìa; hoạn nạn khổ não là sự việc khổ đau thứ nhất. Ba loại còn lại có thể biết.

Trong phần sau là trình bày về lợi ích của chủ động giáo hóa, đối trị trói chặt trước đây vì vậy nói là khiến cho trú vào Niết-bàn vô ngại. Giáo hóa chúng sinh có mong cầu, xong.

Trong phần sau là trình bày về giáo hóa chúng sinh mong cầu Phạm hạnh, cũng có hai: Đầu là giáo hóa chúng sinh mong cầu Phạm hạnh tà vạy, khiến cho bỏ Tà quay về Chánh; sau là giáo hóa chúng sinh mong cầu Phạm hạnh chính đáng, khiến cho bỏ Tiểu tiến vào Đại.

**Thứ chín từ “Thị chư chúng sinh thâm trước ngã...”** trở xuống là giáo hóa các ngoại đạo tà kiến...

Trong phần trước là thụ động giáo hóa: Đầu là câu tổng quát, nghĩa là các ngoại đạo trước kia Câu sinh đắm vào Ngã sâu nặng, lại Phân biệt kế chấp khó loại bỏ, cho nên nói là đắm sâu vào... Trong luận, đây là căn bản của những Kiến khác, là giải thích về chỗ khó hiểu, nghĩa là vì sao chỉ nêu ra Ngã kiến là lỗi lầm, bởi vì là căn bản của những Kiến khác, những kiến như Đoạn-Thường... đều dựa vào đây mà khởi lên.

Sau là trong riêng biệt có sáu câu: Ba câu đầu là xa lìa niềm vui

thuộc Đệ-nhất-nghĩa, ba câu sau là đầy đủ các khổ.

Trong ba câu đầu có ba loại là đầu-giữa và sau: Đầu là không có phương tiện phát khởi ban đầu, tiếp là tạo ra hành động không chính đáng, sau là cuối cùng hưởng đến không chân thật. Một. Mong cầu Niết-bàn để diệt khổ của Uẩn, bởi vì chấp Ngã cho nên không ra khỏi nhà của Ấm, trời-người như cái tổ, nẻo ác giống hang sâu. Hai. Từ “Thường tùy...” trở xuống là tạo ra hành động không chính đáng, bởi vì vọng tưởng điên đảo cho nên đi lầm vào đường khác. Ba. Từ “Y lục nhập...” trở xuống là trình bày cuối cùng hưởng đến không chân thật, chấp Ngã hư vọng muốn hưởng đến Niết-bàn, an trí Ngã này mà vọng cầu quả báo thuộc sáu Nhập như Phạm Thiên-Tự Tại Thiên... cho là Niết-bàn. Bởi vì ở trong Ngã hư vọng, Ngã hư vọng thật sự không có, cho nên nói là tập hợp trống rỗng.

Trong ba câu sau là đầy đủ các khổ, hai câu đầu là khổ bên trong, một câu sau là khổ bên ngoài. Trong khổ bên trong: Một. Khổ vì bốn Đại trái ngược nhau. Hai. Khổ vì năm Ấm bức bách thay đổi. Kinh này là phiền não giết chết thiện căn. Ba. Thọ ở đây đều là khổ bên ngoài, cũng là tổng quát kết luận về nhiều khổ. Còn lại như luận giải thích.

Trong phần sau là chủ động giáo hóa, có hai: 1) Khiến cho trú trong Đạo để là đối trị tướng Ngã trước đây; 2) Từ “Sở vị...” trở xuống khiến cho trú trong Diệt để là đối trị sáu câu sau, có thể biết.

**Thứ mười từ “Thị chư chúng sinh kỳ tâm...”** trở xuống là giáo hóa chúng sinh mong cầu Phạm hạnh chính đáng cùng với pháp Tiểu thừa.

Trong phần trước là thụ động giáo hóa, có ba: 1) Không mong cầu nhân của Đại, nghĩa là tâm ấy hẹp hòi yếu kém thì vốn không có năng lực rộng độ chúng sinh; vui với pháp Tiểu thừa thì vốn không mong cầu Đại Bồ-đề, ngược lại với hai tâm này thì rộng lớn gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. 2) Từ “Viễn ly...” trở xuống là không nguyện Đại quả. Hai loại trên đây là lỗi lầm của tâm mong cầu. 3) Từ “Tham trước...” trở xuống là trình bày về lỗi lầm của hành thay đổi, nghĩa là trong tự Bất định thật sự có pháp giải thoát của Đại thừa, mà trái lại vui thích tu tập thực hành theo pháp Tiểu thừa, vốn là lỗi lầm.

Trong phần sau là trình bày về chủ động giáo hóa, có hai: 1) Khiến cho trú trong tâm rộng lớn là đối trị tâm hẹp hòi yếu kém trước đây. 2) Từ “Vô lượng...” trở xuống là đối trị nguyện hành trước đây. Trên đây là mở rộng trình bày về tướng của Nhiếp chúng sinh giới.

Từ “Chư Phật tử...” trở xuống là phần thứ hai tổng quát kết luận. Nói tùy thuận năng lực trì giới, là dựa vào duy trì đối với Luật nghi

giới-Nhiếp thiện pháp giới trước đây, khởi lên lực của Nhiếp chúng sinh giới này. Luận nói là dựa vào hạnh trì giới cho nên đạt được lực của Tự giới này, vì vậy có thể khéo léo thực hiện pháp thiện khởi lên các thiện hạnh thâm nhiếp chúng sinh, cho nên nói là tâm Đại Từ Bi có thể phát sinh rộng lớn. Trên đây là ba Tự giới trình bày về Thể của Địa, xong.

Từ đây trở xuống là trong phần thứ ba trình bày về quả của Địa, ba quả giống như Địa trước. Đầu là quả Điều nhu cũng có ba: 1) Tướng của Điều nhu; 2) Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về Địa riêng biệt; 3) Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận.

Trong phần một có ba, đó là Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp: Một. Thấy chư Phật là duyên luyện tập thực hành. Hai. Từ “Dĩ y bị...” trở xuống là trình bày về chủ động luyện tập thực hành. Ba. Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về thanh tịnh đã luyện tập.

Trong chủ động luyện tập, có hai: Một là cúng dường Đức Phật; hai từ “U chư Phật...” trở xuống là tiếp nhận giáo pháp, bởi vì Giới của Địa cho nên tiếp nhận mười pháp thiện. Trong luận, có là cùng trình bày về ba quả Điều nhu... giống như Địa trước, không có là nên biết trình bày về không có quả Phát thú, khuyến khích để nhận biết. Trong này, sự việc thù thắng... là trong quả Điều nhu thù thắng vượt quá Địa trước. Nay tóm lược hiển bày, ngay trong thanh tịnh đã luyện tập, do nhiều kiếp lia xa hai cấu nhiễm, vì vậy khiến cho Thí-Giới câu sinh trở thành thanh tịnh. Địa trước thì tánh của Giới chưa thanh tịnh, khiến cho Thí cũng chưa thanh tịnh; nếu như vậy thì vì sao trước gọi là Thí tăng thượng? Giải thích: Quả ấy so với Địa trước là phía trên, đến đây chuyển sang thù thắng, vì vậy tóm lược nói về hạnh của các Địa thì có bốn nghĩa: 1) Dựa vào riêng biệt để hiển bày về khác nhau, Địa thứ nhất chỉ riêng Bồ thí cho đến Địa thứ mười chỉ riêng Trí tăng thượng. 2) Phân rõ hơn hẳn vượt qua yếu kém, Địa thứ nhất là Bồ thí hơn hẳn, Địa thứ hai là Bồ thí-Trì giới, Địa thứ ba là ba Độ, cho đến Địa thứ mười là mười Độ, đều bởi vì sau gồm đủ trước, cho nên sau hơn hẳn so với trước; trước không gồm đủ sau, cho nên trước yếu kém so với sau. 3) Dựa theo tu Thật hạnh, trong mỗi một Địa đều có đủ mười Độ. 4) Dựa theo hạnh Chứng lý, chỉ là bình đẳng và bình đẳng, không phải một-không phải nhiều, các Địa sau đều dựa theo đây. Dụ và Hợp, có thể biết.

Trong Địa riêng biệt lia xa bốn lỗ lằm của miệng cho nên gồm đủ Ái ngữ.



số 733-10 QUẢN NIỆM KINH THIÊN HUỆN KỲ, quyển 19

Trong quả Nhiếp báo, Kim Luân vượt qua trước. Trước số trăm ở đây số ngàn, luận Du Già nói: “Nên biết là uy lực vượt qua trước gấp mười lần.” Nghĩa còn lại như luận, và giống như Địa trước, nên biết.

Trong đoạn lớn thứ ba là trùng tụng, có hai mươi sáu kệ phân sáu:

1) Hai kệ đầu tụng về mười loại tâm thẳng thắn trước đây; 2) Có bốn kệ tụng về Luật nghi giới trước đây; 3) Có bốn kệ tụng về Nhiếp thiện pháp giới; 4) Có tám kệ tụng về Nhiếp chúng sinh giới; 5) Có bảy kệ tụng về quả Điều nhu... 6) Cuối cùng một kệ tụng kết luận ca ngợi về pháp đã thuyết giảng. Địa thứ hai, xong.

